

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG TP HỒ CHÍ MINH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRUNG CẤP TIẾNG ANH

TP. Hồ Chí Minh – Năm 2019

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-LTT-ĐT, ngày tháng năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

Tên ngành, nghề: TIẾNG ANH

Mã ngành, nghề: 5220206

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy (Tín chỉ)

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THCS

Thời gian đào tạo: 03 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo Nhân viên chuyên ngành tiếng Anh có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khoẻ tốt để có thể làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Anh, đáp ứng được yêu cầu xã hội và của nền kinh tế hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Kiến thức

- Kiến thức chung: có hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực Khoa học xã hội để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ;

- Kiến thức chuyên ngành: có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về các bình diện ngôn ngữ Anh như ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, ngữ nghĩa, kiến thức về quy tắc giao tiếp - văn hoá, khả năng nhận biết việc sử dụng các mô hình tương tác khác nhau trong tiếng Anh, và sự nhận biết được những giá trị văn hóa tương ứng; có kiến thức chuyên sâu và kỹ thuật biên, phiên dịch, kiến thức về khoa học sư phạm, cơ sở lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh làm tiền đề cho công việc dịch thuật và giảng dạy;

- Kiến thức bổ trợ: đạt trình độ trình độ A Quốc gia hoặc chứng chỉ quốc tế tương đương về một trong các ngôn ngữ: Hoa, Pháp, Đức, Nhật, Tây Ban Nha hoặc Hàn Quốc; đạt trình độ B về tin học ứng dụng.

Kỹ năng

Sử dụng thành thạo các kỹ năng ngôn ngữ: nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp xã hội và chuyên môn tương đương với trình độ B1 của Hội đồng Châu Âu hoặc bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam. Có khả năng áp

dụng công nghệ tiên tiến vào công tác chuyên môn, làm việc theo nhóm, quản lý nhóm và nghiên cứu khoa học về các vấn đề ngôn ngữ, văn học, văn hóa - văn minh của các nước cộng đồng Anh ngữ.

Thái độ

Có đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỉ luật lao động và tôn trọng nội quy của cơ quan, có ý thức cộng đồng và tác phong công nghiệp, trách nhiệm công dân, làm việc theo nhóm và làm việc độc lập, có tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Đào tạo học sinh ngành Tiếng Anh có đủ kiến thức và kĩ năng để có thể làm việc tốt ở các vị trí sau:

- Lĩnh vực kinh tế thương mại: Thư ký, trợ lý ngôn ngữ, nhân viên văn phòng, phụ trách giao dịch thư tín, lễ tân trong các nhà máy, công ty đa quốc gia, công ty nhà nước có đối tác sử dụng tiếng Anh;
- Lĩnh vực du lịch: Nhân viên văn phòng du lịch, bộ phận chăm sóc khách hàng của khách sạn, nhà hàng có khách hàng sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ giao tiếp;
- Lĩnh vực giáo dục: Trợ giảng cho giảng viên bản ngữ tại các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông;
- Các lĩnh vực, vị trí công tác khác: Biên phiên dịch tự do, nhân viên tại các cơ quan ngoại giao, văn phòng đại diện, tổ chức phi chính phủ, tổ chức quốc tế cần nhân lực biết tiếng Anh.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: **50**
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: **139** tín chỉ.
- Khối lượng các môn học chung/ đại cương: **315** giờ.
- Khối lượng các môn học văn hóa: **1110** giờ.
- Khối lượng các môn học chuyên môn: **1110** giờ.
- Khối lượng lý thuyết: **542** giờ; Thực hành, thực hành, thí nghiệm: **883** giờ.
- Thời gian khóa học: **03** năm.

3. Nội dung chương trình:

Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành / thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung/ đại cương	19	315	149	148	18
LLCT402	Giáo dục Chính trị	2(1,1,3)	30	15	13	2

Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành / thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
LLCT406	Pháp luật	1(1,0,2)	15	9	5	1
KHCB424	Giáo dục thể chất (*)	1(0,1,1)	30	4	24	2
KHCB417	Giáo dục Quốc phòng và An ninh (*)	3(2,1,5)	45	21	21	3
CNTT4200	Tin học	3(1,2,3)	45	15	29	1
KHCB443	Ngoại ngữ 1	3(1,2,3)	60	20	30	2
KHCB444	Ngoại ngữ 2	2(1,1,3)	30	10	26	2
KT401	Kỹ năng mềm (*)	4(4,0,8)	60	55		5
II	Các môn học văn hóa	74	1110	1074		36
KHCB401	Toán 1	4(4,0,8)	60	58		2
KHCB405	Toán 2	4(4,0,8)	60	58		2
KHCB409	Toán 3	4(4,0,8)	60	58		2
KHCB413	Toán 4	4(4,0,8)	60	58		2
KHCB419	Toán 5	5(5,0,10)	75	73		2
KHCB420	Toán 6	5(5,0,10)	75	73		2
KHCB402	Vật lí 1	5(5,0,10)	60	58		2
KHCB406	Vật lí 2	4(4,0,8)	60	58		2
KHCB410	Vật lí 3	4(4,0,8)	60	58		2
KHCB414	Vật lí 4	4(4,0,8)	60	58		2
KHCB404	Ngữ văn 1	4(4,0,8)	60	58		2
KHCB408	Ngữ văn 2	4(4,0,8)	60	58		2
KHCB412	Ngữ văn 3	4(4,0,8)	60	58		2
KHCB416	Ngữ văn 4	4(4,0,8)	60	58		2
KHCB403	Hóa học 1	4(4,0,8)	60	58		2
KHCB407	Hóa học 2	4(4,0,8)	60	58		2
KHCB411	Hóa học 3	4(4,0,8)	60	58		2
KHCB415	Hóa học 4	4(4,0,8)	60	58		2
III	Các môn học chuyên môn ngành, nghề	46	1110	353	735	22
<i>III.1</i>	<i>Môn học cơ sở</i>	<i>17</i>	<i>315</i>	<i>183</i>	<i>120</i>	<i>12</i>
KHCB425	Ngữ pháp Tiếng Anh 1	2(2,0,4)	30	28		2
KHCB426	Ngữ pháp Tiếng Anh 2	2(2,0,4)	30	28		2
KHCB427	Thực hành Nghe 1	2(0,2,1)	60		60	

Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành / thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
KHCB428	Thực hành Nghe 2	2(0,2,1)	60		60	
KHCB429	Nói 1	3(3,0,6)	45	43		2
KHCB430	Nói 2	2(2,0,4)	30	28		2
KHCB431	Đọc	2(2,0,4)	30	28		2
KHCB433	Viết	2(2,0,4)	30	28		2
<i>III.2</i>	<i>Môn học chuyên môn ngành, nghề</i>	<i>25</i>	<i>735</i>	<i>114</i>	<i>615</i>	<i>6</i>
KHCB434	Thực hành Viết	2(0,2,1)	60		60	
KHCB435	Thực hành Biên dịch 1	2(0,2,1)	60		60	
KHCB436	Thực hành Biên dịch 2	2(0,2,1)	60		60	
KHCB437	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	2(0,2,1)	60		60	
KHCB439	Tiếng Anh du lịch	3(3,0,6)	45	43		2
KHCB441	Tiếng Việt Thực hành	2(0,2,1)	60		60	
KHCB442	Tiếng Anh kinh doanh	3(3,0,6)	45	43		2
KHCB445	Tiếng Anh Chăm sóc khách hàng	2(2,0,4)	30	28		2
KHCB438	Đồ án môn học Hành chính – Nhân sự	1(0,1,0)	45		45	
KHCB440	Thực tập Tốt nghiệp	6(0,6,0)	270		270	
<i>III.3</i>	<i>Môn học tự chọn (Chọn 2 trong 6 môn học sau)</i>	<i>4</i>	<i>60</i>	<i>56</i>		<i>4</i>
KHCB450	Tiếng Anh Thư điện tử	2(2,0,4)	30	28		2
KHCB451	Tiếng Anh Điện thoại	2(2,0,4)	30	28		2
KHCB452	Tiếng Anh Đàm phán	2(2,0,4)	30	28		2
KHCB453	Tiếng Anh Thuyết trình	2(2,0,4)	30	28		2
KHCB454	Tiếng Anh Nhà hàng	2(2,0,4)	30	28		2
KHCB455	Tiếng Anh Nhân sự	2(2,0,4)	30	28		2
Tổng cộng		139	2535	1576	883	76

Các môn học được gắn dấu (*), Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – An ninh và Kỹ năng mềm không tính vào điểm trung bình chung học tập nhưng là môn học điều kiện để xét hoàn thành khối lượng học tập, xét điều kiện dự thi tốt nghiệp, công nhận tốt nghiệp.

4. Kế hoạch giảng dạy

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Tên môn học: Học trước (a) Song hành (b)	Ghi chú
Học kỳ 1			18		
<i>Môn học bắt buộc</i>			<i>18</i>		
1	KHCB404	Ngữ văn 1	4(4,0,8)		
2	KHCB401	Toán 1	4(4,0,8)		
3	KT401	Kỹ năng mềm (*)	4(4,0,8)		
4	KHCB425	Ngữ pháp Tiếng Anh 1	2(2,0,4)		
5	KHCB427	Thực hành Nghe 1	2(0,2,1)		
6	KHCB441	Tiếng Việt Thực hành	2(0,2,1)		
<i>Môn học tự chọn</i>					
Học kỳ 2			25		
<i>Môn học bắt buộc</i>			<i>23</i>		
1	LLCT402	Giáo dục Chính trị	2(1,1,3)		
2	LLCT406	Pháp luật	1(1,0,2)		
3	KHCB424	Giáo dục thể chất (*)	1(0,1,1)		
4	KHCB417	Giáo dục Quốc phòng và An ninh (*)	3(2,1,5)		
5	KHCB405	Toán 2	4(4,0,8)	KHCB401(a)	
6	KHCB402	Vật lí 1	4(4,0,8)		
7	KHCB408	Ngữ văn 2	4(4,0,8)	KHCB404(a)	
8	KHCB428	Thực hành Nghe 2	2(0,2,1)	KHCB427(a)	
9	KHCB426	Ngữ pháp Tiếng Anh 2	2(2,0,4)	KHCB425(a)	
<i>Môn học tự chọn (chọn 1 trong 3 môn)</i>			<i>2</i>		
10	KHCB451	Tiếng Anh Điện thoại	2(2,0,4)		
11	KHCB452	Tiếng Anh Đàm phán	2(2,0,4)		
12	KHCB453	Tiếng Anh Thuyết trình	2(2,0,4)		
Học kỳ 3			24		
<i>Môn học bắt buộc</i>			<i>24</i>		
1	KHCB403	Hóa học 1	4(4,0,8)		
2	KHCB409	Toán 3	4(4,0,8)	KHCB405(a)	
3	KHCB406	Vật lí 2	4(4,0,8)	KHCB402(a)	
4	KHCB412	Ngữ văn 3	4(4,0,8)		
5	KHCB429	Nói 1	3(3,0,6)		
6	KHCB431	Độc	2(2,0,4)		
7	KHCB442	Tiếng Anh kinh doanh	3(3,0,6)		
<i>Môn học tự chọn</i>			<i>0</i>		

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Tên môn học: Học trước (a) Song hành (b)	Ghi chú
Học kỳ 4			23		
<i>Môn học bắt buộc</i>			23		
1	KHCB407	Hóa học 2	4(4,0,8)	KHCB403(a)	
2	KHCB416	Ngữ văn 4	4(4,0,8)	KHCB412(a)	
3	KHCB413	Toán 4	4(4,0,8)	KHCB409(a)	
4	KHCB410	Vật lý 3	4(4,0,8)	KHCB406(a)	
5	CNTT4200	Tin học	3(1,2,3)		
6	KHCB433	Viết	2(2,0,4)		
7	KHCB430	Nói 2	2(2,0,4)	KHCB429(a)	
<i>Môn học tự chọn</i>			0		
Học kỳ 5			24		
<i>Môn học bắt buộc</i>			22		
1	KHCB411	Hóa học 3	4(4,0,8)	KHCB407(a)	
2	KHCB414	Vật lý 4	4(4,0,8)	KHCB410(a)	
3	KHCB419	Toán 5	5(5,0,10)	KHCB413(a)	
4	KHCB443	Ngoại ngữ 1	3(1,2,3)		
5	KHCB434	Thực hành Viết	2(0,2,1)	KHCB433(a)	
6	KHCB437	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	2(0,2,1)		
7	KHCB435	Thực hành Biên dịch 1	2(0,2,1)		
<i>Môn học tự chọn (chọn 1 trong 3 môn)</i>			2		
8	KHCB450	Tiếng Anh Thư điện tử	2(2,0,4)		
9	KHCB454	Tiếng Anh Nhà hàng	2(2,0,4)		
10	KHCB455	Tiếng Anh Nhân sự	2(2,0,4)		
Học kỳ 6			25		
<i>Môn học bắt buộc</i>			25		
1	KHCB415	Hóa học 4	4(4,0,8)	KHCB411(a)	
2	KHCB420	Toán 6	5(5,0,10)	KHCB419(a)	
3	KHCB444	Ngoại ngữ 2	2(1,1,3)		
4	KHCB440	Thực tập Tốt nghiệp	6(0,6,0)		
5	KHCB436	Thực hành Biên dịch 2	2(0,2,1)	KHCB435(a)	
6	KHCB438	Đồ án môn học Hành chính – Nhân sự	1(0,1,0)		
7	KHCB439	Tiếng Anh du lịch	3(3,0,6)		
8	KHCB445	Tiếng Anh Chăm sóc khách hàng	2(2,0,4)		
<i>Môn học tự chọn</i>			0		
Tổng cộng			139		

5. Hướng dẫn sử dụng chương trình:

5.1. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Đề học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, nhà trường bố trí tham quan một số cơ sở sản xuất, kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo;
- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp.

5.2. Hướng dẫn kiểm tra hết môn học:

Thực hiện theo Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 713/QĐ-LTT-ĐT ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP. HCM.

5.3. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 713/QĐ-LTT-ĐT ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP. HCM.

5.4. Các chú ý khác (nếu có)

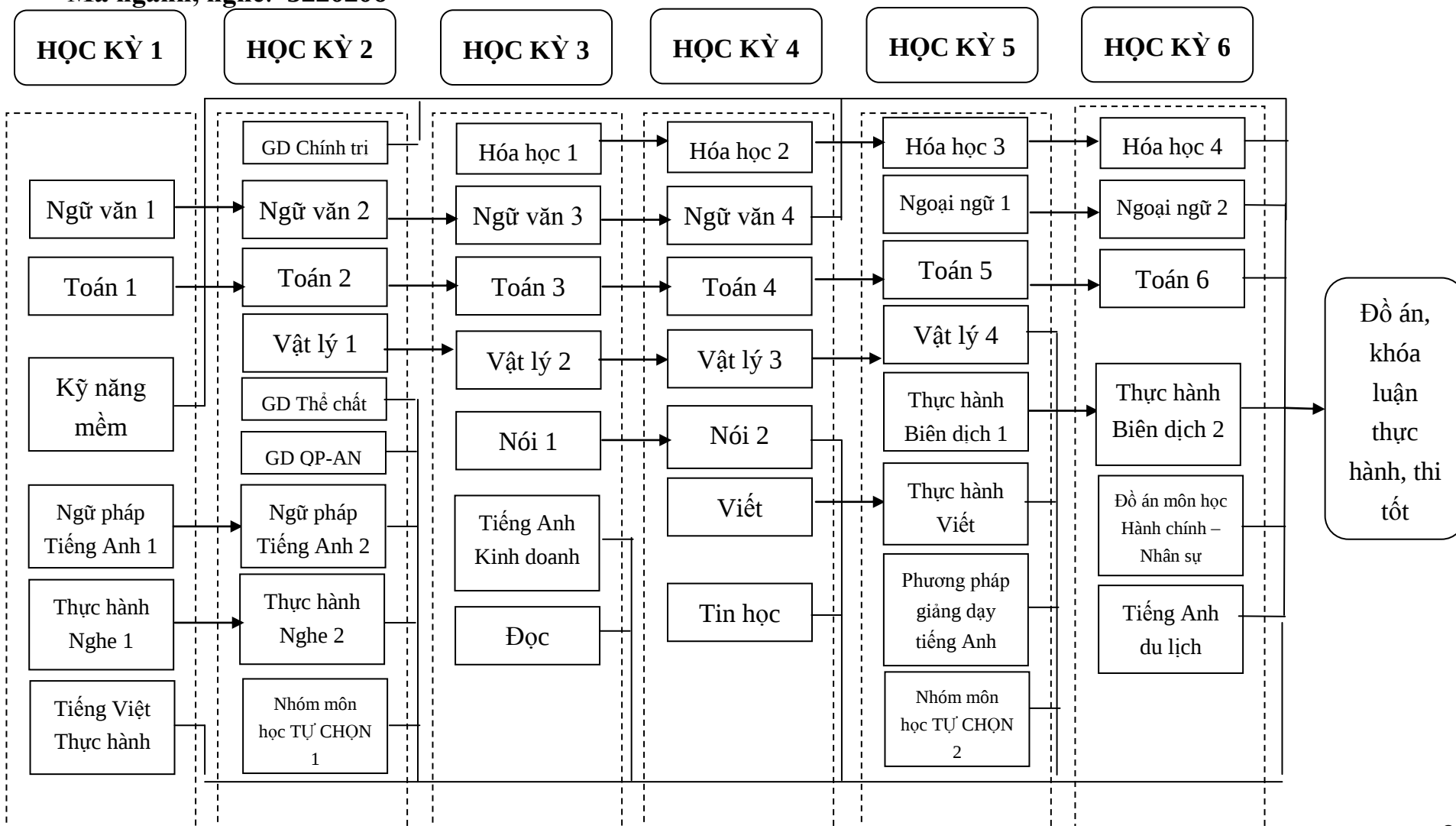
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành, nghề: Tiếng Anh

Mã ngành, nghề: 5220206



CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Ngữ pháp tiếng Anh 1

Mã môn học: KHCB425

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 00 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Ngữ pháp Tiếng Anh 1 là Môn học cơ sở thuộc nhóm các môn học chuyên môn ngành, giúp cho học sinh ôn lại các kiến thức ngữ pháp đã được học ở bậc phổ thông và khai thác sâu hơn một cách có hệ thống những kiến thức từ thấp lên cao.

Môn học thống kê một cách có hệ thống các cấu trúc cần thiết của ngữ pháp tiếng Anh, giúp cho giúp học sinh có cái nhìn tổng quan về ngữ pháp của tiếng Anh. Từ đó, học sinh có khả năng vận dụng ngữ pháp vào vào các kỹ năng khác của ngôn ngữ, đi đến việc sử dụng ngôn ngữ một cách thành thạo hơn trong thực tiễn.

– Tính chất:

Môn học Ngữ pháp Tiếng Anh 1 là môn học thuộc khoa học xã hội, mang tính lý thuyết. Chương trình học gắn liền với việc hình thành các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ thông qua sử dụng đúng cấu trúc ngữ pháp. Các điểm ngữ pháp tiếng Anh được trình bày ở dạng phân tích chi tiết kiến thức.

Học sinh khai thác sâu hơn những kiến thức về ngữ pháp từ cấp độ cơ bản đến nâng cao để làm nền tảng cho học sinh chuẩn bị tiếp cận tiếng Anh ở cấp độ bao quát hơn, tổng hợp hơn ở môn học sau.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi hoàn thành Môn học này học sinh có thể có được các khả năng:

Trình bày được các quy luật ngữ pháp, cấu trúc câu, mệnh đề, từ loại trong tiếng Anh.

Vận dụng các quy luật ngữ pháp vào thực tiễn trong các tình huống giao tiếp nghe, nói và viết một cách hiệu quả.

– Kỹ năng:

Trình bày được các quy luật ngữ pháp một cách hiệu quả.

Vận dụng những kiến thức ngữ pháp trong những tình huống giao tiếp khác nhau.

Vận dụng các quy luật ngữ pháp một cách hiệu quả.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học sinh có thái độ tích cực trong công việc, chính chu trong việc soạn thảo các loại văn bản, đúng ngữ pháp, đúng chủ đề, đúng thể thức văn bản hiện hành cho từng loại công việc, từng công ty chủ quản, tương ứng với quy định của quốc gia.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành / thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm Tra
1	Part 1 Words and sentences	4	4		
2	Part 2 Verbs	4	4		
3	Part 3 Question, negative and answers	4	4		
4	Test 1	1			1
5	Part 4 Modal verbs	4	4		
6	Part 5 The passive	4	4		
7	Test 2	1			1
8	Part 6 The infinitives and -ing verbs	4	4		
9	Part 7 Noun and articles	4	4		
Tổng cộng		30	28		02

1. Nội dung chi tiết:

Part 1: Words and sentences

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 1, học sinh có khả năng:

Sử dụng kiến thức về từ và các dạng câu trong tiếng Anh.

2. Nội dung chương:

2.1. Word classes: nouns, verbs, adjectives

2.2. Sentence structure: subject, verb, object

2.3. Direct and indirect objects

Part 2: Verbs

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 2, học sinh có khả năng:

Vận dụng kiến thức về các cách chia động từ theo các thì trong tiếng Anh.

2. Nội dung chương:

2.1. Present Continuous

2.2. Present Simple

2.3. Present Continuous or Present Simple

2.4. State verbs and action verbs

2.5. Past Simple

2.6. Past Continuous

2.7. Past Continuous or Past Simple

2.8. Present Perfect (1)

2.9. Present Perfect (2): just, already, yet, for and since

2.10. Present Perfect (3): ever, this week

2.11. Present Perfect or Past Simple (1)

2.12. Present Perfect Continuous (2)

2.13. Present Perfect Continuous

2.14. Present Perfect Continuous or Simple

2.15. Past Perfect

2.16. Review

2.17. Past Perfect Continuous

2.18. Review of Present and past tenses

2.19. **Will** and **shall**

2.20. **Be going to**

2.21. **Will** and **be going to**

2.22. Present tenses for the future

2.23. When I get there, before you leave, etc.

2.24. **Will be doing**

2.25. **Will have done** and **was going to**

2.26. Review of the future

2.27. The verb **have**

2.28. Short form (**it's**, **don't**)

2.29. Emphatic **do**

Part 3: Questions, negatives and answers

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 3, học sinh có khả năng
Sử dụng kiến thức về các dạng câu hỏi, các thể phủ định.
Chọn lọc được cách thức trả lời các dạng câu hỏi.

2. Nội dung chương:

2.1. 'Yes/no' questions

2.2. Short answers

2.3. Wh-questions

2.4. Subject/object questions

2.5. Preposition in wh-questions

2.6. **Who, what** or **which**

2.7. Negative statements

2.8. Negative questions

2.9. Question tags

2.10. **So/Neither do I** and **I think so**

Part 4: Modal verbs

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 4, học sinh có khả năng:

Trình bày kiến thức về các loại động từ khiếm khuyết.

Sử dụng đúng ngữ pháp các loại động từ khiếm khuyết.

2. Nội dung chương:

2.1. Ability: can, could and be able to

2.2. Permission: can, may, could and be allowed to

2.3. Possibility and certainty: may, might, could, must, etc

2.4. Necessity: must and have to

2.5. Necessity: mustn't, needn't, etc

2.6. Should, ought to, had better and be supposed to

2.7. Asking people to do things

2.8. Suggestions, offers and invitations

2.9. Will, would, shall and should

2.10. It may/could/must have been, etc

Part 5: The passive

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 5, học sinh có khả năng:

Trình bày kiến thức về các thể và cấu trúc bị động.

Vận dụng kiến thức về các thể và cấu trúc bị động.

2. Nội dung chương:

2.1. Passive verb forms

2.2. Active and passive (1)

2.3. Active and passive (2)

2.4. Special passive structures

2.5. Have something done

2.6. To be done and being done

Part 6: The infinitive and -ing verbs

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 6, học sinh có khả năng:

Trình bày kiến thức về các hình thái và chức năng của động từ trong câu.

Chọn lọc kiến thức về các hình thái và chức năng của động từ trong câu.

Sử dụng kiến thức về các hình thái và chức năng của động từ trong câu.

2. Nội dung chương:

2.1. Verb + to-infinitive

2.2. Verb + ing-form

2.3. Verb + to-infinitive or verb + ing-form?

2.4. Like, start, etc

2.5. Remember, regret, try, etc

2.6. Verb + object + to-infinitive or ing-form

2.7. Question word + to-infinitive

2.8. Adjective + to-infinitive

2.9. For with the to-infinitive

2.10. The infinitive with and without to

2.11. Verb/Adjective + preposition + ing-form

2.12. Afraid to do or afraid of doing?

2.13. Used to do and be used to doing

2.14. Preposition or linking word + ing-form

2.15. See it happen or see it happening?

2.16. Some structures with the ing-form

Part 7: Nouns and articles

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 7, học sinh có khả năng:

Trình bày kiến thức về danh từ và mạo từ.

Sử dụng đúng ngữ pháp các danh từ và mạo từ trong nhiều tình huống khác nhau.

2. Nội dung chương:

2.1. Ship and water: countable and uncountable nouns

2.2. A carton of milk, a piece of information, etc

2.3. Nouns that can be either countable or uncountable

2.4. Agreement

2.5. Singular or plural?

2.6. Pair nouns and group nouns

2.7. Two nouns together

2.8. A/an and the (1)

2.9. A/an and the (2)

2.10. A/an, one and some

2.11. Cars or the cars?

2.12. Prison, school, bed, etc

2.13. On Friday, for lunch, etc

2.14. Quite a, such a, what a, etc

2.15. Place names and the

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng đúng chuẩn của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội

2. Trang thiết bị máy móc: phòng lab, máy cassette, máy chiếu, laptop...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: tranh ảnh, phấn màu, nam châm...

John Eastwood (2006). *Intermediate Oxford Practice Grammar*. Oxford: Oxford University Press.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Hiểu biết sâu sắc và toàn diện các chủ điểm ngữ pháp.

- Kỹ năng:

Vận dụng các quy luật ngữ pháp đã học vào các kỹ năng khác của ngôn ngữ.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có tinh thần tự học và tự lên kế hoạch rèn luyện.

2. Phương pháp:

Giảng viên sử dụng linh hoạt các phương pháp trong giảng dạy phù hợp với từng kỹ năng ngôn ngữ, đơn vị bài học và trình độ của người học.

Hình thức thi: Thi tự luận hoặc trắc nghiệm tùy thuộc vào tình hình cụ thể của từng năm học

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học Ngữ pháp Tiếng Anh 1 được áp dụng để giảng dạy cho học sinh ngành Tiếng Anh bậc Trung cấp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Tùy theo thực tế giảng dạy, giảng viên có thể điều chỉnh một cách hợp lý trình tự của một số mục được sắp xếp liền nhau và thời lượng dành cho từng mục, miễn là không làm thay đổi tổng số giờ dạy của từng bài.

Giảng viên nên hướng dẫn học sinh tự nghiên cứu kiến thức trước khi đến lớp. Việc nghiên cứu được tiến hành qua hình thức nhóm, thảo luận ở nhà và thuyết trình tại lớp, với sự đôn đốc, kiểm tra thường xuyên của giảng viên. Nên đặt ra những câu hỏi giúp học sinh thảo luận, làm nổi bật trọng tâm của vấn đề

- Đối với người học:

Tự tìm hiểu và rèn luyện thêm các dạng bài tập, các kỹ năng trong giáo trình dưới sự hướng dẫn và trợ giúp của giảng viên để đạt đến hiệu quả cao hơn trong học tập.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Danh từ, động từ, thể bị động, câu hỏi và cách trả lời câu hỏi.

4. Tài liệu tham khảo:

Raymond Murphy (2006). *English Grammar In Use*. Third edition. Cambridge: Cambridge University Press.

Betty Schramper Azar (1989). *Understanding and Using English Grammar*. New Jersey: Prentice Hall Regents

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Ngữ pháp tiếng Anh 2

Mã môn học: KHCB426

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 00 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Chương trình môn học Ngữ pháp Tiếng Anh 2 là môn học cơ sở thuộc nhóm các môn học chuyên môn ngành, chương trình môn học Ngữ pháp Tiếng Anh giúp cho học sinh tiếp tục phát huy các kiến thức trên nền tảng của môn học Ngữ pháp Tiếng Anh 1; từ đó, làm cơ sở vững chắc cho việc phát triển các kĩ năng khác trong tiếng Anh

– Tính chất:

Chương trình môn học Ngữ pháp Tiếng Anh 2 là môn học thuộc khoa học xã hội, mang tính lí thuyết, gắn liền với việc hình thành các kĩ năng sử dụng ngôn ngữ. Chương trình hệ thống từ thấp lên cao các khái niệm ngữ pháp, từ đó có thể so sánh với tiếng Việt và vận dụng trong giao tiếp. Môn học học này cũng giúp học sinh các kiến thức bổ trợ để học môn học khác.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi hoàn thành môn học này học sinh có khả năng:

Trình bày được các quy luật ngữ pháp, cấu trúc câu, mệnh đề, từ loại trong tiếng Anh.

Vận dụng được các quy luật ngữ pháp, cấu trúc câu, mệnh đề, từ loại trong tiếng Anh vào thực tiễn.

– Kỹ năng:

Sau khi hoàn thành môn học này học sinh có khả năng:

Vận dụng những kiến thức đã học được để sử dụng trong những tình huống giao tiếp khác nhau.

Nói, nghe, viết đúng ngữ pháp trong các tình huống.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học sinh có thái độ tích cực trong công việc, chính chu trong việc soạn thảo các loại văn bản, đúng ngữ pháp, đúng chủ đề, đúng thể thức văn bản hiện hành cho từng loại công việc, từng công ty chủ quản, tương ứng với quy định của quốc gia.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành / thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
1	Part 1 This, my, some, a lot of, etc	3	3		
2	Part 2 Pronouns	3	3		
3	Part 3 Adjective and adverbs	3	3		
4	Test 1	1			1
5	Part 4 Prepositions	3	3		
6	Part 5 Verbs with prepositions and Adverbs	3	3		
7	Part 6 Reported speech	3	3		
8	Test 2	1			1
9	Part 7 Relative Clauses	3	3		
10	Part 8 Conditionals and wish	3	3		
11	Part 9 Linking words	3	3		
12	Review	1	1		
Tổng cộng		30	28	00	02

2. Nội dung chi tiết:

Part 1 This, my, some, a lot of, etc

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 1, học sinh có khả năng

Chọn lọc kiến thức về mạo từ, đại từ trong tiếng Anh.

Sử dụng lưu loát mạo từ, đại từ trong giao tiếp, trong biên soạn văn bản.

2. Nội dung chương:

2.1. This, that, these and those

2.2. My, your, etc and mine, yours, etc

2.3. The possessive form and of

2.4. Some and any

2.5. A lot of, many, much, (a) few and (a) little

2.6. All, half, most, some, no and none

2.7. Every, each, whole, both, either and neither

Part 2 Pronouns

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 2, học sinh có thể

Trình bày lưu loát kiến thức về các loại đại từ trong tiếng Anh

Sử dụng mạo từ tiếng Anh nhuần nhuyễn.

2. Nội dung chương:

2.1. Personal pronouns, e.g. I, you

2.2. There and it

2.3. Reflexive pronouns

2.4. Emphatic pronouns and each other

2.5. The pronoun one/ones

2.6. Everyone, something, etc

Part 3 Adjective and adverbs

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 3, học sinh có khả năng:

Trình bày kiến thức về vị trí và chức năng của các tính từ, trạng từ trong tiếng Anh.

Sử dụng lưu loát và đúng ngữ pháp tính từ, trạng từ trong giao tiếp và trong soạn thảo văn bản.

2. Nội dung chương:

2.1. Adjectives

2.2. The order of adjectives

2.3. The old, the rich, etc

2.4. Interesting and interested

2.5. Adjective or adverb? (1)

2.6. Adjective or adverb? (2)

2.7. Comparative and superlative forms

2.8. Comparative and superlative patterns (1)

2.9. Comparative and superlative patterns (2)

2.10. Adverbs and word order

2.11. Yet, still and already

2.12. Adverbs of degree, e.g. very, quite

2.13. Quite and rather

2.14. Too and enough

Part 4 Prepositions

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 4, học sinh có khả năng:

Trình bày kiến thức về giới từ trong tiếng Anh trong các tình huống.

Sử dụng tốt giới từ trong tiếng Anh trong các tình huống.

2. Nội dung chương:

2.1. Prepositions of place

2.2. In, on and at (place)

2.3. In, on and at (time)

2.4. For, since, ago and before

2.5. During or while? By or until? As or like?

2.6. Preposition + noun, e.g. on holiday

2.7. Noun + preposition, e.g. trouble with

2.8. Adjective + preposition, e.g. proud of

Part 5 Verbs with prepositions and adverbs

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 5, học sinh có khả năng:

Chọn lọc kiến thức về giới từ và trạng từ.

Sử dụng được chính xác các tình huống động từ đi kèm với giới từ, trạng từ.

2. Nội dung chương:

2.1. Verbs with prepositions and adverbs

2.2. Prepositional verbs, e.g. wait for

2.3. Verb + object + preposition

2.4. Phrasal verbs (1)

2.5. Phrasal verbs (2)

2.6. Phrasal verbs (3)

2.7. Verb + adverb + preposition

Part 6 Reported speech

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 6, học sinh có khả năng:

Trình bày kiến thức về mẫu câu tường thuật.

Sử dụng được các dạng câu tường thuật trong tiếng Anh.

2. Nội dung chương:

2.1. Direct speech and reported speech

2.2. Reported speech: person, place and time

2.3. Reported speech: the tense change

2.4. Reported questions

2.5. Reported requests, offers, etc

Part 7 Relative clauses

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 7, học sinh có khả năng

Trình bày kiến thức về các mệnh đề quan hệ.

Sử dụng đúng cách các mệnh đề quan hệ trong tiếng Anh.

2. Nội dung chương:

2.1. Relative clauses with who, which and that

2.2. The relative pronoun as object

2.3. Prepositions in relative clauses

2.4. Relative structures with whose, what and it

2.5. The use of relative clauses

2.6. Relative pronouns and relative adverbs

2.7. Relative clauses: participle and to-infinitive

Part 8 Conditionals and wish

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 8, học sinh có khả năng:

Chọn lọc kiến thức các dạng câu điều kiện và câu ao ước.

Sử dụng được đúng ngữ pháp các dạng câu điều kiện và câu ao ước.

2. Nội dung chương:

2.1. Conditionals (1)

2.2. Conditionals (2)

2.3. Conditionals (3)

2.4. Review of conditionals

2.5. If, when, unless and in case

2.6. Wish and if only

Part 9 Linking words

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 9, học sinh có khả năng:

Trình bày kiến thức về các dạng từ nối trong tiếng Anh.

Sử dụng tốt các dạng từ nối trong tiếng Anh.

2. Nội dung chương:

2.1. But, although and in spite of

2.2. To, in order to, so that and for

2.3. Review of linking words

2.4. Links across sentences

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng đúng chuẩn của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

2. Trang thiết bị máy móc: phòng lab, máy cassette, máy chiếu, laptop...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: tranh ảnh, phấn màu, nam châm...

John Eastwood (2006). *Intermediate Oxford Practice Grammar*. Oxford: Oxford University Press.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Học sinh hiểu biết sâu sắc và toàn diện các chủ điểm ngữ pháp.

- Kỹ năng:

Học sinh có kỹ năng vận dụng các quy luật ngữ pháp đã học vào các kỹ năng khác của ngôn ngữ.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học sinh có tinh thần tự học và tự lên kế hoạch rèn luyện khả năng sử dụng ngôn ngữ đúng ngữ pháp.

2. Phương pháp:

Giảng viên sử dụng linh hoạt các phương pháp trong giảng dạy và đánh giá phù hợp với từng kỹ năng ngôn ngữ, đơn vị bài học và trình độ của người học.

Hình thức thi: Thi tự luận hoặc trắc nghiệm tùy thuộc vào tình hình cụ thể của từng năm học

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học Ngữ pháp Tiếng Anh 2 được áp dụng để giảng dạy cho học sinh ngành Tiếng Anh bậc Trung cấp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Tùy theo thực tế giảng dạy, giảng viên có thể điều chỉnh một cách hợp lý trình tự của một số mục được sắp xếp liền nhau và thời lượng dành cho từng mục, miễn là không làm thay đổi tổng số giờ dạy của từng bài.

Giảng viên nên hướng dẫn học sinh tự nghiên cứu kiến thức trước khi đến lớp. Việc nghiên cứu được tiến hành qua hình thức nhóm, thảo luận ở nhà và thuyết trình tại lớp, với sự đôn đốc, kiểm tra thường xuyên của giảng viên.

Giảng viên nên đặt ra những câu hỏi giúp học sinh thảo luận, làm nổi bật trọng tâm của vấn đề

- Đối với người học:

Học sinh tự tìm hiểu và rèn luyện thêm các dạng bài tập, các kỹ năng trong giáo trình dưới sự hướng dẫn và trợ giúp của giáo viên để đạt đến hiệu quả cao hơn trong học tập.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Cách sử dụng trạng từ, tính từ, từ nối, các dạng câu điều kiện.

4. Tài liệu tham khảo:

Raymond Murphy (2006). *English Grammar In Use*. Third edition. Cambridge: Cambridge University Press.

Betty Schramper Azar (1989). *Understanding and Using English Grammar*. New Jersey: Prentice Hall Regents

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Thực hành Nghe 1

Mã môn học: KHCB427

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ; (Lý thuyết: 00 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 60 giờ; Kiểm tra: 00 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Thực hành Nghe 1 thuộc nhóm môn học cơ sở thuộc khối Môn học chuyên môn ngành. Các chủ đề nghe đa dạng trong chương trình giúp học sinh cọ xát với thực tiễn, mang lại một cái nhìn tổng quát về việc ứng dụng ngôn ngữ trong đời sống xã hội.

– Tính chất:

Chương trình môn học Thực hành Nghe 1 là môn học thuộc khoa học xã hội, mang tính lý thuyết và thực hành, gắn liền với việc hình thành và phát triển bốn kỹ năng học và sử dụng ngoại ngữ.

Kiến thức môn học giúp học sinh có khả năng nghe hiệu quả trong các tình huống giao tiếp thường ngày.

Các bài học được sắp xếp theo chủ đề đa dạng với mức độ ngôn ngữ và kỹ năng được xây dựng mức độ đơn giản, cấp độ sơ cấp.

Nội dung được thiết kế dựa trên các hoạt động luyện tập trên lớp và lấy người học làm trung tâm.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi hoàn thành môn học này học sinh có thể có được các khả năng sau:

Trình bày lượng từ vựng cần thiết để nghe hiểu một đoạn hội thoại theo từng chủ đề bằng tiếng Anh, cách tạo và nói các tình huống trong tiếng Anh.

Phân biệt những cách phát âm khác nhau theo từng loại âm, từ, tình huống khác nhau.

– Kỹ năng:

Sau khi hoàn thành môn học này học sinh có thể có được các khả năng sau:

Nghe và hiểu được những tình huống giao tiếp thông thường.

Thực hành nghe các đoạn hội thoại đơn giản.

Sử dụng lượng từ nghe được từ các chủ đề, tạo ra các đoạn hội thoại bằng ngôn từ của mình, phát triển kỹ năng nói trong khi nghe giao tiếp.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có thái độ tích cực trong quá trình học và làm việc, tự rèn luyện để nâng cao kỹ năng nghe giúp giải quyết công việc một cách hữu hiệu.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành / thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
1	Unit 1 Meeting people	5		5	
2	Unit 2 Families	4		4	
3	Unit 3 Numbers	4		4	
4	Unit 4 Let's eat	4		4	
5	Test 1	2		2	
6	Unit 5 Free Time	4		4	
7	Unit 6 Great outfits	4		4	
8	Unit 7 In the house	4		4	
9	Unit 8 Times	4		4	
10	Test 2	2		2	
11	Unit 9 Movies	4		4	
12	Unit 10 A typical day	4		4	
13	Unit 11 Location	4		4	
14	Unit 12 Gifts	4		4	
15	Test 3	2		2	
16	Unit 13 Part-time jobs	5		5	
Tổng cộng		60	00	60	00

2. Nội dung chi tiết:

Unit 1 Meeting people

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 1, học sinh có khả năng

Nghe được các mẫu câu trong tình huống chào hỏi nhau khi gặp mặt.

Sử dụng đúng ngữ điệu ứng với các câu hỏi.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: How about you?
- Task 2: Around the world.

2.2. Pronunciation: Rising intonation of questions

Unit 2 Families

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 2, học sinh có khả năng:

Nghe được các mẫu câu và các đoạn hội thoại trong tình huống nói về gia đình,
Nghe được âm s sau động từ.

Sử dụng được kiến thức môn nghe để nói trôi chảy.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: Family photos
- Task 2: Family ties

2.2. Pronunciation: -s ending in verbs

Unit 3 Numbers

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 3, học sinh có khả năng:

Nghe được các mẫu câu và đoạn hội thoại có liên quan đến các con số.

Vận dụng để nói đúng các con số khi giao tiếp.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: On the phone
- Task 2: Team scores.

2.2. Pronunciation: Syllable stress in numbers

Unit 4 Let's eat

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 4, học sinh có khả năng:

Nghe được các mẫu câu và các đoạn hội thoại có liên quan đến việc ăn, uống.

Chọn lọc ngữ điệu của câu hỏi với **Wh**.

Vận dụng kiến thức nghe trong giao tiếp.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: What would you like?
- Task 2: This looks great.

2.2. Pronunciation: Intonation of Wh-questions

Test 1

Thời gian: 2 giờ

Unit 5 Free Time

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 5, học sinh có khả năng:

Nghe được các mẫu câu và đoạn hội thoại trong tình huống nói về thời gian rảnh rỗi, việc làm yêu thích.

Sử dụng được cách nhấn giọng câu.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: How often?
- Task 2: What's popular?

2.2. Pronunciation: Sentence stress

Unit 6 Great outfits

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 6, học sinh có khả năng:

Nghe được các mẫu câu và đoạn hội thoại trong tình huống chọn trang phục.

Sử dụng được từ vựng và cấu trúc câu và đoạn hội thoại trong tình huống chọn trang phục để nói.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: Choosing an outfit
- Task 2: The meaning of colors.

2.2. Pronunciation: Contraction for is and is not

Unit 7 In the house

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 7, học sinh có khả năng:

Nghe được các mẫu câu và các đoạn hội thoại trong tình huống nói về nhà cửa.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: Where does it go?
- Task 2: Where's the heater?

2.2. Pronunciation: Plural –s ending

Unit 8 Time

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 8, học sinh có khả năng:

Nghe được các mẫu câu và các đoạn hội thoại trong tình huống nói về thời gian, kế hoạch làm việc.

Nói được về kế hoạch làm việc của cá nhân và người khác.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: Changing plans
- Task 2: Time and cultures

2.2. Pronunciation: Reduction of *want to* and *have to*

Test 2

Thời gian: 2 giờ

Unit 9 Movies

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 9, học sinh có khả năng:

Nghe được các mẫu câu và đoạn hội thoại trong tình huống nói về phim ảnh.

Sử dụng được các cấu trúc câu và trong tình huống nói về phim ảnh.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: What's playing?
- Task 2: Film critics.

2.2. Pronunciation: Contraction for *is* and *are*

Unit 10 A typical day

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 10, học sinh có khả năng:

Nghe được các mẫu câu và các đoạn hội thoại đối đáp về thời gian biểu cá nhân hàng ngày.

Vận dụng kiến thức nghe để giao tiếp hàng ngày.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: What's your schedule?
- Task 2: Daily schedules.

2.2. Pronunciation: Linked sounds

Unit 11 Location

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 11, học sinh có khả năng:

Nghe được các mẫu câu và các đoạn hội thoại trong tình huống nói về nơi chốn.

Sử dụng được cách nhấn trọng âm khi liệt kê.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: Where is it?
- Task 2: Find the treasure.

2.2. Pronunciation: Stress for classification

Unit 12 Gifts

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 12, học sinh có khả năng:

Nghe được các mẫu câu và đoạn hội thoại về các dịp tặng quà,

Trình bày được sự ảnh hưởng của văn hóa trong việc tặng và nhận quà.

Sử dụng được cách dùng ngữ điệu khi nói về tên.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: Gift-giving occasions
- Task 2: Gifts and cultures.

2.2. Pronunciation: Intonation with names

Test 3

Thời gian: 2 giờ

Unit 13 Part-time jobs

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 13, học sinh có khả năng

Nghe được các mẫu câu và các đoạn hội thoại trong tình huống nói về công việc và phỏng vấn xin việc.

Sử dụng được cách nhấn mạnh âm tiết khi nói.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: What's the job?
- Task 2: Job interviews.

2.2 Pronunciation: Syllable stress

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng lab đúng chuẩn, đủ sức chứa theo quy định.

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy cassette, máy chiếu, laptop...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Steve Brown, & Dorolyn Smith (2007). *Active Skills for Listening 1*. Second condition. Cambridge: Cambridge University Press.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Hiểu lượng từ vựng cần thiết để nghe hiểu và nói một đoạn hội thoại theo từng chủ đề bằng tiếng Anh.

- Kỹ năng:

Nghe và hiểu các cuộc hội thoại theo từng chủ đề bằng tiếng Anh.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có tinh thần tự học và tự lập kế hoạch cá nhân rèn luyện kỹ năng nghe.

2. Phương pháp:

Sử dụng linh hoạt các phương pháp trong giảng dạy phù hợp với từng kỹ năng ngôn ngữ, đơn vị bài học và trình độ của người học.

Hình thức thi kết thúc môn học: Trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học được áp dụng cho đối tượng là học sinh bậc Trung cấp ngành Tiếng Anh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Tùy theo thực tế giảng dạy, giảng viên có thể điều chỉnh một cách hợp lý trình tự của một số mục được sắp xếp liên nhau và thời lượng dành cho từng mục, miễn là không làm thay đổi tổng số giờ dạy của từng bài.

Theo mục tiêu của chương trình, giảng viên nên hướng dẫn cho học sinh kỹ năng nghe hiểu, nghe và đoán ý chính của các đoạn hội thoại. Tuy nhiên, giảng viên nên phối hợp linh hoạt dạy các kỹ năng còn lại để khuyến khích học sinh tiếp tục phát huy khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh. Ngoài những chủ điểm được đề cập đến trong đề cương, trong quá trình giảng dạy, giáo viên nên giới thiệu thêm một số tài liệu luyện nghe cần thiết khác để học sinh tự học và tham khảo.

- Đối với người học:

Tự tìm hiểu và rèn luyện thêm các dạng bài tập, các kỹ năng trong giáo trình dưới sự hướng dẫn và trợ giúp của giáo viên để đạt đến hiệu quả cao hơn trong học tập.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Kỹ năng nghe ý chính, chuẩn bị trước khi nghe.

4. Tài liệu tham khảo:

Barbara H. Foley (1994). *Listen to me*. Boston: Heinle & Heinle Publishers.

Jack C. Richards (1992). *Listen carefully*. Oxford: Oxford University Press.

John Green (1997). *Listening 1 and 2*. Cambridge: Cambridge University Press.

Jack C. Richards (2003). *Basic Tactics for Listening. Second edition*. Oxford University Press.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Thực hành Nghe 2

Mã môn học: KHCB428

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ; (Lý thuyết: 00 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 60 giờ; Kiểm tra: 00 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Thực hành Nghe 2 là môn học chuyên ngành trong khối các môn học chuyên môn ngành, nối tiếp môn học Nghe, giúp học sinh tiếp tục tiếp xúc với các chủ đề đa dạng, cọ xát với thực tiễn, hình thành khả năng nghe hiểu ở mức độ sâu hơn.

– Tính chất:

Môn học Thực hành Nghe 2 là môn học thuộc khoa học xã hội mang tính thực hành, gắn liền với quá trình hoàn thiện bốn kỹ năng học và sử dụng ngoại ngữ. Chương trình Thực hành Nghe 2 giúp học sinh làm quen, rèn luyện và thực hành các tình huống mà ngôn ngữ được sử dụng trong cuộc sống, từ đó dần hình thành, phát triển kỹ năng giao tiếp trong ngôn ngữ.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi học xong môn học Thực hành Nghe 2, học sinh có thể:

Trình bày lượng từ vựng cần thiết để nghe hiểu một đoạn hội thoại theo từng chủ đề bằng tiếng Anh.

Chọn lọc cách nói các tình huống trong tiếng Anh.

Phân biệt những cách phát âm khác nhau theo từng loại âm, từ, tình huống khác nhau

– Kỹ năng:

Sau khi học xong môn học Thực hành Nghe 2, học sinh có thể:

Nghe hiểu được những tình huống giao tiếp thông thường.

Thực hành nghe các đoạn hội thoại ở mức cao hơn.

Sử dụng lượng từ nghe được từ các chủ đề, tạo ra các đoạn hội thoại bằng ngôn từ của mình, phát triển kỹ năng nói trong khi nghe giao tiếp.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có thái độ tích cực trong quá trình học và làm việc, có tinh thần hợp tác và làm việc theo nhóm, có tinh thần tự học, tự rèn luyện kỹ năng ngoài giờ học, tự vạch ra

cho bản thân kế hoạch ôn tập và rèn luyện để hoàn thành các công việc có liên quan đến kỹ năng nghe.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành / thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
1	Unit 1 Getting to know you	5		5	
2	Unit 2 Going places	4		4	
3	Unit 3 What's the number?	4		4	
4	Unit 4 Body language	4		4	
5	Test 1	2		2	
6	Unit 5 Appearances	4		4	
7	Unit 6 Shopping	4		4	
8	Unit 7 International food	4		4	
9	Unit 8 Vacation	4		4	
10	Test 2	2		2	
11	Unit 9 TV	4		4	
12	Unit 10 Getting there	4		4	
13	Unit 11 World market	4		4	
14	Unit 12 Making a difference	4		4	
15	Test 3	2		2	
16	Unit 13 Stress and health	5		5	
Tổng cộng		60		60	00

2. Nội dung chi tiết:

Unit 1 Getting to know you

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 1 học sinh có khả năng:

Nghe được các mẫu câu và đoạn hội thoại trong tình huống làm quen và hỏi thăm về một số thông tin cơ bản.

Sử dụng các ngữ điệu của vài loại câu hỏi thông dụng.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: I wouldn't ask that
- Task 2: Friends or strangers.

2.2. Pronunciation: Intonation of Yes-No questions and Wh-questions

Unit 2 Going places

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 2 học sinh có khả năng:

Nghe được các mẫu câu và đoạn hội thoại nói về nơi chốn, về đất nước.

Hỏi và trả lời về một số thông tin của địa danh xác định.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: Where are you going?
- Task 2: Where is it?

2.2. Pronunciation: Syllable stress

Unit 3 What's the numbers

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 3 học sinh có khả năng:

Nghe được các mẫu câu và đoạn hội thoại về hỏi đáp giờ, số điện thoại, số liệu.

Vận dụng cách đọc và nghe số có nhiều chữ số.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: The number, please.
- Task 2: What's the biggest?

2.2. Pronunciation: *and* with numbers

Unit 4 Body language

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 4 học sinh có khả năng:

Nghe được các mẫu câu và đoạn hội thoại .

Sử dụng được tín hiệu từ ngôn ngữ cơ thể, điệu bộ.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: Is it OK?
- Task 2: What does it mean?

2.2. Pronunciation: Sentence stress

Test 1

Thời gian: 2 giờ

Unit 5 Appearances

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 5 học sinh có khả năng:

Nghe được các mẫu câu và đoạn hội thoại về dáng vẻ bề ngoài.

Vận dụng các mẫu câu và từ vựng để thực hành cách mô tả hình dáng, cách diễn tả sự khác biệt bên ngoài của một nhân vật.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: Who's that?
- Task 2: Different looks.

2.2. Pronunciation: Intonation of echo questions

Unit 6 Shopping

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 6, học sinh có khả năng:

Nghe được các mẫu câu và đoạn hội thoại về giao tiếp trong cửa hàng.

Sử dụng thông tin để mua hàng, bình luận về giá cả.

Chọn lọc một số từ và mẫu câu biểu đạt hình thức mua hàng phổ biến.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks

- Task 1: I'll buy it.
- Task 2: At the store.

2.2. Pronunciation: Reduction of *need to* and *like to*

Unit 7 International food

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 7, học sinh có khả năng:

Nghe được các mẫu câu và đoạn hội thoại về thức ăn từ nhiều nơi trên thế giới, qua đó biết thêm một số thông tin về văn hóa và ẩm thực.

Sử dụng ngữ điệu của câu hỏi có nhiều lựa chọn.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: Your order, please
- Task 2: Foods and culture

2.2. Pronunciation: Intonation of questions of choices

Unit 8 Vacation

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 8, học sinh có khả năng:

Nghe được các mẫu câu và đoạn hội thoại về kì nghỉ và một số thông tin liên quan như thức ăn, nơi ở, địa danh, sự kiện nổi bật.

Vận dụng kiến thức để giao tiếp về chủ đề tương tự.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: How was your vacations?
- Task 2: A trip to forget

2.2. Pronunciation: -ed endings of verbs

Test 2

Thời gian: 2 giờ

Unit 9 TV

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 9, học sinh có khả năng:

Nghe được các mẫu câu và đoạn hội thoại về thông tin từ các kênh truyền hình, thói quen xem TV.

Sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp chủ đề có liên quan các kênh truyền hình, thói quen xem TV.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: What's on?
- Task 2: Reality shows

2.2. Pronunciation: Reduction of *do you* and *are you*

Unit 10 Getting there

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 10, học sinh có khả năng:

Nghe được các mẫu câu và đoạn hội thoại về các loại phương tiện giao thông,

Lựa chọn được cách tốt nhất khi trình bày về việc sử dụng phương tiện giao thông.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: Visiting Singapore
- Task 2: San Francisco

2.2. Pronunciation: Ordinal numbers

Unit 11 World market

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 11, học sinh có khả năng

Nghe được các mẫu câu và đoạn hội thoại về các thương hiệu, các sản phẩm trên thế giới.

Vận dụng kiến thức để tiến hành các đoạn hội thoại có chủ đề tương tự.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: International market place
- Task 2: It's good business

2.2. Pronunciation: Contraction for *there is, there are*

Unit 12 Making a difference

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 12, học sinh có khả năng:

Nghe được các mẫu câu và đoạn hội thoại về một số vấn đề có liên quan đến việc bảo vệ môi trường.

Sử dụng được các mẫu câu về các vấn đề có liên quan đến môi trường.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: Helping the environment
- Task 2: Recycling

2.2. Pronunciation: Contraction for *will, will not*

Test 3

Thời gian: 2 giờ

Unit 13 Stress and health

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 13, học sinh có khả năng:

Nghe được các mẫu câu và đoạn hội thoại về một số vấn đề liên quan đến sức khỏe, thức ăn và các hoạt động tốt cho sức khỏe.

Áp dụng được kiến thức để giao tiếp về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, thức ăn và các hoạt động tốt cho sức khỏe.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: Relax
- Task 2: What's it good for?

2.2. Pronunciation: Reduction of *Don't you* and *Why don't you?*

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng LAB có đủ sức chứa theo quy định.

2. Trang thiết bị máy móc:

Loa, tai nghe, micro, cassette, Máy chiếu hoặc TV, máy vi tính, màn hình.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Steve Brown, & Dorolyn Smith (2007). *Active. Skills for Listening 2*. Second condition. Cambridge: Cambridge University Press.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Học sinh có khả năng hiểu lượng từ vựng cần thiết để nghe hiểu và nói một đoạn hội thoại theo từng chủ đề bằng tiếng Anh.

- Kỹ năng:

Học sinh có khả năng nghe và nói theo các chủ điểm đa dạng.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có tinh thần tự học và tự lên kế hoạch rèn luyện kỹ năng nghe và nói theo các chủ đề đã học.

2. Phương pháp:

Sử dụng linh hoạt các phương pháp trong giảng dạy phù hợp với từng kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, đơn vị bài học và trình độ của người học.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học Nghe 2 áp dụng cho đối tượng là học sinh bậc Trung cấp ngành Tiếng Anh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Tùy theo thực tế giảng dạy, giảng viên có thể điều chỉnh một cách hợp lý trình tự của một số mục được sắp xếp liền nhau và thời lượng dành cho từng mục, miễn là không làm thay đổi tổng số giờ dạy của từng bài.

Theo mục tiêu của chương trình, giảng viên nên hướng dẫn cho sinh kỹ năng nghe hiểu, nghe và đoán ý chính của các đoạn hội thoại. Tuy nhiên, giảng viên nên phối hợp linh hoạt dạy các kỹ năng còn lại để khuyến khích học sinh tiếp tục phát huy khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh.

- Đối với người học:

Tự tìm hiểu và rèn luyện thêm các dạng bài tập, các kỹ năng trong giáo trình dưới sự hướng dẫn và trợ giúp của giáo viên để đạt đến hiệu quả cao hơn trong học tập.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Kĩ năng nghe ý chính, nghe và nhắc lại trọng tâm, chú ý nghe trọng âm.

4. Tài liệu tham khảo:

Jack C. Richards (2003). *Developing Tactics for Listening. Second edition.*
Oxford: Oxford University Press.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Nói 1

Mã môn học: KHCB429

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ; (Lý thuyết: 43 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 00 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Nói 1 là môn học cơ sở trong chương trình giáo dục ngành Tiếng Anh bậc Trung cấp.

– Tính chất:

Môn học Nói 1 là môn học thuộc khoa học xã hội, mang tính thực hành gắn liền với việc hình thành kỹ năng sử dụng thành thạo ngôn ngữ.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức: Sau khi học xong Môn học Nói 1 học sinh có khả năng:

Trình bày một lượng từ vựng thông dụng trong đời sống hàng ngày và trong công việc.

Sử dụng một lượng từ vựng thông dụng trong đời sống hàng ngày và trong công việc.

– Kỹ năng:

Sau khi hoàn tất Môn học Nói 1, học sinh có khả năng:

Trình bày các từ vựng thường dùng trong cuộc sống như nói về sở thích, thức ăn, quê hương, bạn bè, hoạch định trong tương lai.

Thuyết trình bằng tiếng Anh các chủ đề đơn giản trong cuộc sống như sở thích, thức ăn, quê hương, bạn bè, hoạch định trong tương lai.

Nghe, nói, nghe hiểu, tự tin giao tiếp trong các lĩnh vực đời sống thông thường.

Sử dụng được các cấu trúc ngữ pháp đơn giản.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có tinh thần làm việc và hợp tác nhóm một cách linh hoạt và năng động, rèn luyện ý thức tự học, tự nghiên cứu tự rèn giọng, khắc phục nhược điểm vùng miền để có thể phát âm chính xác như người bản ngữ.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành / thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm Tra
1	Part 1 New friends	5	5		
2	Part 2 Interests	5	5		
3	Part 3 People	5	5		
4	Test 1	1			1
5	Part 4 Daily life	5	5		
6	Part 5 My hometown	5	5		
7	Test 2	1			1
8	Part 6 Shopping	5	5		
9	Part 7 Food	5	5		
10	Part 8 Past and Future	5	5		
11	Review	3	3		
Tổng cộng		45	43	00	02

2. Nội dung chi tiết:

Part 1 New friends

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 1, học sinh có khả năng:

Chọn lọc các cách chào và tạm biệt theo nhiều cách khác nhau

Giới thiệu bản thân và bạn bè.

Hỏi được thông tin cá nhân, hoàn thành đoạn hội thoại ngắn.

2. Nội dung chương:

2.1. How are you?

2.2. Nice to meet you.

2.3. Can you say that again?

2.4. Nice weather, isn't it?

Part 2 Interests

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 2, học sinh có khả năng bày tỏ quan điểm “thích” và “không thích”, biết cách hỏi giờ, hỏi ý kiến và trình bày ý kiến với người đối thoại hoặc trình bày ý kiến trước đám đông.

2. Nội dung chương:

2.5. I love hip-hop!

2.6. My favorite movies is...

2.7. What time is it?

2.8. Would you try kayaking?

Part 3 People

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 3, học sinh có khả năng:

Trình bày từ vựng miêu tả về gia đình, về tính cách và về bề ngoài của con người.

Sử dụng cấu trúc câu để so sánh tính cách.

2. Nội dung chương:

2.9. Do you have any brothers?

2.10. She's pretty smart.

2.11. I love your shirt.

2.12. What's she wearing?

Test 1

Thời gian: 1 giờ

Part 4 Daily life

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 4, học sinh có khả năng:

Hỏi và miêu tả thói quen, các hoạt động đang diễn ra.

Đặt được các câu hỏi khi giao tiếp để kéo dài cuộc hội thoại.

2. Nội dung chương:

2.13. When do you get up?

2.14. When do you get there?

2.15. What do you do first?

2.16. What are you doing?

Part 5 My home town

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 5 học sinh có khả năng:

Hỏi và miêu tả địa điểm, hỏi phương hướng.

Đưa ra đề nghị khi giao tiếp có liên quan đến các vấn đề về nơi chốn và phương hướng.

2. Nội dung chương:

- 2.17. What's your place like?
2.18. Where can I get a lamp?
2.19. Where's the mall?
2.20. Take a left.

Test 2

Thời gian: 1 giờ

Part 6 Shopping

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 6 học sinh có khả năng:

Hỏi giá, mặc cả khi mua hàng.

Sử dụng cấu trúc câu để hỏi và miêu tả tần suất thực hiện một loại công việc.

2. Nội dung chương:

2.21. How much is coffee?

2.22. Will you take \$20?

2.23. Do you ever buy books?

2.24. Your phone is so cool!

Part 7 Food

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 7 học sinh có khả năng:

Hỏi và miêu tả số lượng, về các yêu cầu, miêu tả món ăn.

Sử dụng từ vựng và mẫu câu để nói về thói quen ăn uống lành mạnh.

Hỏi và miêu tả về các yêu cầu,

2. Nội dung chương:

2.25. Do you eat much fruit?

2.26. We need onions.

2.27. Do you eat a big lunch.

2.28. How does it taste?

Part 8 Past and future

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 8 học sinh có khả năng:

Miêu tả các sự kiện trong quá khứ, giới thiệu các tin tức mới và cách phản hồi thông tin.

Hỏi và miêu tả các kế hoạch tương lai.

2. Nội dung chương:

- 2.29. I had a great weekend
2.30. What time did you call?
2.31. You won't believe this!
2.32. What are your plans?

Review

Thời gian: 3 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học có hệ thống loa, âm thanh, sức chứa phù hợp với lượng học sinh.

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu hoặc TV, bảng, phấn, loa, tai nghe, micro.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Jack C. Richards, & David Bohlke (2012). *Speak Now*. Oxford: Oxford University Press.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Các cấu trúc ngữ pháp căn bản và vốn từ vựng thông dụng.

- Kỹ năng:

Giao tiếp được bằng tiếng Anh trong các lĩnh vực đời sống thông thường.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Phát triển các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng trình bày trước đám đông để có thể phục vụ tốt các công việc trong tương lai.

2. Phương pháp:

Kiểm tra thường xuyên và cuối kì theo hình thức vấn đáp.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học Nói 1 là môn học đầu tiên trong chuỗi các môn học rèn luyện kỹ năng nói cho học sinh bậc Trung cấp ngành Tiếng Anh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Dạy theo phương pháp giao tiếp, chú trọng thực hành kỹ năng nghe nói.

- Đối với người học:

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Quy định đào tạo Trung cấp hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh, chấp hành quy chế hiện hành của nhà trường.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Chú ý kỹ năng bắt chước để có thể nói giống người bản ngữ.

4. Tài liệu tham khảo:

Bruce Tillitt, & Newton Bruder (1997). *Speaking Naturally*. TP.HCM: NXB Thành phố Hồ Chí Minh.

Gaynor Ramsey & Hilary Rees-parnell (1992). *Well Spoken*. Long man.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Nói 2

Mã môn học: KHCB430

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 00 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Nói 2 là môn học cơ sở trong chương trình giáo dục ngành Tiếng Anh bậc đào tạo Trung cấp.

– Tính chất:

Môn học Nói 2 là môn học thuộc khoa học xã hội, mang tính thực hành gắn liền với việc hình thành kỹ năng sử dụng thành thạo ngôn ngữ.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi học xong Môn học Nói 2, học sinh có khả năng:

Trình bày được một lượng từ vựng thông dụng trong đời sống hàng ngày và trong công việc.

Hỏi đáp các vấn đề thông dụng trong đời sống.

– Kỹ năng:

Sau khi hoàn tất môn học này, học sinh có khả năng:

Sử dụng một lượng từ vựng thông dụng trong đời sống hàng ngày và trong công việc.

Nói tự nhiên và lưu loát các chủ đề đa dạng về gia đình, cuộc sống và một số chủ đề phức tạp hơn như du lịch, phong cách sống, thời trang.

Sử dụng được các cấu trúc ngữ pháp đơn giản.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có tinh thần làm việc và hợp tác nhóm một cách linh hoạt và năng động, có ý thức tự học, tự nghiên cứu.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành / thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
1	Part 1 Friends & Family	4	4		
2	Part 2 Restaurants	3	3		
3	Part 3 Health	3	3		
4	Part 4 Jobs	3	3		
5	Test 1	1			1
6	Part 5 Free time	3	3		
7	Part 6 Travel	4	4		
8	Part 7 Style and fashion	3	3		
9	Test 2	1			1
10	Part 8 Opinions	3	3		
11	Review	2	2		
Tổng cộng		30	28		02

2. Nội dung chi tiết:

Part 1 Friends & Family

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 1, học sinh có khả năng:

Nói trôi chảy về số lượng.

Bắt đầu và kết thúc cuộc hội thoại.

Hỏi và mô tả về ngoại hình và tính cách của con người.

2. Nội dung chương:

2.1. Where are you from?

2.2. I'm tall and thin.

2.3. Alice is more serious.

2.4. All of my friends text.

Part 2: Restaurants

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 2, học sinh có khả năng:

Hỏi và chia sẻ kinh nghiệm, nhắc nhở, hướng dẫn.

Sử dụng từ vựng để miêu tả nhà hàng, gọi thức ăn trong nhà hàng.

2. Nội dung chương:

2.5. I've never had Thai food.

2.6. First, grill the bread.

2.7. The service is great.

2.8. Are you ready to order?

Part 3 Health

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 3, học sinh có khả năng:

Miêu tả các vấn đề sức khỏe, hỏi và đưa ra lời khuyên,

Sử dụng các mẫu câu biểu đạt nhu cầu và ý muốn, so sánh.

2. Nội dung chương:

2.9. I have a sore throat.

2.10. What should I do?

2.11. I'd love to try that!

2.12. Soccer is more exciting!

Part 4 Jobs

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 4, học sinh có khả năng:

Trình bày các khả năng của bản thân, đề nghị, bàn về thuận lợi và bất lợi.

Đề xuất các yêu cầu qua điện thoại, bàn bạc về công việc.

2. Nội dung chương:

2.13. I can write pretty well.

2.14. I'd have to have...

2.15. I travel for free.

2.16. Is the manager there?

Test 1

Thời gian: 1 giờ

Part 5 Free time

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 5, học sinh có khả năng:

Nói về các hoạt động của cá nhân trong thời gian rảnh rỗi.

Sử dụng các mẫu câu để mời và đáp lại lời mời, xin lỗi và đáp lại lời xin lỗi.

2. Nội dung chương:

- 2.17. That sounds fun!
2.18. I'd love to go
2.19. I'm sorry, but I can't
2.20. Sorry, I'm late.

Part 6 Travel

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 1, học sinh có khả năng:

Đặt câu hỏi đôi, miêu tả sự kiện trong quá khứ, sở thích, lịch trình, giá cả khi đi du lịch.

Sử dụng các dạng câu diễn đạt sự cảm chỉ và nghĩa vụ.

2. Nội dung chương:

- 2.21. Did you go alone!
2.22. Which do you prefer?
2.23. You must get a visa.
2.24. When is the next train?

Part 7 Style and Fashion

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 7, học sinh có khả năng:

Hỏi và miêu tả các hành vi chung, hỏi và đưa ra ý kiến.

Đưa ra yêu cầu, đồng ý hoặc phản biện với yêu cầu

Đặt câu hỏi và miêu tả cách sử dụng trang phục và phụ kiện.

2. Nội dung chương:

- 2.25. I usually wear...
2.26. What do you think?
2.27. Can you do me a favor?
2.28. What is it used for?

Test 2

Thời gian: 1 giờ

Part 8 Opinions

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 8, học sinh có khả năng:

Hỏi và đưa ra ý kiến, tranh luận, thảo luận các tình huống giả tưởng.

Sử dụng các mẫu câu, hình thức dùng từ vựng để miêu tả chuỗi các sự kiện.

2. Nội dung chương:

2.29. I think it's fun!

2.30. I feel the same way.

2.31. What would you do?

2.32. Then what happened?

Review

Thời gian: 2 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học có hệ thống loa, âm thanh, sức chứa phù hợp với lượng học sinh.

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu hoặc TV, bảng, phấn, loa, tai nghe, micro.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Jack C. Richards, & David Bohlke (2012). *Speak Now*. Oxford: Oxford University Press.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Sử dụng được các cấu trúc ngữ pháp cấp độ trung cấp và học cách phát âm chính xác. Sử dụng được vốn từ vựng và mẫu câu thông dụng trong giao tiếp và đưa ra ý kiến tương đương với trình độ trung cấp.

- Kỹ năng:

Nghe và giao tiếp được bằng tiếng Anh trong các lĩnh vực đời sống và công việc. Có khả năng tranh luận bằng tiếng Anh.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Phát triển các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng trình bày tự tin trước đám đông để có thể phục vụ tốt các công việc trong tương lai.

2. Phương pháp:

Kiểm tra trong quá trình học bằng hình thức thực hành.

Hình thức kiểm tra đánh giá cuối môn học: Trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học Nói 2 là môn học quan trọng trong chuỗi các môn học rèn luyện kỹ năng nói áp dụng cho học sinh bậc đào tạo Trung cấp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Dạy theo phương pháp giao tiếp, chú trọng thực hành kỹ năng nghe nói.

- Đối với người học:

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra đầy đủ, chấp hành quy chế hiện hành của nhà trường.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Rèn luyện khả năng lập luận, thảo luận lưu loát và tự tin.

4. Tài liệu tham khảo:

Bruce Tillitt, & Newton Bruder (1997). *Speaking Naturally*. TP.HCM: NXB Thành phố Hồ Chí Minh.

Gaynor Ramsey & Hilary Rees-parnell (1992). *Well Spoken*. Long man.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Đọc

Mã môn học: KHCB431

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 00 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Đọc là môn học cơ sở trong chương trình đào tạo bậc Trung cấp ngành Tiếng Anh.

– Tính chất:

Môn học Đọc là môn học khoa học xã hội mang tính chất lí thuyết gắn liền với khả năng sử dụng ngôn ngữ được thực hiện theo Quy định đào tạo Trung cấp hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi học xong môn học, học sinh có khả năng:

Trình bày vốn từ vựng về nhiều vấn đề trong cuộc sống như văn hóa, cuộc sống xã hội, y khoa, khoa học, bảo tồn động vật,...

Sử dụng các thủ thuật cần thiết khi đọc hiểu tài liệu.

– Kỹ năng:

Sau khi học xong môn học, học sinh có khả năng:

Phát triển kỹ năng đọc hiểu về các lĩnh vực thuộc văn hóa xã hội.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học sinh tự giác và chủ động tự học tập và làm việc, tích cực rèn luyện khả năng đọc văn bản để phục vụ cho công việc.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành / thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
1	Unit 1 Travel	3	3		

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành / thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
2	Chapter 1: Selling Indian's Rainy Season Chapter 2: Avoiding Cultural Taboos Unit 2 Fashion Chapter 1: Fashionable Decisions Chapter 2: Tom Ford- Master Designer	3	3		
3	Unit 3 Disappearing Animals Chapter 1: Endangered Species Chapter 2: Bring Back The Woolly Mammoth?	3	3		
4	Unit 4 Big Money Chapter 1: What Does a Million Dollars Buy? Chapter 2: Lottery Winners- Rich, but Happy?	3	3		
5	Review	4	4		
6	Test 1	1			1
7	Unit 5 Cultural Events Chapter 1: Wedding Customs Chapter 2: That Unique Japanese Holiday Called....Christmas!	3	3		
8	Unit 6 It's a Mystery	3	3		

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành / thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
9	Chapter 1: Mystery Tours Chapter 2: Is “ Spontaneous Human Combustion” Possible? Unit 7 Health	3	3		
10	Chapter 1: Successful Dieting Chapter 2: Survival at the South Pole Test 2	1			1
11	Unit 8 Space and Flight Chapter 1: Human Adaptation to Space Chapter 2: Pioneers of Flight	3	3		
12	Review	3	3		
Tổng cộng		30	28		02

2. Nội dung chi tiết:

Unit 1 Travel

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 1, học sinh có khả năng:

Vận dụng được kĩ năng đọc như *đoán nội dung sẽ đọc, đọc lướt* tìm thông tin cần nhờ vào tiêu đề, con số hoặc những từ khóa.

Mở rộng vốn từ vựng với các từ bắt đầu bằng tiền tố là *off-*, và làm phong phú vốn từ của mình bằng các cụm từ có cùng chủ đề hoặc cùng từ loại.

Sử dụng được kĩ năng đọc lướt để tìm kiếm thông tin.

2. Nội dung chương:

2.1. Chapter 1: Selling Indian's Rainy Season

2.2. Reading Skill: Predicting

2.3. Vocabulary Skill: The prefix *off-*

2.4. Chapter 2: Avoiding Cultural Taboos

2.5. Reading Skill: Scanning

2.6. Vocabulary Skill: Organizing Vocabulary

2.7. Real Life Skill: Planning a Trip Online

Unit 2 Fashion

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 2, học sinh có khả năng:

Vận dụng được kỹ năng đọc như *đọc lướt* tìm ý chính của đoạn văn dựa vào tựa đề, câu đầu tiên và câu cuối cùng của đoạn văn hoặc câu đầu tiên của đoạn văn khác.

Sử dụng thủ thuật dựa vào các cụm từ chỉ thời gian như *then, soon after that, subsequently, days, dates* để xác định thứ tự các sự kiện.

Mở rộng vốn từ vựng với các từ có gốc là *dic/dict*.

Tăng cường thêm vốn từ vựng

Sử dụng linh hoạt với từ vựng *dress* như *dress in, well-dressed, dressed up, dress suit, underdressed, get dressed*.

Phát triển kỹ năng đọc lướt để tìm ý chính của đoạn văn.

2. Nội dung chương:

2.1. Chapter 1: Fashionable Decisions

2.2. Reading Skill: Skimming for the Main idea

2.3. Vocabulary Skill: The root word: *dic/dict*

2.4. Chapter 2: Tom Ford- Master Designer

2.5. Reading Skill: Recognizing Sequence Markers

2.6. Vocabulary Skill: The use of *Dress*

2.7. Real Life Skill: Understanding Clothing Sizes

Unit 3 Disappearing Animals

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 3, học sinh có khả năng:

Vận dụng được kỹ năng đọc như *đoán nghĩa của 1 từ mới quan trọng nhưng không quen thuộc* theo 3 cách.

Sử dụng khả năng đọc nhanh để tìm ý chính của nhiều đoạn văn.

Tăng cường vốn từ vựng với các từ bắt đầu bằng tiền tố là *ex-, en-, em-*, của mình bằng các hậu tố như *-ize*.

Sử dụng kỹ năng đọc lướt để tìm kiếm thông tin cho đoạn văn và đoán nghĩa một từ không quen thuộc hoặc chưa được học.

2. Nội dung chương:

2.1. Chapter 1: Endangered Species

- 2.2. Reading Skill: Identifying Main from Context
- 2.3. Vocabulary Skill: The prefixes *ex-*, *en-* and *em-*
- 2.4. Chapter 2: Bring Back The Woolly Mammoth?
- 2.5. Reading Skill: Identifying Main Ideas within *Paragraph*
- 2.6. Vocabulary Skill: The suffix *-ize*
- 2.7. Real Life Skill: Dictionary Use: *Choosing the Right Word*

Unit 4 Big Money

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 4, học sinh có khả năng
Chọn lọc trong các kỹ năng đọc đã được học trong các bài trước
Sử dụng kỹ năng đọc lướt để tìm kiếm thông tin.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Chapter 1: What Does a Million Dollars Buy?
- 2.2. Reading Skill: Identifying Cause and Effect
- 2.3. Vocabulary Skill: The prefixes *in-*, *im-*, *il-* and *ir-*
- 2.4. Chapter 2: Lottery Winners-Rich, but Happy?
- 2.5. Reading Skill: Previewing
- 2.6. Vocabulary Skill: Noun and Adjective Suffixes *-ent* and *-ant*
- 2.7. Real Life Skill: Understanding Money and Banking terms

Review

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Ôn tập các kiến thức về kỹ năng đọc cho học sinh đã học từ bài 1 đến bài 4. Luyện tập các kỹ năng trong một số bài đọc hiểu để rèn luyện khả năng đọc hiểu và chuẩn bị để làm tốt bài kiểm tra.

2. Nội dung chương:

Fluency Strategy: DRTA; Ecotourism Reference Article

Fluency Practice:

Modern Fashion Trends Webpage

Endangered Animal Success Stories Newspaper Article.

Test 1

Thời gian: 1 giờ

Unit 5 Cultural Events

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 5, học sinh có khả năng
Vận dụng được kỹ năng đọc: *đoán nội dung sẽ đọc, đọc lướt.*

Phân biệt các từ vựng đồng âm khác nghĩa trong tiếng Anh.

Trình bày được học các từ, cụm từ được sử dụng khi chấp nhận hay từ chối lời mời.

2. Nội dung chương:

2.1. Chapter 1: Wedding Customs

2.2. Reading Skill: Skimming for the Main Idea

2.3. Vocabulary Skill: Word Families

2.4. Chapter 2: That Unique Japanese Holiday Called....Christmas!

2.5. Reading Skill: Predicting

2.6. Vocabulary Skill: Homophones

2.7. Real Life Skill: Accepting and Declining Invitations

Unit 6 It's a Mystery

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 6, học sinh có khả năng:

Xác định và phân biệt được sự khác nhau giữa *fact* và *theory*.

Sử dụng thủ thuật *đoán nghĩa* của từ dựa trong ngữ cảnh.

Vận dụng được các *collocation* thường xuất hiện trong Tiếng Anh và học các từ vựng có cấu tạo là *spec* hoặc *spic* gắn với một hậu tố hoặc tiền tố khác.

2. Nội dung chương:

2.1. Chapter 1: Mystery Tours

2.2. Reading Skill: Identifying Fact versus Theory

2.3. Vocabulary Skill: The Root Word *spec* + Prefixes

2.4. Chapter 2: Is "Spontaneous Human Combustion" Possible?

2.5. Reading Skill: Identifying Meaning from Context

2.6. Vocabulary Skill: Collocations

2.7. Real Life Skill: Researching Mysteries Online

Unit 7 Health

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong Unit 7, học sinh có khả năng:

Trình bày được ý nghĩa của các từ viết tắt được sử dụng trong lĩnh vực y khoa.

Phát triển kỹ năng đọc như *đọc lướt*.

Sử dụng cách học từ vựng theo cách sử dụng *word web* giúp ghi nhớ từ vựng lâu hơn và tốt hơn.

Mở rộng vốn từ vựng của mình với các từ bắt đầu bằng tiền tố *over-*, *under-*.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Chapter 1: Successful Dieting
- 2.2. Reading Skill: Scanning
- 2.3. Vocabulary Skill: Creating Word Webs
- 2.4. Chapter 2: Survival at the South Pole
- 2.5. Reading Skill: Predicting
- 2.6. Vocabulary Skill: The prefixes *over-* and *under-*
- 2.7. Real Life Skill: Recognizing Common Medical Abbreviations

Test 2

Thời gian: 1 giờ

Unit 8 Space and Flight

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 8, học sinh có khả năng:

Vận dụng được kỹ năng đọc như *xác định ý chính và các ý phụ hỗ trợ* cho ý chính đó.

Chọn lựa cách trả lời những câu hỏi đọc hiểu mang tính chất *gián tiếp, yêu cầu sự suy luận*.

Mở rộng vốn từ với các từ vựng được cấu tạo bắt đầu bằng các *tiền tố* như *de-* hoặc *dis-*.

Sử dụng các thành ngữ được sử dụng với *time*.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Chapter 1: Human Adaptation to Space
- 2.2. Reading Skill: Identifying Main and Supporting Ideas
- 2.3. Vocabulary Skill: The prefixes *dis-* and *de-*
- 2.4. Chapter 2: Pioneers of Flight
- 2.5. Reading Skill: Making Inferences
- 2.6. Vocabulary Skill: Idioms with *Time*: Inferring Meaning from Context
- 2.7. Real Life Skill: Dictionary Usage: Identifying Parts of Speech.

Review

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Ôn tập các kiến thức học sinh đã được giới thiệu và học để giúp học sinh hệ thống kiến thức cũ cũng như chuẩn bị tốt cho kì thi kết thúc môn học đạt kết quả tốt.

2. Nội dung chương:

Fluency Strategy: KWL; America's Biggest Lottery Winner Magazine Article

Fluency Practice:

Married in a Kimono, Happy in Switzerland Webpage.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học lí thuyết đạt chuẩn theo quy định.

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu hoặc TV, bảng, phấn, loa

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Nei J. Anderson (2009). *Active Skills for Reading: Book 3*. Second edition. Boston: Heinle Cengage Learning.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Mở rộng vốn từ vựng cho học sinh và nắm vững các kĩ thuật đọc như *đoán từ, đọc lướt, đọc lướt lấy ý chính, đoán nghĩa của từ mới dựa vào ngữ cảnh...*

- Kỹ năng:

Phát triển kĩ năng đọc hiểu về các lĩnh vực thuộc văn hóa xã hội.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học sinh phải tự giác và chủ động tự học tập, kiểm tra trung thực và đầy đủ theo quy định

2. Phương pháp:

Kiểm tra theo hình thức trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học được áp dụng cho học sinh bậc Trung cấp ngành Tiếng Anh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Giúp học sinh nắm vững các kĩ thuật đọc một cách rõ ràng, mở rộng vốn từ qua các tiền tố và hậu tố cấu tạo từ. Vận dụng và đạt hiệu quả kĩ năng đọc để trả lời câu hỏi cũng như yêu cầu của bài đọc hiểu.

- Đối với người học:

Học sinh chăm chỉ học và trau dồi kiến thức về các kĩ năng sử dụng trong việc đọc hiểu, tham gia đầy đủ các buổi học, chăm chỉ làm các bài tập để rèn luyện kĩ năng đọc hiểu và để ghi nhớ cách thành lập và cấu tạo một từ mới tốt hơn. Học sinh nên học gia đình từ của các từ mới để linh hoạt khả năng sử dụng ngôn ngữ.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Kỹ năng đọc lướt, đọc ý chính, đoán từ theo ngữ cảnh, sử dụng word web.

4. Tài liệu tham khảo:

Anne Ediger, & Cheryl Pavlik (1999). *Reading Connection*. Oxford: Oxford University Press.

Linda Lee, & Erik Gunderseu (2002). *Select Reading -Inter*. Oxford: Oxford University Press.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Viết

Mã môn học: KHCB433

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thảo luận, bài tập: 00 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Viết là môn học cơ sở trong chương trình giáo dục ngành Tiếng Anh bậc Trung cấp.

– Tính chất:

Môn học Viết là môn học thuộc khoa học xã hội, mang tính lí thuyết kết hợp với thực hành gắn liền với quá trình rèn luyện kĩ năng sử dụng ngôn ngữ.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi hoàn thành môn học Viết học sinh có khả năng:

Phân biệt các điểm ngữ pháp và từ vựng cần thiết để viết một đoạn văn tiếng Anh.

Nhận ra cấu trúc, dạng thức, tính thống nhất và liên kết của một đoạn văn.

– Kỹ năng:

Sau khi hoàn thành môn học Viết học sinh có khả năng:

Phân biệt những đặc điểm của từng thể loại văn: miêu tả, chứng minh, và miêu tả quy trình. Nhận biết các lỗi thường gặp khi viết đoạn văn.

Viết được các mẫu câu trong tiếng Anh theo đúng ngữ pháp.

Viết được những đoạn văn có cấu trúc và nội dung theo đúng yêu cầu.

Thực hành tương đối thành thạo các bước trong quy trình viết đoạn: tìm ý, sắp xếp ý, viết nháp, chỉnh sửa, ...

Viết được 3 thể loại văn: miêu tả, chứng minh, và miêu tả quy trình.

Phát hiện và khắc phục được những lỗi sai căn bản trong đoạn văn.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học sinh có thái độ tích cực trong quá trình học và làm việc, có tinh thần hợp tác và làm việc theo nhóm, có tinh thần tự học, tự rèn luyện kĩ năng viết để hoàn thành các loại văn bản theo đúng ngữ cảnh, đúng thể thức văn bản.

Học sinh có khả năng sử dụng ngôn ngữ nhuần nhuyễn đúng ngữ pháp trong các loại văn bản theo đúng văn phong và yêu cầu của công việc.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành / thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm Tra
1	Unit 1 The Sentence and the Paragraph Part 1: Stimulating Ideas Part 2: Developing a Paragraph Part 3: Unity and Coherence Part 4: Editing Your Writing Part 5: Putting It All Together	7	7		
2	Unit 2 Descriptive Paragraphs Part 1: Stimulating Ideas Reading Text: “Sari of the Gods” Part 2: Brainstorming and Outlining Part 3: Developing Your Ideas Part 4: Editing Your Writing Part 5: Putting It All Together	7	7		
3	Test	2			2
4	Unit 3 Example Paragraphs Part 1: Stimulating Ideas Part 2: Brainstorming and Outlining Part 3: Developing Your Ideas Part 4: Editing Your Writing Part 5: Putting It All Together	7	7		
5	Unit 4 Process Paragraphs Part 1: Stimulating Ideas Part 2: Brainstorming and	7	7		

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành / thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm Tra
	Outlining Part 3: Developing Your Ideas Part 4: Editing Your Writing Part 5: Putting It All Together				
Tổng cộng		30	28	00	02

2. Nội dung chi tiết:

Unit 1: The sentence and the paragraph

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 1, học sinh có khả năng

Nhận biết về cấu trúc, dạng thức, tính thống nhất và liên kết của một đoạn văn.

Viết được câu đơn, sử dụng dấu câu và chữ viết hoa.

Nhận biết và khắc phục các lỗi sai về cấu trúc câu: thiếu chủ ngữ hoặc vị ngữ (fragments); thiếu từ nối (run-on sentences)

2. Nội dung chương:

2.1. Part 1: Stimulating Ideas

The Paragraph

Formating a Paragraph

2.2. Part 2: Developing a Paragraph

Paragraph organization

The Topic Sentence

Supporting Sentences

The Concluding Sentence

2.3. Part 3: Unity and Coherence

Unity within a Paragraph

Coherence within a Paragraph

2.4. Part 4: Editing Your Writing

Simple Sentence Structure

Punctuation and Capitalization

Fragments

Run-on Sentences

2.5. Part 5: Putting It All Together

Unit 2: Descriptive paragraphs

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 2, học sinh có khả năng

Nhận biết được cấu trúc và từ vựng thường dùng của một đoạn văn miêu tả.

Sử dụng được cấu trúc và từ vựng thường dùng của một đoạn văn miêu tả.

2. Nội dung chương:

2.1. Part 1: Stimulating Ideas

Reading Text: “Sari of the Gods”

2.2. Part 2: Brainstorming and Outlining

Descriptive Organization

2.3. Part 3: Developing Your Ideas

Using Specific Language

2.4. Part 4: Editing Your Writing

Using Adjectives in Descriptive Writing

Using *Be* to Describe and Define

2.5. Part 5: Putting It All Together

Test

Thời gian: 2 giờ

Unit 3: Example paragraphs

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 3, học sinh có khả năng:

Nhận biết được cấu trúc của một đoạn văn chứng minh có sử dụng ví dụ làm dẫn chứng.

Sử dụng được cấu trúc của một đoạn văn chứng minh.

Chọn lọc thì hiện tại đơn (Simple present)

Sử dụng được hòa hợp giữa Chủ ngữ - động từ (Subject-verb agreement).

2. Nội dung chương:

2.1. Part 1: Stimulating Ideas

Reading Text: “Bumping into Mr. Ravioli”

2.2. Part 2: Brainstorming and Outlining

Example Organization

2.3. Part 3: Developing Your Ideas

Using Examples as Supporting Details

2.4. Part 4: Editing Your Writing

Forming and Using the Simple Present

Subject – Verb Agreement

2.5. Part 5: Putting It All Together

Unit 4: Process paragraphs

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 4, học sinh có khả năng

Nhận biết được cấu trúc, từ vựng thường dùng của một đoạn văn miêu tả quy trình.

Sử dụng được cấu trúc, từ vựng thường dùng của một đoạn văn miêu tả quy trình.

2. Nội dung chương:

2.1. Part 1: Stimulating Ideas

Reading Text: “How to Fight Off a Shark”

2.2. Part 2: Brainstorming and Outlining

Process Organization

2.3. Part 3: Developing Your Ideas

Using Time Order Words in Process Paragraphs

2.4. Part 4: Editing Your Writing

Using Imperatives

Modals of Advice, Necessity, and Prohibition

2.5. Part 5: Putting It All Together

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học lí thuyết

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu hoặc TV, loa, micro, máy cassette

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Savage. A., & Shafiei. M. (1998). *Effective Academic Writing*. Oxford: Oxford University Press.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Các điểm ngữ pháp và từ vựng cần thiết để viết một đoạn văn tiếng Anh. Kiến thức về cấu trúc, dạng thức, tính thống nhất và liên kết của một đoạn văn; và kiến thức ngữ pháp, từ vựng, ...

- Kỹ năng:

Học sinh có khả năng viết đoạn văn miêu tả, chứng minh, và miêu tả quy trình.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Thái độ học tập, hiệu quả làm việc nhóm, và tinh thần tự học

2. Phương pháp:

Hình thức thi: Tự luận; Thời gian: 60 phút

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học được áp dụng cho các lớp Bậc Trung cấp ngành Tiếng Anh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Sử dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy để đạt hiệu quả giảng dạy tối ưu nhất. Giảng dạy từ vựng và ngữ pháp cần thiết cho học sinh; đồng thời hướng dẫn học sinh áp dụng kiến thức đã học để phát triển các kỹ năng thực hành ngôn ngữ. Điều chỉnh thời gian và phương pháp giảng dạy cho phù hợp với trình độ học sinh của từng lớp. Hướng dẫn cho học sinh kỹ năng làm việc nhóm.

- Đối với người học:

Tự giác, chủ động chuẩn bị bài trước khi đến lớp, ôn tập các bài đã học, và trau dồi thêm ở nhà. Tích cực tham gia xây dựng bài và rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh. Liên hệ kiến thức được học với những môn học ngành khác và thực tiễn ngành nghề. Phát huy tinh thần làm việc nhóm và tinh thần tự học.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Cấu trúc và quy trình viết đoạn văn tiếng Anh; kỹ năng viết với các thể loại văn: miêu tả, chứng minh, và miêu tả quy trình về các chủ đề trường học, thiên nhiên, cộng đồng...

4. Tài liệu tham khảo:

Hogue A.(1996). *First Step in Academic Writing*. London: Longman.

Oshima A. (1993). Part III, *Writing Academic English*. London: Longman.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Thực hành Viết

Mã môn học: KHCB434

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ; (Lý thuyết: 00 giờ; Thảo luận, thực hành, bài tập: 60 giờ; Kiểm tra: 00 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Thực hành Viết là môn học cơ sở trong chương trình giáo dục ngành Tiếng Anh bậc Trung cấp

– Tính chất:

Môn học Thực hành Viết là môn học thuộc khoa học xã hội, mang tính lí thuyết kết hợp với thực hành gắn liền với quá trình rèn luyện kĩ năng sử dụng thuần thục bốn kĩ năng sử dụng ngôn ngữ.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi hoàn thành môn học Thực hành Viết, học sinh có khả năng hiểu các điểm ngữ pháp và từ vựng cần thiết để hoàn thành nội dung cần viết.

– Kỹ năng:

Sau khi hoàn thành môn học Thực hành Viết, học sinh có khả năng:

Phân biệt những đặc điểm các thể loại văn: nêu ý kiến và kể chuyện.

Hiểu rõ và thực hiện được quy trình viết tiểu luận ngắn và đặc điểm của tiểu luận miêu tả.

Viết được các mẫu câu đơn, câu ghép, ... trong tiếng Anh theo đúng ngữ pháp, viết được những đoạn văn có cấu trúc và nội dung theo đúng yêu cầu. Viết được hai thể loại văn: nêu ý kiến và kể chuyện.

Phát hiện và khắc phục được những lỗi sai về câu trong đoạn văn.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học sinh có thái độ tích cực trong quá trình học tập và làm việc, có tinh thần hợp tác và làm việc theo nhóm, có tinh thần tự học, tự rèn luyện kĩ năng để hoàn thành các nhiệm vụ có liên quan đến khả năng viết một cách tốt nhất.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong học phần	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành / bài tập/ thảo luận	Kiểm Tra
1	Unit 1 Opinion Paragraphs Part 1 Stimulating Ideas Part 2 Brainstorming and Outlining Part 3 Developing Your Ideas Part 4 Editing Your Writing Part 5 Putting It All Together	12		12	
2	Test 1	3		3	
3	Unit 2 Narrative Paragraphs Part 1 Stimulating Ideas Part 2 Brainstorming and Outlining Part 3 Developing Your Ideas Part 4 Editing Your Writing Part 5 Putting It All Together	12		12	
4	Test 2	3		3	
5	Unit 3 Paragraph to Short Essay Part 1 The Paragraph Part 2 Unity and Coherence Part 3 From Paragraph to Short Essay Part 4 Editing Your Writing Part 5 Putting It All Together	12		12	
6	Test 3	3		3	
7	Unit 4 Descriptive Essays Part 1 Stimulating Ideas Reading Text: “Food is Good” Part 2 Brainstorming and	12		12	

Số TT	Tên các bài trong học phần	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành / bài tập/ thảo luận	Kiểm Tra
8	Outlining Part 3 Developing Your Ideas Part 4 Editing Your Writing Part 5 Putting It All Together Review	3		3	
Tổng cộng		60		60	

2. Nội dung chi tiết:

Unit 1: Opinion paragraphs

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 1, học sinh biết và sử dụng được cấu trúc, từ vựng thường dùng của một đoạn văn nêu ý kiến.

2. Nội dung chương:

2.1. Part 1. Stimulating Ideas

2.2. Part 2. Brainstorming and Outlining

Opinion Organization

2.3. Part 3. Developing Your Ideas

Using Reasons to Support an Opinion

2.4. Part 4. Editing Your Writing

Using *There is/ There are* to Introduce Facts

Using *Because of* and *Because* to Give Reasons

2.5. Part 5. Putting It All Together

Test 1

Thời gian: 03 giờ

Unit 2: Narrative paragraphs

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 2, học sinh biết và sử dụng được cấu trúc, từ vựng thường dùng của một đoạn văn kể chuyện.

2. Nội dung chương:

2.1. Part 1. Stimulating Ideas

Reading Text: “The Snake-Man”

2.2. Part 2. Brainstorming and Outlining

Narrative Organization

2.3. Part 3. Developing Your Ideas

Using Sensory and Emotional Details

Showing Order of Events in Narrative Paragraphs

Showing Simultaneous Events

2.4. Part 4. Editing Your Writing

Forming and Using the Simple Past

Forming and Using the Past Continuous

2.5. Part 5. Putting It All Together

Test 2

Thời gian: 03 giờ

Unit 3: Paragraph to short essay

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 3, học sinh biết cấu trúc, dạng thức, tính thống nhất và liên kết trong đoạn văn. Giới thiệu về cấu trúc của một tiểu luận ngắn. Luyện tập viết câu đơn và câu ghép. Nhận biết và khắc phục lỗi sai về run-on sentences.

2. Nội dung chương:

2.1. Part 1. The Paragraph

Review of Paragraph Structure

Formating a Paragraph

The Topic Sentence

2.2. Part 2. Unity and Coherence

Unity within a Paragraph

Coherence in a Paragraph

2.3. Part 3. From Paragraph to Short Essay

The Paragraph and the Short Essay

Short Essay Organization

2.4. Part 4. Editing Your Writing

The Sentence

Simple and Compound Sentences

Run-on Sentences

Dependent Clauses

2.5. Part 5. Putting It All Together

Test 3

Thời gian: 03 giờ

Unit 4: Descriptive essays

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 4, học sinh biết và sử dụng được cấu trúc, từ vựng thường dùng của một tiểu luận miêu tả.

2. Nội dung chương:

2.1. Part 1. Stimulating Ideas

Reading Text: “Food is Good”

2.2. Part 2. Brainstorming and Outlining

Descriptive Organization

2.3. Part 3. Developing Your Ideas

Prepositional Phrase in Descriptive Writing

Adding Details to Sentences

Similes

2.4. Part 4. Editing Your Writing

Using Adjectives in Descriptive Writing

Formation of Adjectives

Describing feelings

Order of Adjectives

2.5. Part 5. Putting It All Together

Review

Thời gian: 03 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học lý thuyết

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu hoặc TV, loa, micro, máy cassette

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

Savage. A., & Shafiei. M. (1998). *Effective Academic Writing*. Oxford: Oxford University Press.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Cấu trúc, dạng thức, tính thống nhất và liên kết của một đoạn văn; và kiến thức ngữ pháp, từ vựng, ...

- Kỹ năng:

Kỹ năng viết đoạn văn nêu ý kiến và kể chuyện; và khả năng viết tiểu luận miêu tả

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Thái độ học tập, hiệu quả làm việc nhóm, và tinh thần tự học.

2. Phương pháp:

Hình thức thi cuối kì: Tự luận, Thời gian: 60 phút

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Các lớp bậc Trung cấp ngành Tiếng Anh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Sử dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy để đạt hiệu quả giảng dạy tối ưu nhất. Ôn tập từ vựng và ngữ pháp cần thiết cho học sinh; đồng thời hướng dẫn học sinh áp dụng kiến thức đã học để phát triển các kỹ năng viết. Điều chỉnh thời gian và phương pháp giảng dạy cho phù hợp với trình độ học sinh của từng lớp.

- Đối với người học:

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Quy định đào tạo Trung cấp hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Kỹ năng viết đoạn văn với các thể loại văn: nêu ý kiến và kể chuyện; đồng thời làm quen với cách viết tiểu luận ngắn với các chủ đề y tế, phương tiện truyền thông và giải trí và đời sống xã hội.

4. Tài liệu tham khảo:

Oshima, A & Hogue (1997). *A Introduction to Academic writing*. Part I. London: Longman.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Việt thực hành

Mã môn học: KHCB441

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ; (Lý thuyết: 00 giờ; Thảo luận, bài tập: 60 giờ; Kiểm tra: 00 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Tiếng Việt Thực hành là môn học cơ sở thuộc nhóm các môn học chuyên môn trong chương trình giáo dục ngành Tiếng Anh Bậc Trung cấp.

– Tính chất:

Môn học Tiếng Việt Thực hành là môn học thuộc khoa học xã hội, mang tính thực hành gắn liền với quá trình rèn luyện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ. Môn học này cung cấp cho học sinh kiến thức bổ trợ để học các môn học khác.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi hoàn thành môn học Tiếng Việt Thực hành, học sinh có khả năng:

Sử dụng thành thạo và chính xác tiếng Việt.

Chữa được các lỗi về cách dùng từ, đặt câu, các lỗi về phong cách.

Biết cách viết phiên âm tiếng nước ngoài;

– Kỹ năng:

Sau khi hoàn thành môn học Tiếng Việt Thực hành, học sinh có khả năng:

Phân biệt những đặc điểm các thể loại văn bản.

Viết đúng ngữ pháp, viết được những đoạn văn có cấu trúc và nội dung theo đúng yêu cầu.

Chữa được các lỗi về cách dùng từ, đặt câu, chữa được các lỗi về phong cách.

Tạo lập và tiếp nhận văn bản;

Thuật lại được nội dung tài liệu khoa học.

Phát hiện và khắc phục được những lỗi sai về câu trong đoạn văn.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học sinh có thái độ tích cực trong quá trình học và làm việc có tinh thần hợp tác và làm việc theo nhóm, có tinh thần tự học, tự rèn luyện kỹ năng sử dụng kiến thức hữu ích trong soạn thảo văn bản đúng văn phong và thể thức văn bản hiện hành.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập/ thảo luận	Kiểm Tra
1	Chương 1 Khái quát về văn bản	6		6	
2	Chương 2 Thực hành phân tích văn bản	8		8	
3	Kiểm tra số 1	2		2	
4	Chương 3 Thuật lại nội dung tài liệu khoa học	8		8	
5	Chương 4 Tạo lập văn bản	8		8	
6	Chương 5 Đặt câu trong văn bản	8		8	
7	Kiểm tra số 2	2		2	
8	Chương 6 Dùng từ trong văn bản	8		8	
9	Chương 7 Chữ viết trong văn bản	8		8	
10	Kiểm tra số 3	2		2	
Tổng cộng		60	00	60	00

2. Nội dung chi tiết:**Chương 1 Khái quát về văn bản**

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong chương 1, học sinh có khả năng:

Trình bày khái niệm và tính chất về các loại văn bản.

Sử dụng đúng loại văn bản theo tình huống.

2. Nội dung chương:

2.1. Giao tiếp và văn bản

2.2. Khái niệm và các đặc trưng cơ bản của văn bản

2.3. Giảm yếu về một số loại văn bản

Chương 2 Thực hành phân tích văn bản

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong chương 2, học sinh biết cách phân tích văn bản.

2. Nội dung chương:

2.1. Tìm hiểu khái quát về văn bản

2.2. Phân tích đoạn văn

2.3. Phân tích bố cục và lập luận toàn văn bản

Kiểm tra số 1

Thời gian: 2 giờ

Chương 3 Thuật lại nội dung tài liệu khoa học

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong chương 3, học sinh có khả năng:

Thuật lại nội dung tài liệu khoa học.

2. Nội dung chương:

2.1. Tóm tắt một tài liệu khoa học

2.2. Tổng thuật các tài liệu khoa học

2.3. Trình bày lịch sử vấn đề

Chương 4 Tạo lập văn bản

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong chương 4, học sinh có khả năng

Nhận biết được cấu trúc để tạo lập các loại văn bản.

Sử dụng được cấu trúc để tạo lập các loại văn bản.

2. Nội dung chương:

2.1. Định hướng- xác định các nhân tố giao tiếp của văn bản

2.2. Lập đề cương cho văn bản

2.3. Viết đoạn văn và văn bản

2.4. Sửa chữa và hoàn thiện văn bản

Chương 5 Đặt câu trong văn bản

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong chương 5, học sinh có khả năng:

Nhận biết cấu trúc và câu của các loại văn bản điển hình.

Chọn lọc được cấu trúc của các loại văn bản điển hình.

Sử dụng được cấu trúc và câu của các loại văn bản điển hình.

2. Nội dung chương:

2.1. Yêu cầu về câu trong văn bản

2.2. Đặc điểm của câu trong các văn bản khoa học nghị luận và hành chính

2.3. Một số thao tác rèn luyện về câu

2.4. Chữa câu

Kiểm tra số 2

Thời gian: 2 giờ

Chương 6 Dùng từ trong văn bản

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong chương 6, học sinh có khả năng:

Nhận biết cách sử dụng được các loại từ vựng thường dùng với các loại văn bản chuyên biệt.

Sử dụng được các loại từ vựng thường dùng với các loại văn bản chuyên biệt.

2. Nội dung chương:

2.1. Những yêu cầu chung về việc dùng từ trong văn bản

2.2. Đặc điểm cơ bản về từ trong các loại văn bản khoa học, nghị luận và hành chính

2.3. Một số thao tác dùng từ và luyện câu

2.4. Chữa các lỗi về từ trong văn bản

Chương 7 Chữ viết trong văn bản

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong chương 7, học sinh có khả năng:

Nhận biết và sử dụng cách dùng từ, ngữ, chữ viết tiếng Việt trong các loại văn bản.

Sử dụng đúng cách từ, ngữ, chữ viết tiếng Việt trong các loại văn bản.

2. Nội dung chương:

2.1. Chữ quốc ngữ

2.2. Chính tả

2.3. Lỗi chính tả

Kiểm tra số 3

Thời gian: 2 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học lí thuyết

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu, loa, micro, máy cassette

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

Bùi Minh Toán (2013). *Tiếng Việt thực hành*. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Cấu trúc, dạng thức, tính thống nhất và liên kết của một đoạn văn, các loại lỗi trong văn bản và cách chữa lỗi văn bản.

- Kỹ năng:

Kỹ năng viết đoạn văn chính xác, viết các văn bản khoa học và các loại văn bản hành chính đúng quy định.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Thái độ học tập, hiệu quả làm việc nhóm, và tinh thần tự học.

2. Phương pháp:

Hình thức kiểm tra định kỳ: Tự luận.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Các lớp Đại Trung cấp ngành Tiếng Anh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

Sử dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy kết hợp với sử dụng thiết bị kỹ thuật hiện đại để đạt hiệu quả giảng dạy tối ưu.

- Đối với người học:

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Kỹ năng viết và chữa lỗi đoạn văn.

4. Tài liệu tham khảo:

Đỗ Thị Kim Liên (2013). *Ngôn ngữ học đại cương*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

Mai Ngọc Chừ (2013). *Cơ sở Ngôn ngữ học và Tiếng Việt*, Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Thực hành Biên dịch 1

Mã môn học: KHCB435

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ; (Lý thuyết: 00 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 60 giờ; Kiểm tra: 00 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Thực hành Biên dịch 1 là môn học thực hành chuyên môn ngành trong chương trình đào tạo cử nhân bậc đào tạo Trung cấp ngành Tiếng Anh.

– Tính chất:

Môn học Thực hành Biên dịch 1 là môn học thuộc khoa học xã hội mang tính chất thực hành cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản để sử dụng trong các môn học ngành tiếng Anh và công việc có liên quan đến ngôn ngữ Anh sau khi ra trường.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi học xong môn học Thực hành Biên dịch 1 học sinh có khả năng:

Trình bày được từ vựng đa dạng các chủ đề

Chọn lọc thủ thuật đọc hiểu các vấn đề văn chương, học thuật.

Sử dụng tốt các thủ thuật đọc hiểu tài liệu khoa học, kỹ thuật với mức độ từ vựng đa dạng và ngữ pháp nâng cao.

– Kỹ năng:

Sau khi học xong môn học Thực hành Biên dịch 1 học sinh có khả năng:

Vận dụng các điểm ngữ pháp để biên dịch chính xác về nghĩa và đảm bảo tính trong sáng của ngôn ngữ Anh và Việt.

Biên dịch được văn bản theo chủ đề từ đơn giản đến hàn lâm, chủ đề đa dạng về chính trị, văn hóa – xã hội, y tế, kinh tế và pháp luật từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại.

Biên dịch được những đoạn báo cáo hoặc phát biểu theo chủ đề về chính trị, văn hóa – xã hội, y tế, kinh tế, nông nghiệp, và pháp luật... ở mức độ dễ từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học sinh tự giác và chủ động tự học tập và làm việc, có tinh thần hợp tác và làm việc nhóm, hoàn tất các công việc có liên quan đến khả năng biên dịch một cách hiệu quả.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành / thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm Tra
1	Unit 1 Politics	8		8	
2	Unit 2 Culture and Society	8		8	
3	Test 1	2		2	
4	Unit 3 Education	8		8	
5	Unit 4 Public Health	8		8	
6	Unit 5 Agriculture	8		8	
7	Test 2	2		2	
8	Unit 6 Economy and Commerce	7		7	
9	Unit 7 Law	7		7	
10	Test 3	2		2	
Tổng cộng		60		60	

2. Nội dung chi tiết:

Unit 1 Politics

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 1, học sinh có khả năng:

Dịch thuật các đoạn văn ngắn liên quan đến cơ quan nhà nước, chức vụ, một số vấn đề về chính trị, xã hội.

2. Nội dung chương:

2.1. Lesson 1 Political People

2.2. Lesson 2 Structures

2.3. Lesson 3 Political Issues

Unit 2 Culture and Society

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 2, học sinh có khả năng:

Dịch thuật các đoạn văn ngắn có liên quan đến một số vấn đề văn hóa, xã hội, về thiết chế văn hóa xã hội.

2. Nội dung chương:

2.1. Lesson 1 Culture and Society Institutions

2.2. Lesson 2 Social and Cultural Issues

Test 1

Thời gian: 2 giờ

Unit 3 Education

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 3, học sinh có khả năng:

Dịch thuật các đoạn văn ngắn có liên quan đến giáo dục.

Trình bày các khái niệm cơ bản thường được sử dụng trong giáo dục, các vấn đề trong giáo dục.

2. Nội dung chương:

2.1. Lesson 1 Concepts

2.2. Lesson 2 Educational Issues

Unit 4 Public Health

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 4, học sinh có khả năng:

Trình bày được các thuật ngữ y học phổ thông, tên một số chứng bệnh, một số vấn đề y học và y tế, một số thuật ngữ được dùng trong đông y.

Dịch thuật các đoạn văn ngắn có liên quan đến Y tế.

2. Nội dung chương:

2.1. Lesson 1 Common Medical Terms

2.2. Lesson 2 Medical and Health Care Issues

2.3. Lesson 3 Some Common Chinese Medical Terms

Unit 5 Agriculture

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 5, học sinh có khả năng:

Trình bày các thuật ngữ nông nghiệp phổ thông, một số vấn đề nông nghiệp.

Dịch thuật các đoạn văn ngắn có liên quan đến nông nghiệp.

2. Nội dung chương:

2.1. Lesson 1 Common Agricultural Terms

2.2. Lesson 2 Some Agricultural Issues

Test 2

Thời gian: 2 giờ

Unit 6 Economy and Commerce

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 6, học sinh có khả năng:

Trình bày một số thuật ngữ kinh tế- thương mại, tài chính phổ biến.
Dịch được các đoạn văn về vấn đề kinh tế, chính trị.
Dịch thuật các đoạn văn ngắn có liên quan đến kinh tế thương mại.

2. Nội dung chương:

2.1. Lesson 1 Common Economic and Commercial Terms

2.2. Lesson 2 Some Economic, Financial, and Commercial Issues

Unit 7 Law

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 7, học sinh có khả năng:

Trình bày một số thuật ngữ thông dụng trong các văn bản luật.

Dịch thuật các đoạn văn ngắn có liên quan đến pháp luật.

Dịch được một số văn bản có liên quan đến vấn đề pháp lí.

2. Nội dung chương:

2.1. Lesson 1 Some Common Legal Terms

2.2. Lesson 2 Some Legal Issues

Test 3

Thời gian: 2 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học lí thuyết

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu hoặc TV, bảng, phấn, loa

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Duong Ngoc Dung (2007). *Course in Translation and Interpretation of English*.
TP. HCM: NXB Đại học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Kiến thức đa dạng về cuộc sống, xã hội, kinh tế, pháp luật.

- Kỹ năng:

Kỹ năng biên dịch chính xác về nghĩa của văn bản tiếng Anh đồng thời đảm bảo sử dụng tiếng Việt trong văn bản đúng bản chất ngôn ngữ.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học sinh tự giác và chủ động tự học tập và làm bài tập ở nhà, kiểm tra trung thực.

2. Phương pháp:

Dạy lí thuyết các kĩ năng biên dịch kèm theo ví dụ minh họa. Luyện tập và làm các bài tập để rèn luyện kĩ năng.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học Thực hành Biên dịch 1 áp dụng cho học sinh bậc đào tạo Trung cấp ngành Tiếng Anh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Giúp học sinh nắm vững các kĩ thuật biên dịch. Vận dụng kiến thức ngữ pháp đạt hiệu quả, đồng thời học sinh mở rộng vốn từ thông qua các bài tập dịch thuật và phiên dịch đa dạng chủ đề.

Giảng viên chọn các nội dung theo chủ đề tương tự của giáo trình được cập nhật từ thực tế làm tư liệu giảng dạy để làm phong phú thêm bài giảng.

- Đối với người học:

Học sinh chăm chỉ học và trau dồi kiến thức về các kĩ năng sử dụng trong việc đọc hiểu, tham gia đầy đủ các buổi học, chăm chỉ làm các bài tập để rèn luyện kĩ năng biên dịch văn bản và các đoạn hội thoại, phát biểu.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Các kĩ thuật biên dịch, khả năng sử dụng tiếng Việt chính xác.

4. Tài liệu tham khảo:

Dennis Chamberlin, & Gilian White (1987). *Advanced English for Translation*. Cambridge: Cambridge University Press.

Betty Schramper Azar (1989). *Understanding and Using English Grammar*. New Jersey: Prentice Hall Regents.

Luu Trong Tuan (2012). *An Introduction into Translation Theories*. NXB Đại học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh.

Raymond Murphy (2006). *English Grammar In Use*. Third edition. Cambridge: Cambridge University Press.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Thực hành Biên dịch 2

Mã môn học: KHCB436

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ; (Lý thuyết: 00 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 60 giờ; Kiểm tra: 00 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Thực hành Biên dịch 2 là môn học Chuyên môn ngành trong chương trình đào tạo bậc Trung cấp ngành Tiếng Anh.

– Tính chất:

Môn học Thực hành Biên dịch 2 là môn học thuộc khoa học xã hội mang tính chất thực hành rèn luyện cơ bản để dịch thuật đào tạo ngành tiếng Anh và công việc có liên quan đến ngôn ngữ Anh sau khi ra trường.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi học xong môn học Thực hành Biên dịch 2 học sinh có khả năng:

Trình bày vốn từ vựng về các vấn đề văn chương, học thuật, khoa học, xã hội

Đọc hiểu được các vấn đề văn chương, học thuật, khoa học, xã hội.

Sử dụng tốt các thủ thuật đọc hiểu tài liệu khoa học, kỹ thuật với mức độ từ vựng đa dạng và ngữ pháp nâng cao,

Vận dụng các điểm ngữ pháp để biên dịch chính xác về nghĩa và đảm bảo tính trong sáng của ngôn ngữ Anh và Việt.

– Kỹ năng:

Sau khi học xong môn học này học sinh có khả năng:

Biên dịch các văn bản có các chủ đề đa dạng về An ninh quốc phòng, khoa học, văn học nghệ thuật, triết học từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại.

Biên dịch những đoạn báo cáo hoặc phát biểu theo nhiều chủ đề ở mức độ dễ từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học sinh tự giác và chủ động tự học tập và làm việc hiệu quả các công việc có liên quan đến biên dịch.

Phát huy tinh thần làm việc nhóm, tinh thần hợp tác để đạt hiệu quả tối ưu trong vị trí việc làm.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành / thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm Tra
1	Unit 1 Public Security and National Defense Some Common Terms Some Issues of Public Security and National Defense	6		6	
2	Unit 2 Science Natural Sciences Social Sciences	6		6	
3	Test 1	2		2	
4	Unit 3 Literature and Fine Arts Elements of Literature Asian Literature Fine Arts	6		6	
5	Unit 4 Philosophy Some Basic Concepts and Terminologies Some Philosophical Issues	6		6	
6	Test 2	2		2	
7	Unit 5 Religions and Beliefs Eastern Religious Traditions Western Religious Traditions	6		6	
8	Unit 6 International Relations American Foreign Policies	6		6	

	China and International Relations Theories of International Relations				
9	Test 3	2		2	
10	Unit 7 Mass Media and Mass Communication Investigative Reporting and the Internet Individual, Society, and Mass Media Advertising	6		6	
11	Unit 8 Literary Style	6		6	
12	Unit 9 The Formal Style	6		6	
Tổng cộng		60		60	

2. Nội dung chi tiết:

Unit 1 Public Security and National Defense Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 1, học sinh có khả năng dịch thuật các đoạn văn ngắn liên quan đến An ninh – Quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

2. Nội dung chương:

2.1. Some Common Terms

2.2. Some Issues of Public Security and National Defense

Unit 2 Science

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 2, học sinh có khả năng dịch thuật các đoạn văn ngắn có liên quan đến một số vấn đề khoa học tự nhiên và khoa học xã hội từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

2. Nội dung chương:

2.1. Natural Sciences

2.2. Social Sciences

Test 1

Thời gian: 2 giờ

Unit 3 Literature and Fine Arts

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 3, học sinh có khả năng dịch thuật các đoạn văn ngắn có liên quan đến mỹ thuật, văn hóa, từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

2. Nội dung chương:

2.1. Elements of Literature

2.2. Asian Literature

2.3. Fine Arts

Unit 4 Philosophy

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 4, học sinh có khả năng:

Dịch thuật các đoạn văn ngắn có liên quan đến triết học

Vận dụng kiến thức triết học, dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

Trình bày một số khái niệm và thuật ngữ triết học căn bản.

2. Nội dung chương:

2.1. Some Basic Concepts and Terminologies

2.2. Some Philosophical Issues

Test 2

Thời gian: 2 giờ

Unit 5 Religions and Beliefs

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 5, học sinh có khả năng:

Dịch thuật các đoạn văn ngắn có liên quan đến tôn giáo, đức tin từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

Trình bày quan điểm về tôn giáo bằng tiếng Anh.

2. Nội dung chương:

2.1. Eastern Religious Traditions

2.2. Western Religious Traditions

Unit 6 International Relations

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 6, học sinh có khả năng:

Dịch thuật các đoạn văn ngắn lý thuyết về mối quan hệ quốc tế, một số vấn đề liên quan chính sách đối ngoại của Mỹ, về quan hệ quốc tế của Trung Quốc, từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

Trình bày nội dung về quan hệ quốc tế bằng tiếng Anh.

2. Nội dung chương:

2.1. American Foreign Policies

2.2. China and International Relations

2.3. Theories of International Relations

Test 3

Thời gian: 2 giờ

Unit 7 Mass Media and Mass Communication

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 7, học sinh có khả năng:

Dịch thuật các đoạn văn ngắn có liên quan đến vấn đề truyền thông đại chúng, một số sự kiện từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

Trình bày nội dung quảng cáo bằng tiếng Anh.

2. Nội dung chương:

2.1. Investigative Reporting and the Internet

2.2. Individual, Society, and Mass Media

2.3. Advertising

Unit 8 Literary Style

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 8, học sinh có khả năng dịch thuật các đoạn trích ngắn các tác phẩm văn học từ tiếng Việt sang tiếng Anh.

2. Nội dung chương:

2.1. Các phương thức cú pháp

2.2. Translation Exercises

Unit 9 The Formal Style

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 9, học sinh có khả năng dịch thuật các đoạn văn bản khoa học từ tiếng Việt sang tiếng Anh.

2. Nội dung chương:

2.1. Một số đặc tính từ vựng và cú pháp trong văn bản khoa học.

2.2. Translation Exercises

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học Lí thuyết

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu hoặc TV, bảng, phấn, loa

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Ngoc Dung Duong (2007). *Course in Translation and Interpretation of English*. TP. HCM: NXB Đại học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh.

Ngoc Dung Duong (2007). *Luyện dịch Việt Anh*. TP. HCM: NXB Đại học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Kiến thức đa dạng về cuộc sống, văn hóa-xã hội.

- Kỹ năng:

Kỹ năng biên dịch chính xác về nghĩa của văn bản tiếng Anh đồng thời đảm bảo sử dụng tiếng Việt trong văn bản đúng bản chất ngôn ngữ.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có tinh thần tự giác và chủ động tự học tập tự nghiên cứu, đọc văn bản và các tác phẩm văn học tiếng Anh và tiếng Việt để trau dồi vốn từ.

Có thái độ hợp tác, rèn luyện làm việc nhóm để đạt hiệu quả trong quan hệ công việc.

2. Phương pháp:

Dạy lí thuyết các kỹ năng biên dịch và kèm theo ví dụ minh họa. Luyện tập và làm các bài tập để rèn luyện kỹ năng.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Dành cho học sinh ngành Tiếng Anh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Giúp học sinh nắm vững các kỹ thuật biên dịch. Vận dụng kiến thức ngữ pháp đạt hiệu quả, đồng thời học sinh mở rộng vốn từ thông qua các bài tập dịch thuật và biên dịch đa dạng chủ đề. Có thể sử dụng tư liệu giảng dạy từ các phương tiện truyền thông đại chúng làm chủ đề dịch thuật.

- Đối với người học:

Học sinh chăm chỉ học và trau dồi kiến thức về các kỹ năng sử dụng trong việc đọc hiểu, tham gia đầy đủ các buổi học, chăm chỉ làm các bài tập để rèn luyện kỹ năng biên dịch văn bản và các đoạn hội thoại, phát biểu.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Các kỹ thuật biên dịch, khả năng sử dụng tiếng Việt chính xác.

Các vấn đề ngữ pháp cơ bản.

4. Tài liệu tham khảo:

Betty Schramper Azar (1989). *Understanding and Using English Grammar*. New Jersey: Prentice Hall Regents.

Dennis Chamberlin, & Gilian White (1987). *Advanced English for Translation*. Cambridge: Cambridge University Press.

Luu Trong Tuan (2012). *An Introduction into Translation Theories*. NXB Đại học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh.

Raymond Murphy (2006). *English Grammar In Use*. Third edition. Cambridge: Cambridge University Press.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Phương pháp giảng dạy tiếng Anh

Mã môn học: KHCB437

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ; (Lý thuyết: 00 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 60 giờ; Kiểm tra: 00 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Phương pháp giảng dạy tiếng Anh là môn học chuyên môn ngành trong chương trình đào tạo bậc Trung cấp ngành Tiếng Anh.

– Tính chất:

Môn học Phương pháp giảng dạy tiếng Anh là môn học thuộc khoa học xã hội mang tính chất lí thuyết kết hợp với thực hành cung cấp kiến thức cơ bản bao gồm các phần lí thuyết về phương pháp giảng dạy tiếng Anh, các nguyên tắc cần thiết đối với giảng viên dạy tiếng Anh trong quá trình giảng dạy, rèn luyện khả năng quản lý giờ dạy. Đồng thời cung cấp kĩ năng phân tích và thực hành các phương pháp giảng dạy ngoại ngữ.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi hoàn tất môn học học sinh có thể:

Trình bày lí thuyết về các phương pháp giảng dạy ngoại ngữ.

Vận dụng được yêu cầu và mục đích sử dụng đồ dùng phương tiện giảng dạy ngoại ngữ;

Tận dụng các yếu tố có liên quan và ảnh hưởng đến quá trình học và dạy ngoại ngữ và nguyên tắc giảng dạy ngoại ngữ.

– Kỹ năng:

Sau khi hoàn tất môn học học sinh có thể:

Thực hành giảng dạy ngữ âm, ngữ pháp và từ vựng, các kĩ năng nghe, nói, đọc, và viết.

Tiến hành một giờ giảng chuyên biệt hoặc một giờ giảng tổng hợp bằng nhiều phương pháp giảng dạy, triển khai các hình thức hoạt động nhóm cho một giờ học lí thuyết.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học sinh tự giác và chủ động học tập, rèn luyện chuyên môn, tự tập giảng để có thể hoàn thành công việc giảng dạy hoặc trợ giảng hiệu quả.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành / thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm Tra
1	Unit 1 Presenting vocabulary	3		3	
2	Unit 2 Asking questions	2		2	
3	Unit 3 Presenting structures	3		3	
4	Unit 4 Using the blackboard	2		2	
5	Unit 5 Using a reading text	3		3	
6	Unit 6 Practising structures	2		2	
7	Unit 7 Using visual aids	2		2	
8	Unit 8 Planning a lesson	3		3	
9	Test 1	1		1	
10	Unit 9 Teaching basic reading	3		3	
11	Unit 10 Teaching pronunciation	2		2	
12	Unit 11 Teaching handwriting	2		2	
13	Unit 12 Pairwork and groupwork	2		2	
14	Unit 13 Writing activities	3		3	
15	Unit 14 Eliciting	2		2	
16	Unit 15 Reading activities	2		2	
17	Unit 16 Correcting errors	2		2	
18	Test 2	1		1	
19	Unit 17 Listening activities	2		2	
20	Unit 18 Communicative activities	2		2	
21	Unit 19 Using English in class	3		3	
22	Unit 20 Role play	3		3	
23	Unit 21 Using worksheets	2		2	

24	Unit 22 Classroom tests	3		3	
25	Unit 23 Planning a week's teaching	2		2	
26	Unit 24 Self-evaluation	2		2	
27	Test 3	1		1	
Tổng cộng		60		60	00

2. Nội dung chi tiết:

Unit 1 Presenting vocabulary

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 1, học sinh có khả năng:

Trình bày tầm quan trọng của việc giảng giải từ mới, cách sử dụng loại từ, cách sử dụng từ vựng trong ngữ cảnh.

Vận dụng kỹ thuật giảng nghĩa từ mới, có khả năng diễn giảng cách dùng từ vựng, biết cách củng cố từ mới thông qua việc đặt câu hỏi.

2. Nội dung chương:

2.1. Introduction

2.2. Showing the meaning of the words

Showing meaning visually

Giving examples

2.3. Using a new word

2.4. Vocabulary expansion

2.5. Active and passive vocabulary

Unit 2 Asking questions

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 2, học sinh có khả năng

Trình bày các loại câu hỏi

Sử dụng các loại câu hỏi với các mục đích khác nhau.

Hướng dẫn người học dùng các loại câu trả lời dài và ngắn một cách trôi chảy và tự nhiên.

2. Nội dung chương:

2.1. Question types

Yes/ No questions

“Or” questions

WH- questions

2.2. Questions with short answers

Checking questions

Real classroom questions

2.3. Eliciting long answers

2.4. Questioning strategies

Unit 3 Presenting structures

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 3, học sinh có khả năng:

Trình bày cấu trúc, ý nghĩa của cấu trúc câu và cách sử dụng các cấu trúc câu trong tiếng Anh.

Sử dụng cấu trúc trong tình huống nhất định và tạo được các ví dụ để áp dụng cấu trúc câu.

2. Nội dung chương:

2.1. Structures and examples

2.2. Showing the meaning of a structure

Showing meaning visually

Showing meaning through a situation

Discussion: Ways of showing meaning

2.3. Showing form and meaning

Focussing on form

Presenting a structure

Contrasting structures

Unit 4 Using the blackboard

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 4, học sinh có khả năng:

Chọn lọc các kỹ thuật cơ bản sử dụng bảng viết trong quá trình dạy học,
Vẽ được các hình đơn giản lên bảng để làm sinh động quá trình dạy học.

2. Nội dung chương:

2.1. Techniques for using the blackboard

Introduction

Writing on the blackboard

Organising the blackboard

2.2. Presenting and practising structures

Blackboard examples

Structure tables

Prompts for practice

2.3. Blackboard drawings

Introduction

Simple blackboard drawings

Using blackboard drawings

Unit 5 Using a reading text

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 5, học sinh có khả năng:

Trình bày kiến thức có liên quan đến việc đọc bài khóa.

Sử dụng được các kỹ thuật sử dụng bài khóa trong giảng dạy.

2. Nội dung chương:

2.1. Reading a text

2.2. Activities before reading

Presenting new vocabulary

Introducing the text

Guiding questions

Preparing for silent reading

2.3. Checking comprehension

2.4. Follow-up activities

Unit 6 Practising structures

Thời gian: 2 giờ

Sau khi học xong Unit 6, học sinh có khả năng

Hướng dẫn người học cách thực hành các mẫu cấu trúc.

Tổ chức và kiểm soát được việc thực hành nói trong lớp học.

Sử dụng được các tình huống thật và giả định để giúp người học thực hành một cách nhuần nhuyễn.

2. Nội dung chương:

2.1. From presentation to practice

2.2. Controlled practice

Meaningful practice

Organising practice in class

2.3. Free oral practice

Unit 7 Using visual aids

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 7, học sinh có khả năng:

Sử dụng hiệu quả các công cụ trực quan trong quá trình giảng dạy,

Đánh giá được hiệu năng sử dụng của các công cụ trực quan để làm tăng chất lượng bài giảng.

Làm được các dụng cụ trực quan để sử dụng trong quá trình dạy học.

2. Nội dung chương:

2.1. Introduction

2.2. Using real objects

2.3. Using flash cards

2.4. Using charts

Charts for language practice

Using charts with a reading text

Displaying charts

Unit 8 Planning a lesson

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong Unit 8, học sinh có khả năng:

Trình bày được mục tiêu và cấu trúc, nội dung bài giảng.

Phân biệt được các giai đoạn lên lớp và biết mối liên kết giữa các giai đoạn.

Soạn được giáo án cho các giờ lên lớp.

2. Nội dung chương:

2.1. Using the teacher's notes

2.2. Aims and content of the lesson

Aims of the lesson

Language

Skills

2.3. Stages of the lesson

2.4. Writing a lesson plan

2.5. Role play

Test 1

Thời gian: 1 giờ

Unit 9 Teaching basic reading

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 9, học sinh có khả năng:

Đọc các bảng viết tay, hiểu kỹ thuật đơn giản để phát triển kỹ năng viết.

2. Nội dung chương:

2.1. Learning to read

2.2. Recognising words

Look and say

Look and do

Simple reading tasks

2.3. Sounds and spelling

Unit 10 Teaching pronunciation

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 10, học sinh biết các vấn đề khó khăn của người học trong việc phát âm. Học sinh biết các kỹ năng để giúp người học hoàn thiện viết phát các thanh âm riêng lẻ.

Học sinh hướng dẫn được người học cách nhấn trọng âm và sử dụng ngữ điệu trong phát âm tiếng Anh.

2. Nội dung chương:

2.1. Introduction

2.2. Individual sounds

Focussing on a difficult sound

Practising sounds

2.3. Stress and intonation

Stress

Intonation

Practising stress and intonation

Unit 11 Teaching handwriting

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 11, học sinh có khả năng

Trình bày nguyên tắc cơ bản trong việc dạy cách viết chữ.

Hướng dẫn được cho người học cách viết chữ riêng lẻ và các chữ nối liền với nhau.

2. Nội dung chương:

2.1. Basic principles

2.2. Teaching individual letters

2.3. Writing words

Unit 12 Pairwork and groupwork

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 12, học sinh có khả năng:

Trình bày về nguyên tắc hoạt động theo từng cặp và hoạt động nhóm.

Tổ chức hiệu quả hoạt động nhóm phù hợp với nội dung giảng dạy và các hoạt động khác nhau của người học trong không gian lớp học.

Xử lý được tình huống sự phạm trong hoạt động nhóm một cách tự tin.

2. Nội dung chương:

2.1. Pairwork and groupwork

Introduction

Pairwork and groupwork activities

Discussion: Advantages and problems

2.2. Organising pairwork

Discussion

Dividing the class

2.3. Activities in class

Unit 13 Writing activities

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 13, học sinh có khả năng

Trình bày tầm quan trọng của kỹ năng viết trong học tiếng Anh.

Hướng dẫn được người học hoàn thiện kỹ năng viết thông qua việc kiểm soát hoạt động trong lớp học.

Hướng dẫn người học các hoạt động để rèn luyện kỹ năng viết.

2. Nội dung chương:

2.1. Controlled writing

Introduction

Moving beyond copying

Controlled writing activities

Dictation

2.2. Guide writing

Problems of free writing

Writing based on a text

Oral preparation

2.3. Correcting written work

Unit 14 Eliciting

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 14, học sinh có khả năng:

Trình bày giá trị của việc khuyến khích và dẫn dắt để người học thực hiện các kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong học tập: cách đoán từ và cấu trúc, cách đưa ra các câu trả lời đáp ứng cho các tình huống tư duy.

Sử dụng kỹ năng sử dụng tiếng Anh: đoán từ và cấu trúc, cách đưa ra các câu trả lời đáp ứng cho các tình huống tư duy.

2. Nội dung chương:

2.1. Presenting and eliciting

Introduction

Eliciting from pictures

2.2. Getting students to guess

2.3. Getting students to imagine

Unit 15 Reading activities

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 15, học sinh có khả năng:

Trình bày tầm quan trọng của hoạt động đọc,

Tạo ra được nhu cầu và động lực đọc.

Có kỹ năng giúp người học hiểu được thông tin chính của bài khóa.

2. Nội dung chương:

2.1. Pre-reading activities

Wanting to read

Pre-reading activities

2.2. Reading the text

Using questions on a text

Completing a table

Eliciting a personal response

Unit 16 Correcting errors

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 16, học sinh có khả năng:

Trình bày tầm quan trọng của việc chỉnh sửa lỗi của người học trong quá trình giảng dạy.

Sử dụng được kỹ thuật sửa lỗi trong bài viết và vấn đáp

2. Nội dung chương:

2.1. Introduction

2.2. Correcting spoken errors

Strategies for correcting errors

Helping students to correct themselves

2.3. Correcting written work

Introduction

Techniques for correcting written work

Common written errors

Test 2

Thời gian: 1 giờ

Unit 17 Listening activities

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 17, học sinh có khả năng:

Trình bày tầm quan trọng của kỹ năng nghe trong việc học tiếng Anh.

Trình bày được thuận lợi của việc tập trung vào hoạt động nghe trong giờ học.

Sử dụng được kỹ thuật nghe và luyện nghe cho người học.

2. Nội dung chương:

2.1. Introduction

The importance of listening

Listening in real life

Focussed listening

2.2. Helping students to listen

Using a dialogue for listening

Using a cassette recorder

2.3. Getting students to predict

Unit 18 Communicative activities

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 18, học sinh biết các điểm chính yếu của hoạt động giao tiếp.

Học sinh hướng dẫn người học cách giao tiếp với bạn trong cùng lớp học.

2. Nội dung chương:

2.1. Introduction

2.2. Guessing games

2.3. Exchanging information

2.4. Exchanging personal information

Unit 19 Using English in class

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 19, học sinh có khả năng:

Trình bày được giá trị cần thiết của việc sử dụng tiếng Anh trong giờ giảng.

Trình bày được từ vựng để nói về các thời điểm và các mẫu câu thường sử dụng trong giờ học.

Nói về các thời điểm và các mẫu câu thường sử dụng trong giờ học.

2. Nội dung chương:

2.1. Introduction

2.2. Social language

2.3. Organising language

2.4. Explanations

Unit 20 Role play

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 20, học sinh có khả năng

Trình bày được khái niệm đóng vai và tầm quan trọng của việc tổ chức cho người học đóng vai khi thực hiện bài giảng.

Tổ chức được hoạt động đóng vai trong giờ học.

2. Nội dung chương:

2.1. Introduction

2.2. Improvising dialogues

2.3. Interviews based on a text

2.4. Free role play

Organising free role play

Situations for free role play

Conclusion

Unit 21 Using worksheets

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 21, học sinh có khả năng:

Sử dụng tài liệu học tập.

Soạn bài tập, tài liệu học tập phát tay cho người học trong giờ giảng.

Kĩ năng chia sẻ tài liệu giảng dạy với người khác và trao đổi tài liệu giảng dạy để làm phong phú thêm bộ tài liệu học tập.

2. Nội dung chương:

2.1. Introduction

2.2. Worksheets for oral practice

2.3. Worksheets for reading and writing

Unit 22 Classroom tests

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 22, học sinh có khả năng

Trình bày tầm quan trọng của việc soạn bài kiểm tra.

Sử dụng bài kiểm tra để đánh giá chất lượng dạy học.

Chọn lọc các loại bài kiểm tra

Sử dụng bài kiểm tra để đánh giá một cách công bằng kết quả học tập của người học.

Soạn được bài kiểm tra thuộc nhiều trình độ và cấp độ kiểm tra khác nhau.

2. Nội dung chương:

2.1. Introduction

2.2. Testing receptive skills

2.3. Testing grammar and writing

2.4. Oral test

Unit 23 Planning a week's teaching

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 23, học sinh có khả năng:

Trình bày tầm quan trọng của việc sử dụng và thực hiện các loại hoạt động khác nhau trong giảng dạy.

Sử dụng được các kĩ năng khuyến khích động viên người học và giúp người học tiến bộ.

Viết mục tiêu dài hạn và ngắn hạn trong giảng dạy.

Học sinh có khả năng tự ôn lại các kĩ năng đã học trong các bài trước đây.

2. Nội dung chương:

2.1. Introduction

2.2. Learning activities

2.3. Teaching techniques

2.4. Types of interaction

Unit 24 Self-evaluation

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 24, học sinh biết có khả năng:

Sử dụng các thành tố trong việc học.

Phát triển các khái niệm “giảng dạy tốt” thực hiện tốt việc tự rèn luyện để trở nên giảng viên dạy tốt.

2. Nội dung chương:

2.1. Good and bad teaching

2.2. Helping students to learn

Test 3

Thời gian: 1 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học lí thuyết

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu hoặc TV, bảng, phấn, loa

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Adrian Doff (1988). *Teach English- A Training Course for Teachers*. Cambridge: Cambridge University Press.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Lí thuyết về phương pháp giảng dạy tiếng Anh, các nguyên tắc cần thiết đối giảng viên tiếng Anh trong quá trình giảng dạy, cung cấp phương pháp giảng dạy ngoại ngữ.

- Kỹ năng:

Kỹ năng truyền thụ kiến thức, kỹ năng tiếp nhận thông tin từ nguồn tài nguyên mở.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học sinh tự giác và chủ động tự học tập và làm bài tập ở nhà, kiểm tra trung thực.

2. Phương pháp:

Dạy lí thuyết và thực hành sư phạm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học Phương pháp giảng dạy tiếng Anh áp dụng cho học sinh Trung cấp ngành Tiếng Anh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị môn học cần phải nghiên cứu kỹ nội dung chương trình môn học để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp.

Giảng viên chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho học sinh trước ít nhất một tuần để học sinh chuẩn bị trước khi lên lớp.

Tổ chức cho học sinh các buổi seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp và hướng dẫn học sinh thực hành giảng dạy.

- Đối với người học:

Tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn môn học cho phù hợp với tiến độ. Nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng. Đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên. Tự giác trong khâu tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi seminar. Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu. Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Các kỹ thuật giảng dạy, các phương pháp giảng dạy có ứng dụng công nghệ thông tin, cách tận dụng nguồn tài liệu mở khai thác từ Internet.

4. Tài liệu tham khảo:

Jane Willis (1997). *Teaching English through English*. London: Longman.

Jemery Harmer (2007). *The Practice of English Language Teaching*. Fourth Edition. London: Pearson Longman.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Anh Du lịch

Mã môn học: KHCB439

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ; (Lý thuyết: 43 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 00 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Tiếng Anh Du lịch là môn học Chuyên môn ngành trong chương trình đào tạo bậc Trung cấp ngành Tiếng Anh.

– Tính chất:

Môn học Tiếng Anh Du lịch là môn học thuộc khoa học xã hội mang tính chất thực hành cung cấp kiến thức cơ bản trong lĩnh vực du lịch như: khách sạn, các hình thức du lịch, thiết kế và tiếp thị du lịch... Học sinh sau khi học xong môn học sẽ xử lý được các tình huống giao tiếp có liên quan đến kinh doanh và du lịch. Đồng thời cung cấp kỹ năng phân tích và thực hành các tình huống xử lý trong quá trình thực hiện công việc như một nhân viên làm việc trong lĩnh vực du lịch hoặc có liên quan.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi hoàn tất môn học học sinh có khả năng:

Biết các thuật ngữ ngành, các văn bản và kí hiệu thường sử dụng trong công việc có liên quan đến du lịch.

Hiểu và vận dụng được mẫu câu giao tiếp trong đời sống và trong công việc đặc biệt là du lịch, khách sạn;

– Kỹ năng:

Sau khi hoàn tất môn học học sinh có khả năng:

Nói các câu đơn giản giao tiếp trong đời sống và trong công việc đặc biệt là du lịch, khách sạn;

Nghe được các câu có liên quan đến đời sống, kinh doanh, nghe và trả lời điện thoại về các công việc có liên quan đến du lịch;

Đọc hiểu và thực hành được các văn bản có liên quan đến đời sống và công việc có liên quan đến du lịch;

Xử lý được các tình huống giao tiếp trong nghề nghiệp có liên quan đến du lịch.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học sinh tự giác và chủ động làm việc trong ngành du lịch, có tinh thần trách nhiệm cao với đồng nghiệp và với du khách.

III. Nội dung môn học:

b. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành / thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm Tra
1	Unit 1 What is tourism?	6	6		
2	Unit 2 What your kind of tourism?	6	6		
3	Unit 3 Hospitality research	6	6		
4	Test 1	1			1
5	Unit 4 Careers in tourism and hospitality	6	6		
6	Unit 5 Tourism marketing	6	6		
7	Unit 6 The business of events tourism	6	6		
8	Test 2	1			1
9	Unit 7 The business of fun	6	6		
10	Review	1	1		
Tổng cộng		45	43	00	2

2. Nội dung chi tiết:

Unit 1 What is tourism?

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 1, học sinh có khả năng:

Trình bày các khái niệm và thuật ngữ thường dùng trong lĩnh vực du lịch

Nghe nói các câu đơn giản và phổ biến trong lĩnh vực du lịch.

Vận dụng các khái niệm và thuật ngữ thường dùng trong lĩnh vực du lịch.

2. Nội dung chương:

2.1. Vocabulary *Definition of tourism - Aspects of tourism*

2.2. Listening

2.3. Extending skills

Unit 2 What your kind of tourism?

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 2, học sinh có khả năng:

Trình bày được các thuật ngữ có liên quan đến các loại hình du lịch.

Sử dụng các thuật ngữ có liên quan đến các loại hình du lịch.

Giao tiếp trong tình huống giới thiệu sản phẩm du lịch hoặc yêu cầu dịch vụ cung cấp loại hình du lịch

Sử dụng các dạng danh từ: đếm được và không đếm được.

Viết được bản điều tra khảo sát.

2. Nội dung chương:

2.1. Vocabulary *Types of tourism*

2.2. Reading *Backpacking or flashpacking?*

Ecotourism – is it as green as it is painted?

2.3. Extending skills

Unit 3 Hospitality research

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 3, học sinh có khả năng:

Trình bày khái niệm và thuật ngữ trong nghiên cứu thị trường du lịch

Sử dụng được từ vựng về các phương tiện trong khách sạn

Nghe, nói, giao tiếp trong tiến hành điều tra, khảo sát thị trường du lịch: phương pháp, lý thuyết, người tiến hành nghiên cứu khảo sát.

Đặt câu hỏi, trình bày thông tin nghiên cứu khảo sát.

2. Nội dung chương:

2.1. Vocabulary *Hospitality research*

2.2. Listening

2.3. Extending skills *Faculty: Tourism and Hospitality*

Test 1

Thời gian: 1 giờ

Unit 4 Careers in tourism and hospitality

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 4, học sinh có khả năng:

Trình bày được các từ ngữ chuyên biệt dùng trong thị trường lao động và lĩnh vực du lịch; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực du lịch nói chung và khảo sát du lịch nói riêng;

Thuyết trình về kết quả nghiên cứu khảo sát.

Sử dụng được các từ ngữ chuyên biệt dùng trong thị trường lao động và lĩnh vực du lịch.

2. Nội dung chương:

2.1. Vocabulary *Employment in the travel, tourism and hospitality industry*

2.2. Reading *Careering uphill: opportunities for employment in the TTH sector*

2.3. Extending skills

Unit 5 Tourism marketing

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 5, học sinh có khả năng:

Trình bày các thuật ngữ ngành trong tiếp thị và quảng bá du lịch.

Sử dụng các thuật ngữ ngành trong tiếp thị và quảng bá du lịch

Lựa chọn một số từ đồng nghĩa và trái nghĩa trong du lịch; biết cách viết tắt một cách khoa học.

Thực hiện seminar về du lịch.

2. Nội dung chương:

2.1. Vocabulary *Definition of marketing*

Importance of marketing

2.2. Listening *Types of market*

Market research

2.3. Extending skills

Unit 6 The business of events tourism

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 6, học sinh có khả năng:

Trình bày được các từ ngữ dùng trong sự kiện, lễ hội có liên quan đến du lịch,

Quản lý điều hành sự kiện du lịch.

Đọc hiểu thông tin từ văn bản.

Viết các câu phức dùng trong lĩnh vực du lịch.

Sử dụng được các từ ngữ dùng trong sự kiện, lễ hội có liên quan đến du lịch.

2. Nội dung bài:

2.1. Vocabulary *Types of event The life cycle of event*

The management of complex events

2.2. Reading *The event of your life?*

2.3. Extending skills

Test 2

Thời gian: 1 giờ

Unit 7 The business of fun

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 7, học sinh có khả năng

Trình bày kiến thức về dịch vụ du lịch theo chủ đề, các khu vực tổ chức du lịch theo chủ đề.

Chọn lựa cách gây dựng và phát triển một công viên theo chủ đề để mở rộng thị trường du lịch.

Sử dụng *compound noun*, các cụm từ có tính hàn lâm dùng trong du lịch.

Nghe được những thông tin quan trọng từ các bài nói

Thống kê các số liệu khảo sát đơn giản.

2. Nội dung bài:

2.1. Vocabulary *Theme parks*

2.2. Listening

2.3. Extending skills

Review

Thời gian: 1 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học lí thuyết

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu hoặc TV, bảng, phấn, loa

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Hans Mol (2009). *English for Tourism and Hospitality*, West Berkshire: Garnet Publishing Ltd.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Từ vựng và thuật ngữ ngành trong du lịch; các loại hình du lịch và chiến lược tiếp thị; phiếu khảo sát du lịch.

- Kỹ năng:

Viết báo cáo sau nghiên cứu khảo sát, luận văn; hoạch định chiến lược tiếp thị du lịch; quảng bá và phát triển du lịch bền vững.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học sinh tự giác và chủ động tự học tập, ôn tập và làm bài tập ở nhà, kiểm tra trung thực.

2. Phương pháp:

Kiểm tra theo hình thức tiểu luận và thực hành đóng vai.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Dành cho học sinh ngành Tiếng Anh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị môn học cần phải nghiên cứu kỹ nội dung chương trình môn học để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp. Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho học sinh trước ít nhất một tuần để học sinh chuẩn bị trước khi lên lớp. Tổ chức cho học sinh các buổi seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp và hướng dẫn học sinh thực hành giảng dạy.

- Đối với người học:

Tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn môn học cho phù hợp với tiến độ. Nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng. Đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên. Tự giác trong khâu tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi seminar. Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu. Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Viết báo cáo khảo sát nghiên cứu thị trường và hoạch định tài chính cho du lịch, biết cách tận dụng nguồn tài liệu mở từ Internet.

4. Tài liệu tham khảo:

Miriam Jacob, & Peter Strutt (2007). *English for International Tourism*. London: Longman.

Norman Coe, *Basic Oxford Practice Grammar*, Oxford University Press, 2006;

Robin Walker, Keith Harding, *Tourism*, Oxford University Press, 2010.

Sylee Gore, *English for Marketing & Advertising*, Cambridge Press, 2008.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Anh kinh doanh

Mã môn học: KHCB442

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ; (Lý thuyết: 45 giờ; Thảo luận, bài tập: 43 giờ; Kiểm tra: 02 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Tiếng Anh Kinh doanh là một môn học trong chương trình giáo dục ngành Ngoại Ngữ bậc Trung cấp.

– Tính chất:

Chương trình Môn học Tiếng Anh Kinh doanh cung cấp kiến thức tiếng Anh trong cuộc sống và trong công việc đặc biệt là công việc kinh doanh, tạo điều kiện để học sinh có thể nghe, hiểu được các câu, đoạn hội thoại có liên quan đến đời sống. Đồng thời chương trình học cũng rèn luyện thói quen lập kế hoạch trong kinh doanh và trong công việc cho học sinh. Thông qua môn học, học sinh thực hành để xử lý được các tình huống giao tiếp trong nghề nghiệp có liên quan đến kinh doanh.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi hoàn thành môn học này học sinh có khả năng

Trình bày từ vựng, ngữ pháp căn bản liên quan đến các chủ đề trong cuộc sống và công việc kinh doanh.

Sử dụng nhuần nhuyễn từ vựng, ngữ pháp căn bản liên quan đến các chủ đề trong cuộc sống và công việc kinh doanh.

– Kỹ năng:

Nghe, hiểu được các câu, đoạn hội thoại có liên quan đến đời sống và công việc kinh doanh.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học sinh có thái độ tích cực trong quá trình học và làm việc; ứng dụng những kiến thức đã học vào những tình huống thực tế trong giao tiếp hằng ngày, thực hiện hiệu quả công việc kinh doanh cá nhân hoặc tùy theo vị trí việc làm trong doanh nghiệp.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập/ thảo luận	Kiểm Tra
1	Unit 1 The business environment	5	5		
2	Unit 2 The company	4	4		
3	Unit 3 Travel	4	4		
4	Unit 4 Sport	4	4		
5	Test 1	1			1
6	Unit 5 Sales	4	4		
7	Unit 6 Cultural awareness	4	4		
8	Unit 7 Trade fairs	4	4		
9	Unit 8 Advertising	4	4		
10	Test 2	1			1
11	Unit 9 Fashion and style	4	4		
12	Unit 10 Technology	4	4		
13	Review	2	2		
Tổng cộng		45	43	00	02

3. Nội dung chi tiết:

Unit 1 The business environment

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 1, học sinh có khả năng:

Giới thiệu bản thân và giới thiệu người khác.

Nói về nguyện vọng bản thân trong công việc.

2. Nội dung chương:

2.1. Start up *What's your style?*

2.2. Reading *Don't disturb me – I'm not working*

2.3. Listening

2.4. Speaking

Unit 2 The company

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 2, học sinh trình bày được thông tin về thương mại điện tử một cách cơ bản.

2. Nội dung chương:

2.1. Start up

2.2. Listening

2.3. Reading *E-commerce*

2.4. Call centre

2.5. Speaking

Unit 3 Travel

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 3, học sinh có khả năng nói về các tình huống xảy ra khi đi công tác hoặc nhận việc.

2. Nội dung chương:

2.1. Start up *Traveller's tales*

2.2. Listening

2.3. Speaking

2.4. Reading *bmi*

Unit 4 Sport

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 4, học sinh có khả năng nói về kinh doanh có liên quan đến thể thao.

2. Nội dung chương:

2.1. Start up

2.2. Listening

2.3. Reading *Sport – It's big business*

2.4. Speaking

2.5. Writing

Test 1

Thời gian: 1 giờ

Unit 5 Sales

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 5, học sinh có khả năng vận dụng kỹ năng bán hàng một cách cơ bản.

1. Nội dung chương:

2.1. Start up

2.2. Reading *Sales techniques*

2.3. Listening

2.4. Pronunciation *going to*

2.5. Speaking

Unit 6 Cultural awareness

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 6, học sinh trình bày được kiến thức về văn hóa áp dụng trong kinh doanh.

2. Nội dung chương:

2.1. Start up *How CROSS-CUTURAL are you?*

2.2. Listening

2.3. Reading *America*

2.4. Call centre

2.5. Reading *Glocalization thinking globally, acting locally*

2.6. Writing

Unit 7 Trade fairs

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 7, học sinh trình bày được kiến thức về tổ chức hoặc tham gia hội chợ triển lãm thương mại.

2. Nội dung chương:

2.1. Start up

2.2. Listening

2.3. Reading *Trade fairs and exhibitions*

2.4. Speaking

2.5. Reading *Yo!*

2.6. Writing

Unit 8 Advertising

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 8, học sinh có khả năng

Trình bày kiến thức về quảng cáo: một số hình thức quảng cáo căn bản.

Vận dụng mức độ quan trọng của quảng cáo trong kinh doanh.

2. Nội dung chương:

2.1. Start up *Advertising space*

2.2. Reading *The Persuaders*

2.3. Call centre

2.4. Listening

2.5. Speaking

2.6. Writing

Test 2

Thời gian: 1 giờ

Unit 9 Fashion and style

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 9, học sinh có kiến thức về thời trang và công nghiệp thời trang

2. Nội dung chương:

2.1. Start up

2.2. Listening *Are you a fashion victim?*

2.3. Reading *Graffiti not glitz A way of thinking. A way of walking*

2.4. Listening *Voices from the fashion industry*

2.5. Speaking

2.6. Writing

Unit 10 Technology

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 10, học sinh có khả năng:

Trình bày kiến thức về công nghệ.

Áp dụng công nghệ trong kinh doanh.

2. Nội dung chương:

2.1. Start up

2.2. Reading *Do you think you know about the Internet!*

2.3. Listening

2.4. Reading *Let down by technology*

Review

Thời gian: 2 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học lí thuyết có sức chứa phù hợp với lượng học sinh.

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu hoặc TV, loa, micro, máy cassette

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

Martyn Hobbs, & Julia Starr Keddle (2011). *Commerce 1* Oxford: Oxford University Press.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

– Kiến thức:

Từ vựng, ngữ pháp căn bản liên quan đến các chủ đề trong cuộc sống và công việc kinh doanh

– Kỹ năng:

Nghe, hiểu được các câu, đoạn hội thoại có liên quan đến đời sống và công việc kinh doanh

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Hoàn thành phần bài tập học, tích cực tham gia xây dựng bài và làm việc nhóm.

2. Phương pháp:

Hình thức kiểm tra và kết thúc môn theo quy định.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Các lớp thuộc bậc đào tạo Trung cấp ngành Tiếng Anh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

– Đối với giảng viên, giảng viên:

Sử dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy để đạt hiệu quả giảng dạy tối ưu nhất. Giảng dạy từ vựng và ngữ pháp cần thiết cho học sinh; đồng thời lồng ghép việc rèn luyện các kỹ năng nghe, nói tiếng Anh với tình huống giao tiếp trong kinh doanh. Điều chỉnh thời gian và phương pháp giảng dạy cho phù hợp với trình độ học sinh của từng lớp. Hướng dẫn cho học sinh kỹ năng làm việc nhóm và tự học.

– Đối với người học:

Tự giác, chủ động chuẩn bị bài trước khi đến lớp, ôn tập các bài đã học, và trau dồi thêm các kỹ năng trong thời gian tự học ở nhà. Tích cực tham gia xây dựng bài và rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh. Liên hệ kiến thức được học với những môn học ngành khác và thực tiễn ngành nghề. Phát huy tinh thần làm việc nhóm và tinh thần tự học, tự nghiên cứu.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong làm việc nhóm, lập kế hoạch công tác.

4. Tài liệu tham khảo:

Gareth Knight, & Mark O’Neil (2004). *Business Explorer 1* Cambridge: Cambridge University Press.

Lin Loughed (1993). *Business Communication*. Boston: Addison-Wesley Publishing Company, Inc.

Norman Coe (2006). *Basic Oxford Practice Grammar*. Oxford :Oxford University Press.

Robin Walker, &Keith Harding (2010). *Tourism*, Oxford: Oxford University Press.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2019

TRƯỜNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Anh Chăm sóc khách hàng

Mã môn học: KHCB445

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 00 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Tiếng Anh Chăm sóc khách hàng là môn học Chuyên môn ngành trong chương trình đào tạo bậc Trung cấp ngành Tiếng Anh.

– Tính chất:

Môn học Tiếng Anh Chăm sóc khách hàng là môn học thuộc khoa học xã hội mang tính chất lý thuyết và thực hành cung cấp kiến thức cơ bản và vốn từ vựng, rèn kỹ năng làm việc giải quyết tình huống trong lĩnh vực quản lý, phục vụ, đáp ứng nhu cầu chính đáng của khách hàng. Rèn luyện cho học sinh kỹ năng đàm phán nhiều vấn đề của công việc về vấn đề chăm sóc khách hàng. Đồng thời, cung cấp kỹ năng phân tích và thực hành các tình huống xử lý trong quá trình thực hiện công việc như một nhân viên văn phòng hoặc bộ phận Chăm sóc khách hàng của các công ty và doanh nghiệp.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi hoàn tất môn học học sinh có khả năng:

Biết các thuật ngữ ngành, các văn bản thường sử dụng trong công việc quản lý và chăm sóc khách hàng.

Hiểu và vận dụng được mẫu câu giao tiếp trong đời sống và trong công việc đặc biệt là vấn đề chăm sóc khách hàng, điều hành việc giải quyết các thắc mắc và khiếu nại của khách hàng, tuyển dụng nhân viên cho bộ phận Chăm sóc khách hàng;

– Kỹ năng:

Nói các câu giao tiếp trong đời sống và trong quản lý điều phối các công việc có liên quan đến vấn đề khách hàng.

Nghe được các câu nói, các đoạn hội thoại có liên quan đến đời sống, kinh doanh, thương mại; nghe và trả lời điện thoại về các công việc có liên quan đến khách hàng;

Đáp ứng sẵn sàng cho các cuộc đối thoại trực tiếp với khách hàng tại ngân hàng hoặc khách sạn.

Xử lý được các tình huống giao tiếp trong nghề nghiệp có liên quan đến khách hàng.

Thực hiện được các nội dung đàm phán với khách hàng đặc biệt là trong bộ phận bán hàng và hậu mãi.

Thực hiện hiệu quả các kỹ thuật giao tiếp với khách hàng.

Đọc hiểu các văn bản có liên quan đến khách hàng.

Lập kế hoạch, thiết kế nội dung các cuộc họp với khách hàng, hội nghị cổ đông và hội nghị khách hàng.

Lập được các văn bản có liên quan đến khách hàng.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học sinh tự giác và chủ động làm việc theo nhóm, làm việc cá nhân, có trách nhiệm cao trong việc đáp ứng các nhu cầu chính đáng của khách hàng và các vấn đề có liên quan đến khách hàng trong công việc kinh doanh.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành / thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
1	Unit 1 Introduction to customer care	7	7		
2	Unit 2 Face to face with customers	7	7		
3	Test 1	1			1
4	Unit 3 Dealing with customers on the phone	7	7		
5	Unit 4 Call centre success	7	7		
6	Test 2	1			1
Tổng cộng		30	28		02

2. Nội dung chi tiết:

Unit 1 Introduction to customer care

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài 1, học sinh biết các khái niệm cơ bản về về kỹ năng và phẩm chất của một nhân viên trong bộ phận Chăm sóc khách hàng của công ty; Học sinh hiểu các vấn đề có liên quan đến công việc chăm sóc khách hàng; có kỹ năng đưa ra các đề xuất liên quan đến đáp ứng nhu cầu chính đáng của khách hàng.

2. Nội dung bài:

2.1. Starter - Reading

2.2. “People” skills

2.3. Customer service questionnaires

2.4. Speaking

2.5. Reading *Surprising Facts about Customer Care*

Unit 2 Face to face with customers

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài 2, học sinh có khả năng sử dụng ngôn ngữ giao tiếp trong cuộc gặp trực tiếp với khách hàng tại doanh nghiệp, tại Hội chợ thương mại, tại cửa hàng.

2. Nội dung bài:

2.1. Starter - Reading

2.2. Listening

2.3. Writing

2.4. Speaking

2.5. Listening

2.6. Giving an effective presentation

2.7. Reading *When the customer feels “invisible” ...*

Unit 3 Dealing with customers on the phone

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài 3, học sinh có khả năng thực hiện các trao đổi thông tin, các nội dung đàm phán, các cuộc hẹn với khách hàng qua điện thoại.

2. Nội dung bài:

2.1. Listening

2.2. Reading *What the customers really hear...*

Unit 4 Call centre success

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài 4, học sinh có khả năng nghe, nói và thực hiện các cuộc gọi thành công như một nhân viên của Tổng đài điện thoại của công ty, doanh nghiệp. Có khả năng làm hài lòng khách hàng bằng cách giải quyết các vấn đề của khách hàng từ Tổng đài điện thoại thông qua các cuộc gọi, tư vấn cho khách hàng để giữ mối liên hệ gắn bó lâu dài của khách hàng với công ty, doanh nghiệp.

2. Nội dung bài:

2.1. Starter

2.2. Listening

2.3. Reading *The Call Centre Consultancy*

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học lí thuyết

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu hoặc TV, bảng, phấn, loa, micro.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Rosemary Richey (2008). *English for Customer Care*. Oxford: Oxford University Press.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Từ vựng và thuật ngữ ngành trong quản lí, quản lí và điều hành công việc Chăm sóc khách hàng.

- Kỹ năng:

Lập kế hoạch bán hàng, đàm phán thành công với khách hàng, giải quyết hiệu quả các vấn đề khách hàng phàn nàn, thực hiện tốt chính sách khách hàng và chế độ hậu mãi.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học sinh tự giác và chủ động tự học tập và làm bài tập ở nhà, kiểm tra trung thực.

2. Phương pháp:

Kiểm tra theo hình thức trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học Tiếng Anh Chăm sóc khách hàng được áp dụng cho học sinh bậc đào tạo Trung cấp ngành Tiếng Anh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị môn học cần phải nghiên cứu kĩ nội dung chương trình môn học để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp. Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho học sinh trước ít nhất một tuần để học sinh chuẩn bị trước khi lên lớp. Tổ chức cho học sinh các buổi seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp và hướng dẫn học sinh thực hành giảng dạy.

- Đối với người học:

Tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn môn học cho phù hợp với tiến độ. Nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng. Đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên. Tự giác trong khâu tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi seminar. Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu. Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Viết báo cáo khảo sát nghiên cứu thị trường và hoàn thành được các mẫu báo cáo sau khi giải quyết các phê bình và phản nản của khách hàng, biết cách tận dụng nguồn tài liệu mở từ Internet.

4. Tài liệu tham khảo:

Jeremy Comfort (2007). *Effective Presentation*. Oxford: Oxford University Press.

Norman Coe (2006). *Basic Oxford Practice Grammar*. Oxford: Oxford University Press.

Sylee Gore (2008). *English for Marketing & Advertising*, Cambridge: Cambridge University Press.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Đồ án môn học Hành chính – Nhân sự

Mã môn học: KHCB438

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ; (Lý thuyết: 00 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 45 giờ; Kiểm tra: 00 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Đồ án môn học Hành chính – Nhân sự là môn học Chuyên môn ngành trong chương trình đào tạo bậc Trung cấp ngành Tiếng Anh.

– Tính chất:

Đồ án môn học Hành chính – Nhân sự là môn học thuộc khoa học xã hội mang tính chất thực hành cung cấp kiến thức cơ bản và rèn luyện kỹ năng áp dụng kiến thức. Học sinh sau khi học xong môn học sẽ xử lý được các kỹ năng phân tích và thực hành trong quá trình thực hiện công việc như một nhân viên văn phòng.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi hoàn tất môn học học sinh có khả năng:

Biết các thuật ngữ ngành, các văn bản và kí hiệu thường sử dụng trong lĩnh vực quản lý nhân sự nói riêng và công việc văn phòng nói chung;

Hoàn thành công tác văn thư bằng tiếng Anh văn phòng;

Vận dụng được các tình huống xử lý công việc văn thư, giao tiếp.

– Kỹ năng:

Sau khi hoàn tất môn học học sinh có khả năng:

Giao tiếp công việc văn phòng, quản lý nhân sự;

Xử lý thông tin có công việc văn phòng, văn thư;

Trình bày thông tin lưu loạt với cấp trên và với cộng sự trong nhóm.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học sinh tự giác và chủ động tự hoàn thành đồ án theo hướng dẫn của giảng viên;

Có tác phong công nghiệp, năng động, sáng tạo và có tính tự lập cao, có ý thức tổ chức kỉ luật khi thực hiện đồ án môn học.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành / thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm Tra
1	Part 1 Socializing	7		7	
2	Part 2 Telephone	8		8	
3	Part 3 Human resources	15		15	
4	Part 4 Email and report	15		15	
Tổng cộng		45		45	

2. Nội dung chi tiết:

Part 1 Socializing

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 1, học sinh có khả năng:

Giao tiếp hiệu quả với đồng nghiệp và khách hàng.

2. Nội dung chương:

2.1. Viết đề cương về kế hoạch đón tiếp khách hàng

2.2. Báo cáo đề cương

Part 2 Telephone

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 2, học sinh có khả năng:

Sử dụng điện thoại hiệu quả để giải quyết công việc.

2. Nội dung chương:

2.1. Thực hiện lịch làm việc và trao đổi thông tin qua điện thoại

2.2. Đàm phán qua điện thoại

2.3. Kiểm tra vấn đáp

Part 3 Human resources

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 3, học sinh có khả năng:

Lập kế hoạch nhân sự, giải quyết được mối quan hệ với người lao động về các vấn đề như: ngày công, tiền lương, tiền thưởng, cơ hội thăng tiến.

Lập kế hoạch nội dung bồi dưỡng chuyên môn.

Lập được văn bản liên quan đến vấn đề nhân sự.

2. Nội dung chương:

2.1. Lập kế hoạch nhân sự

2.2. Báo cáo kế hoạch

Part 4 Email and report

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 4, học sinh có khả năng:

Triển khai công tác văn thư qua hệ thống Internet.

2. Nội dung chương:

2.1. Viết đề cương đồ án môn học về một trong số các phần trên.

2.2. Trình bày đề cương

2.3. Nộp đồ án môn học

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học lí thuyết

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu, bảng, phấn, loa

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Sylee Gore David Gordon Smith (2016). *English for Socializing*, West Berkshire: Garnet Publishing Ltd.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Từ vựng và thuật ngữ chuyên dùng trong văn phòng, quản lí nhân sự.

- Kỹ năng:

Giao tiếp lưu loát đạt hiệu quả với đồng nghiệp và khách hàng.

Viết báo cáo và trả lời thư điện tử.

Lập kế hoạch nhân sự và chiến lược quảng bá hình ảnh cơ quan.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học sinh tự giác hoàn thành đồ án theo đúng kế hoạch đã định với chất lượng cao, hiệu quả áp dụng thực tế khả thi.

2. Phương pháp:

Học sinh nộp 02 bản kế hoạch và 01 đồ án môn học Hành chính – Nhân sự.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Dành cho học sinh ngành Tiếng Anh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

Giảng viên được phân công hướng dẫn đồ án môn học phải nghiên cứu kỹ nội dung, tài liệu học tập cung cấp cho học sinh. Tổ chức cho học sinh các buổi báo cáo đề cương, chú trọng đến việc tổ chức làm việc nhóm. Tổ chức buổi báo cáo đồ án môn học.

- Đối với người học:

Nghiên cứu chương trình học tập để chọn đề tài phù hợp, tự giác nghiên cứu, tích cực làm việc nhóm, tham dự đầy đủ các buổi báo cáo đề cương. Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc hoàn tất đồ án.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Viết báo cáo hành chính, thực hiện được một số kỹ năng trong soạn thảo văn bản, chuẩn bị cuộc họp, biết cách tận dụng nguồn tài liệu mở từ Internet.

4. Tài liệu tham khảo:

Norman Coe, *Basic Oxford Practice Grammar*, Oxford University Press, 2006;

Rebecca Chapman (2013). *English for Emails*. Oxford: Oxford University Press

Pat Pledger (2008). *English for Resources*. Oxford: Oxford University Press.

David Gordon Smith (2008). *English for Telephoning*. Oxford: Oxford University Press.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Thực tập Tốt nghiệp

Mã môn học: KHCB440

Thời gian thực hiện môn học: 270 giờ; (Lý thuyết: 00 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 270 giờ; Kiểm tra: 00 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Thực tập Tốt nghiệp là môn học Chuyên môn ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Bậc Trung cấp ngành Tiếng Anh.

– Tính chất:

Thực tập Tốt nghiệp là môn học mang tính chất thực hành nhằm củng cố, làm giàu thêm kiến thức cơ bản và rèn luyện kỹ năng áp dụng kiến thức, tiếp cận thực tế, thực hành thành thạo kỹ năng thực hành công việc để có tay nghề vững vàng, củng cố lòng yêu nghề và gắn bó với chuyên môn được đào tạo.

Thực tập Tốt nghiệp là cơ sở để xét tốt nghiệp cho học sinh.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi hoàn tất môn học học sinh có khả năng:

Trình bày kiến thức tổng quát công việc thực tế, rèn kỹ luật làm việc, kiến thức nền tảng về một công việc cụ thể.

Nhận biết được tình hình cơ bản.

Vận dụng được các kiến thức của đơn vị nơi đến thực tập.

Đề ra các phương án giải quyết công việc.

Vận dụng kiến thức đã học vào công việc.

Lựa chọn các phương án giải quyết công việc

Viết được báo cáo khoa học.

– Kỹ năng:

Sau khi hoàn tất Thực tập Tốt nghiệp, học sinh có khả năng:

Giao tiếp trong công việc có sử dụng tiếng Anh.

Xử lý được thông tin công việc bằng tiếng Anh.

Giải quyết vấn đề chuyên môn nghiệp vụ.

Giải quyết công việc luyện tay nghề vững vàng trong công việc tương lai.

Mở rộng mối liên hệ với các công việc có liên quan, thích ứng với thay đổi.

Lập được các báo cáo thực tập theo quy định.

Thực hiện thành tạo các kĩ năng nghiệp vụ do đơn vị thực tập giao phó.

Tự kiểm tra đánh giá được công tác tại đơn vị thực tập.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học sinh tự giác và chủ động tự hoàn thành quá trình thực hành theo hướng dẫn của đơn vị thực tập và sự kiểm soát của giảng viên;

Có ý thức chấp hành pháp luật Nhà nước và nội quy tại cơ quan công tác, có tác phong công nghiệp, năng động, sáng tạo và có tính tự lập cao, có ý thức tổ chức kỉ luật, có sức khỏe và trách nhiệm, có lương tâm nghề nghiệp có khả năng làm việc nhóm khi thực tập tại đơn vị.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành / thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm Tra
1	Phần 1 Phổ biến quy định của nhà trường và nội quy đơn vị thực tập	5		5	
2	Phần 2 Thực hành công việc tổng quát	125		125	
3	Phần 3 Thực hành công việc chuyên ngành	125		125	
4	Phần 4 Báo cáo kết quả Thực tập Tốt nghiệp	15		15	
Tổng cộng		270		270	

2. Nội dung chi tiết:

Phần 1 Phổ biến quy định của nhà trường và nội quy đơn vị thực tập

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi hoàn tất phần 1, học sinh có khả năng:

Nhận biết nguyên tắc làm việc.

Thực hiện đúng quy định về chế độ làm việc có ý thức chấp hành kỉ luật lao động và các quy định tại đơn vị thực tập.

Chủ động, sáng tạo trong quá trình thực hiện thực tập Tốt nghiệp

2. Nội dung chương:

2.1. Nội quy thực hành của nhà trường đối với học sinh đi thực tập

2.2. Nội quy cơ quan thực tập.

2.3. Điều kiện cần thiết cho thực tập tại đơn vị.

Phần 2 Thực hành công việc tổng quát

Thời gian: 125 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi hoàn tất phần 2, học sinh có khả năng

Tìm hiểu được công nghệ, đối tượng các công đoạn của quá trình làm việc của đơn vị nơi đến thực hành.

Xác định được nhiệm vụ thực hành, rèn luyện, nâng cao được tay nghề, đảm bảo tác phong làm việc.

2. Nội dung chương:

2.1. Tổ chức làm việc của đơn vị thực tập

2.2. Quy trình thực hiện công việc

2.3. Tính hợp tác trong thực hiện quy trình công việc

2.4. Viết báo cáo tuần

Phần 3 Thực tập công việc ngành

Thời gian: 125 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi hoàn tất phần 3, học sinh có khả năng:

Tìm hiểu được về công việc cụ thể của ngành thực tập, các công đoạn của quy trình làm việc tại đơn vị thực tập.

Sử dụng nhuần nhuyễn thiết bị phục vụ quá trình thực tập,

Trình bày được rõ cấu trúc, nguyên tắc hoạt động của quy trình thực tập ngành.

Khắc phục được các lỗi trong quá trình thực tập ngành.

2. Nội dung chương:

2.1. Công việc hàng ngày của đơn vị thực tập ngành.

2.2. Tổ chức sắp xếp nơi làm việc tại đơn vị thực tập ngành.

2.3. Quy trình làm việc tại đơn vị thực tập ngành

2.4. Công việc hàng ngày, hàng tuần của thực tập sinh

2.5. Giải quyết các vấn đề chuyên môn tại đơn vị thực tập ngành.

2.6. Báo cáo hàng tuần

Phần 4 Báo cáo kết quả Thực tập Tốt nghiệp

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi hoàn tất phần 4, học sinh có khả năng:

Viết báo cáo đầy đủ nội dung thực tập và thuyết trình kết quả thực tập Tốt nghiệp.

Có tính trung thực, chính xác, tác phong công nghiệp, ý thức chấp hành nội quy kỉ luật của cơ quan đơn vị thực tập.

2. Nội dung chương:

2.1. Báo cáo thực hành hàng tuần có nhận xét của đơn vị thực tập hoặc của người hướng dẫn thực tập tại đơn vị.

2.2. Báo cáo kết quả Thực tập Tốt nghiệp có xác nhận của đơn vị thực tập hoặc của người hướng dẫn thực tập tại đơn vị.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Theo điều kiện của đơn vị thực tập.

2. Trang thiết bị máy móc:

Theo điều kiện của đơn vị thực tập.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Rebecca Chapman (2013). *English for Emails*. Oxford: Oxford University Press

Sylee Gore David Gordon Smith (2016). *English for Socializing*, West Berkshire: Garnet Publishing Ltd.

4. Các điều kiện khác:

Quyết định thực hành của Hiệu trưởng;

Nội dung thực tập.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Kiến thức chuyên môn ngành tương ứng với loại hình công việc tại nơi đến thực tập.

- Kỹ năng:

Kỹ năng xử lí công việc và sáng tạo trong quá trình thực tập.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học sinh tự giác hoàn thành quá trình thực tập theo đúng kế hoạch đã định với tinh thần trách nhiệm.

2. Phương pháp:

Đánh giá qua báo cáo Thực tập Tốt nghiệp.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Dành cho học sinh ngành Tiếng Anh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

Giảng viên được phân công hướng dẫn thực tập phải nghiên cứu kỹ nội dung, tài liệu học tập cung cấp cho học sinh. Trước khi cho học sinh đi thực tập, giảng viên cần căn cứ vào kết quả học tập của từng học sinh để phân nhóm học sinh đến các đơn vị thực tập phù hợp với trình độ và nguyện vọng của học sinh. Hàng tuần giảng viên liên hệ với đơn vị thực tập để giám sát tình hình thực tập của học sinh, có biện pháp hỗ trợ và chấn chỉnh cần thiết để học sinh hoàn tất tốt quá trình thực tập.

Nội dung và thứ tự thực hiện nội dung thực tập có thể thay đổi tùy theo yêu cầu của đơn vị thực tập.

- Đối với người học:

Nghiên cứu chương trình học tập để chọn đơn vị thực tập phù hợp, tự giác nghiên cứu, tích cực làm việc nhóm, tham dự đầy đủ các buổi thực tập. Tích cực khai thác các tài nguyên từ Internet và trong thư viện để phục vụ cho việc hoàn tất quá trình thực tập.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Công việc và quy trình làm việc tại đơn vị.

Viết báo cáo Thực tập Tốt nghiệp, biết cách tận dụng nguồn tài liệu mở từ Internet.

4. Tài liệu tham khảo:

David Gordon Smith (2008). *English for Telephoning*. Oxford: Oxford University Press.

Kenneth Thomson (2015). *English for Meetings*. Oxford: Oxford University Press.

Norman Coe, *Basic Oxford Practice Grammar*, Oxford University Press, 2006;

Pat Pledger (2008). *English for Resources*. Oxford: Oxford University Press.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Anh Thư điện tử

Mã môn học: KHCB450

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 00 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Tiếng Anh Thư điện tử là môn học tự chọn trong chương trình giáo dục Tiếng Anh bậc Trung cấp ngành Tiếng Anh.

– Tính chất:

Môn học Tiếng Anh Thư điện tử là môn học thuộc khoa học xã hội, mang tính thực hành gắn liền với việc hình thành kỹ năng viết và trả lời thư điện tử bằng tiếng Anh.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi học xong môn học Tiếng Anh Thư điện tử học sinh có khả năng

Chọn lọc đúng các cấu trúc, mẫu câu khi viết các dạng thư điện tử trang trọng hay thân mật.

Sử dụng thành thạo các cấu trúc, mẫu câu khi viết các dạng thư điện tử trang trọng hay thân mật.

– Kỹ năng:

Sau khi hoàn tất môn học Tiếng Anh Thư điện tử, học sinh có khả năng:

Đọc hiểu và trả lời thư điện tử nhanh chóng, chính xác và hiệu quả.

Phân biệt và sử dụng ngôn ngữ, cấu trúc thư điện tử chính xác tùy thuộc vào ngữ cảnh và người nhận thư.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động học tập và làm việc, có ý thức tự học, tự nghiên cứu để hoàn thành công việc có liên quan đến thư tín từ Internet hiệu quả dẫn đến cơ hội thành công và thăng tiến.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành / thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
1	Unit 1 An introduction to emails	5	5		
2	Unit 2 Formal and informal emails	5	5		
3	Test 1	1			1
4	Unit 3 Enquiries	4	4		
5	Unit 4 Requesting action	4	4		
6	Test 2	1			1
7	Unit 5 Exchanging information	4	4		
8	Unit 6 Making and confirming	4	4		
9	Review	2	2		
Tổng cộng		30	28		02

2. Nội dung chi tiết:

Unit 1 An introduction to emails

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 1, học sinh có khả năng:

Trình bày đúng các chức năng của các kí hiệu trong hộp thư điện tử và cấu trúc viết thư điện tử.

Sử dụng chức năng của các kí hiệu trong hộp thư điện tử và cấu trúc viết thư điện tử.

2. Nội dung chương:

2.1. The email screen.

2.2. Email structure.

2.3. Subject lines.

Unit 2 Formal and Informal emails

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 2, học sinh có khả năng:

Phân biệt thư điện tử mang tính chất trang trọng hay thân mật.

Soạn thảo được thư điện tử mang tính chất trang trọng hay thân mật.

2. Nội dung chương:

2.1. Register

2.2. Formal/ Informal phrases

2.3. Abbreviations

2.4. Correct spelling.

Test 1

Thời gian: 1 giờ

Unit 3 Enquiries

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 3, học sinh có khả năng:

Đặt câu hỏi và trả lời thắc mắc cho các đối tác.

2. Nội dung chương:

2.1. Writing and replying to enquiries

2.2. The advantages and disadvantages of email

2.3. Polite language

Unit 4 Requesting action

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 4, học sinh có khả năng:

Viết thư cho đồng nghiệp phù hợp với vị trí trong công ty.

Bàn bạc về thời hạn và tiến trình thực hiện công việc.

2. Nội dung chương:

2.1. Writing to colleagues

2.2. Talking about deadlines and taking action

2.3. Common verb-noun phrases

Test 2

Thời gian: 1 giờ

Unit 5 Exchanging information

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 5, học sinh có khả năng:

Trao đổi và trả lời thông tin với các đối tác trong công việc qua thư điện tử.

2. Nội dung chương:

2.1. Informing and replying

2.2. Colloquial phrases and contractions

2.3. Quoting from previous emails

2.4. Being diplomatic

Unit 6: Making and confirming arrangements Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 6, học sinh có khả năng:

Sử dụng các cụm từ thông dụng khi sắp xếp cuộc hẹn qua thư điện tử, các giới từ thời gian

Viết được thư xin lỗi đúng cách.

2. Nội dung chương:

2.1. Typical phrases for making arrangements

2.2. Prepositions of time

2.3. Saying you're sorry

Review

Thời gian: 2 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học có hệ thống loa, âm thanh, sức chứa phù hợp với lượng học sinh.

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu hoặc TV, bảng, phấn, loa, tai nghe, micro.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Rebecca Chapman (2013). *English for Emails*. Oxford: Oxford University Press.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Các mẫu câu, cấu trúc ngữ pháp và từ vựng thông dụng khi viết thư điện tử.

- Kỹ năng:

Viết được mẫu thư điện tử phù hợp với người nhận, và nội dung chính xác.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Phát triển các kỹ năng làm việc nhóm, tinh thần tự học, tự nghiên cứu để phục vụ tốt các công việc trong tương lai.

2. Phương pháp:

Kiểm tra thường xuyên và cuối kì theo hình thức thực hành viết thư điện tử.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học Tiếng Anh Thư điện tử nằm trong phần học tự chọn cho học sinh có đủ kỹ năng phục vụ công việc tương lai.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Dạy theo phương pháp lấy người học làm trọng tâm, cho người học thực hành viết thư điện tử thuần thục và chính xác.

- Đối với người học:

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Quy định đào tạo Trung cấp hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM, chấp hành quy chế hiện hành của nhà trường.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Cách thực hiện viết và trả lời thư điện tử phù hợp với đối tượng nhận thư, vị trí công tác.

4. Tài liệu tham khảo:

Jeremy Comfort (2007). *Effective Presentation*, Oxford: Oxford University Press.

Gareth Knight, & Mark O'Neil (2004). *Business Explorer 1*, Cambridge: Cambridge University Press.

Norman Coe (2006). *Basic Oxford Practice Grammar*. Oxford: Oxford University Press.

Robin Walker, & Keith Harding (2010). *Tourism*, Oxford: Oxford University Press.

Sylee Gore (2008). *English for Marketing & Advertising*. Cambridge: Cambridge University Press.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Anh Điện thoại

Mã môn học: KHCB451

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 00 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Tiếng Anh Điện thoại là môn học tự chọn trong chương trình giáo dục ngành Tiếng Anh bậc đào tạo Trung cấp.

– Tính chất:

Môn học Tiếng Anh Điện thoại là môn học thuộc khoa học xã hội, mang tính thực hành gắn liền với việc hình thành kỹ năng trao đổi thông tin qua điện thoại bằng tiếng Anh.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi học xong Môn học Tiếng Anh Điện thoại học sinh có khả năng:

Phát triển vốn từ vựng, cấu trúc ngữ pháp khi giao tiếp qua điện thoại.

Phân biệt ngữ điệu khi giao tiếp qua điện thoại.

Vận dụng được kiến thức quan trọng và quy tắc ứng xử giao tiếp qua điện thoại.

– Kỹ năng:

Sau khi hoàn tất môn học này, học sinh có khả năng:

Tiến hành cuộc hội thoại qua điện thoại.

Truyền đạt được đầy đủ thông tin thành công và tự tin.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học sinh có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động liên quan đến công việc,

Chủ động, sáng tạo, thích ứng với công việc

Có ý thức tự học, tự nghiên cứu làm chủ công việc.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành / thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
1	Unit 1 Shall I put you through?	4	4		
2	Unit 2 Could you spell that for me?	4	4		
3	Test 1	1			1
4	Unit 3 Let me get back to you on that	4	4		
5	Unit 4 When would suit you?	4	4		
6	Test 2	1			1
7	Unit 5 I'm very sorry about that	5	5		
8	Unit 6 How does that sound?	5	5		
9	Review	2	2		
Tổng cộng		30	28	00	02

2. Nội dung chi tiết:

Unit 1: Shall I put you through?

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài 1, học sinh có khả năng:

Trình bày được các yếu tố cơ bản khi giao tiếp qua điện thoại.

Vận dụng các yếu tố cơ bản khi giao tiếp qua điện thoại

Giải quyết được các vấn đề xảy ra khi gọi điện thoại.

2. Nội dung chương:

2.1. Telephoning basics

2.2. Making excuses

2.3. Dealing with communication problems

2.4. Reading *Successful telephoning*

Unit 2: Could you spell that for me?

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài 2, học sinh có khả năng:

Trao đổi và kiểm tra thông tin qua điện thoại.

Đánh vần từ qua điện thoại, đọc địa chỉ thư điện tử chính xác.

2. Nội dung chương:

2.1. Exchanging and checking information

2.2. Spelling over the phone

2.3. Saying email addresses

2.4. Reading *Get active with your listening*

Test 1

Thời gian: 1 giờ

Unit 3: Let me get back to you on that

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài 3, học sinh có khả năng sử dụng hộp thư thoại, để lại thông tin và lấy thông tin.

2. Nội dung chương:

2.1. Voicemail greetings

2.2. Leaving and taking messages

2.3. Prepositions

Unit 4: When would suit you?

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài 4, học sinh có khả năng:

Sắp xếp và xác nhận lại cuộc hẹn.

Thông báo thời gian và ngày hẹn.

2. Nội dung chương:

2.1. Making and confirming arrangements

2.2. Saying times and dates

2.3. More prepositions

2.4. Mobile phone calls

Test 2

Thời gian: 1 giờ

Unit 5: I'm very sorry about that

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài 5, học sinh có khả năng:

Giải quyết khiếu nại, gọi qua đường dây nóng hỗ trợ kỹ thuật

Nói các lời khuyên hỗ trợ khách hàng qua điện thoại.

2. Nội dung chương:

2.1. Making and dealing with complaints

2.2. A technical support hotline

2.3. Tips for telephone customer care

2.4. Reading *Dealing with complaints*

Unit 6: How does that sound?

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài 6, học sinh có khả năng:

Thực hiện và phản ứng lại trước các đề xuất được trao đổi

Đàm phán các thỏa thuận qua điện thoại.

2. Nội dung chương:

2.1. Making and reacting to proposals

2.2. Reaching agreements

Review

Thời gian: 2 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học có hệ thống loa, âm thanh, sức chứa phù hợp với lượng học sinh.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu hoặc TV, bảng, phấn, loa, tai nghe, micro.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

David Gordon Smith (2011). *English for Telephoning*. Oxford: Oxford University Press.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Các mẫu câu, cấu trúc ngữ pháp và từ vựng thông dụng, biểu cảm khi giao tiếp qua điện thoại.

- Kỹ năng:

Giao tiếp, trao đổi thông tin, sắp xếp cuộc hẹn, trao đổi các thỏa thuận thành công qua điện thoại.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Phát triển các kỹ năng làm việc nhóm, tinh thần tự học, tự nghiên cứu để phục vụ tốt các công việc trong tương lai.

2. Phương pháp:

Kiểm tra thường xuyên và cuối kì theo hình thức thực hành.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học Tiếng Anh Điện thoại nằm trong phần học tự chọn cho học sinh có đủ kĩ năng phục vụ công việc tương lai.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Dạy theo phương pháp giao tiếp, lấy người học làm trọng tâm, cho người học thực hành kĩ năng nghe và nói khi giao tiếp qua điện thoại.

- Đối với người học:

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Quy định đào tạo Trung cấp hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM, chấp hành quy chế hiện hành của nhà trường.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Kĩ năng sử dụng điện thoại để giải quyết công việc.

4. Tài liệu tham khảo:

Norman Coe (2006). *Basic Oxford Practice Grammar*. Oxford: Oxford University Press.

Sylee Gore (2008). *English for Marketing & Advertising*. Cambridge: Cambridge University Press.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Anh Đàm phán

Mã môn học: KHCB452

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 00 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Tiếng Anh Đàm phán là môn học tự chọn thuộc nhóm Kiến thức ngành trong chương trình giáo dục ngành Tiếng Anh bậc đào tạo Trung cấp.

– Tính chất:

Môn học Tiếng Anh Đàm phán là môn học thuộc khoa học xã hội, mang tính thực hành gắn liền với việc huấn luyện kỹ năng đàm phán, là chìa khóa cho thành công tương lai trong nhiều ngành nghề khác nhau.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi học xong Môn học Tiếng Anh Đàm phán, học sinh có khả năng hình thành và phát triển vốn từ vựng, cấu trúc ngữ pháp về nhiều vấn đề đa dạng tạo cơ hội thực hiện đàm phán thành công trong nhiều lĩnh vực đặc biệt là lĩnh vực kinh doanh và quản lý.

Biết kiến thức quan trọng và quy tắc ứng xử giao tiếp trong hoạt động thuộc nhiều lĩnh vực.

– Kỹ năng:

Sau khi hoàn tất môn học Tiếng Anh Đàm phán, học sinh có khả năng:

Soạn thảo được các văn bản đề nghị, giải quyết thư khiếu nại của khách hàng;

Lập được kế hoạch và lịch làm việc với khách hàng, với đồng nghiệp và các đối tác kinh doanh;

Thực hiện thành công các kỹ năng đàm phán: Làm chủ được và giải quyết tốt các xung đột, xử lý được các tình huống khi đàm phán.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, có ý thức tự học, tự nghiên cứu phát triển năng lực để thực hiện được thành công các kỹ năng đàm phán mang lại kết quả tối ưu, tạo cơ hội thăng tiến và thành công.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành / thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
1	Unit 1 Preparation	3	3		
2	Unit 2 Setting objectives	4	4		
3	Test 1	1			1
4	Unit 3 The meeting	4	4		
5	Unit 4 Proposals	4	4		
6	Unit 5 A new offer	4	4		
7	Test 2	1			1
8	Unit 6 Dealing with deadlock	4	4		
9	Unit 7 Agreement	3	3		
10	Review	2	2		
Tổng cộng		30	28		02

2. Nội dung chi tiết:

Unit 1 Preparation

Thời gian : 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 1, học sinh có khả năng:

Trình bày và sử dụng được các cụm từ thông dụng để chuẩn bị cho quá trình đàm phán.

Sử dụng được các cụm từ thông dụng để chuẩn bị cho quá trình đàm phán.

2. Nội dung chương:

2.1. Setting objectives

2.2. The HIT table

2.3. Reading *The successful negotiator*

Unit 2 Setting objectives

Thời gian : 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 2, học sinh có khả năng:

Trình bày được các cụm từ thông dụng đặt mục tiêu để đàm phán thành công.

Sử dụng được các cụm từ thông dụng đặt mục tiêu để đàm phán thành công.

2. Nội dung chương:

2.1. Prioritizing objectives

2.2. Drawing up the agenda

2.3. Reading *Getting to know the other side*

Test 1

Thời gian : 1 giờ

Unit 3 The meeting

Thời gian : 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 3, học sinh có khả năng:

Trình bày được các cụm từ thông dụng để tiến hành cuộc gặp mặt chuẩn bị cho đàm phán.

Sử dụng được các cụm từ thông dụng để tiến hành cuộc gặp mặt chuẩn bị cho đàm phán.

2. Nội dung chương:

2.1. Invitation to a meeting

2.2. Last-minute changes to the agenda

2.3. The meeting's goals

2.4. The best approach

2.5. Reading *Leave money on the negotiating table!*

Unit 4 Proposals

Thời gian : 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 4, học sinh có khả năng:

Trình bày được các cụm từ thông dụng để đưa ra lời đề nghị.

Sử dụng được các cụm từ để đưa ra lời đề nghị.

2. Nội dung chương:

2.1. Making a proposal

2.2. Responding to a proposal

2.3. Offering a counterproposal

Unit 5 A new offer

Thời gian : 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 5, học sinh có khả năng:

Trình bày được các cụm từ thông dụng để đưa ra lời yêu cầu hoặc đề nghị.

Sử dụng được các cụm từ thông dụng để đưa ra đề nghị.

2. Nội dung chương:

2.1. Types of negotiation

2.2. Clarifying positions

2.3. Introducing new ideas

2.4. Resolving differences

2.5. Reading *Get behind a position to create a win-win scenario*

Test 2

Thời gian : 1 giờ

Unit 6 Dealing with deadlock

Thời gian : 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 6, học sinh có khả năng:

Trình bày được được các cụm từ thông dụng để xử lý tình huống tạo điều kiện đàm phán hiệu quả.

Sử dụng được các cụm từ thông dụng để xử lý tình huống.

2. Nội dung chương:

2.1. Handling conflict

2.2. Dealing with differences

2.3. Setting matters

Unit 7 Agreement

Thời gian : 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 7, học sinh có khả năng:

Chọn lọc được các cụm từ thông dụng để biểu lộ sự thỏa thuận.

Sử dụng được các cụm từ để biểu lộ sự thỏa thuận.

2. Nội dung chương:

2.1. Finalizing the agreement

2.2. Setting up an action plan

2.3. Closing

2.4. Reading *A negotiation is successful when...*

Review

Thời gian : 2 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học có hệ thống loa, âm thanh, sức chứa phù hợp với lượng học sinh.

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu hoặc TV, bảng, phấn, loa, tai nghe, micro.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Charles Lafond, Sheila Vine & Birgit Welch (2014). *English for Negotiating*. Oxford: Oxford University Press.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Các mẫu câu, cấu trúc ngữ pháp và từ vựng thông dụng sử dụng trong nhiều lĩnh vực.

- Kỹ năng:

Giao tiếp, trao đổi thông tin, sắp xếp cuộc hẹn, trao đổi các thỏa thuận, tạo kết quả thành công trong đàm phán

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Phát triển các kỹ năng làm việc nhóm, tinh thần tự học, tự nghiên cứu để phục vụ tốt các công việc trong tương lai.

2. Phương pháp:

Kiểm tra thường xuyên và cuối kì theo hình thức vấn đáp.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học Tiếng Anh Đàm phán thuộc nhóm phân học tự chọn khối kiến thức chuyên môn ngành giúp cho học sinh có đủ kỹ năng đàm phán để phục vụ hiệu quả công việc tương lai.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Dạy theo phương pháp giao tiếp, lấy người học làm trọng tâm.

- Đối với người học:

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Quy định đào tạo Trung cấp hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM, chấp hành quy chế hiện hành của nhà trường, trung thực trong kiểm tra.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Kỹ năng xử lý thông tin để đàm phán thành công.

4. Tài liệu tham khảo:

Gareth Knight, & Mark O'Neil (2004). *Business Explorer 1*, Cambridge : Cambridge University Press.

Sylee Gore (2008). *English for Marketing & Advertising* Cambridge: Cambridge University Press.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Anh Thuyết trình

Mã môn học: KHCB453

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 00 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Tiếng Anh Thuyết trình là môn học tự chọn thuộc khối Kiến thức ngành trong chương trình giáo dục ngành Tiếng Anh bậc đào tạo Trung cấp.

– Tính chất:

Môn học Tiếng Anh Thuyết trình là môn học thuộc khoa học xã hội, mang tính thực hành gắn liền với việc huấn luyện cách thuyết trình hiệu quả, có tính thuyết phục cao. Môn học có tính chất bổ trợ cho nhiều môn học khác.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi học xong Môn học Tiếng Anh Thuyết trình học sinh có khả năng:

Phát triển vốn từ vựng, cấu trúc ngữ pháp về khả năng thuyết trình.

Sử dụng vốn từ vựng, cấu trúc ngữ pháp về khả năng thuyết trình.

Trình bày được kiến thức chung về việc nói trước công chúng,

Vận dụng quy tắc ứng xử giao tiếp trong hoạt động.

– Kỹ năng:

Sau khi hoàn tất môn học này, học sinh có khả năng:

Viết được các bài báo cáo trong công việc, trong học tập.

Nói trước đám đông và trình bày số liệu.

Giải thích biểu bảng trong thuyết trình.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học sinh có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, có ý thức tự học, tự nghiên cứu phát triển năng lực để thực hiện được thành công các kỹ năng chuẩn bị và thuyết trình trong cuộc họp mang lại hiệu quả tốt nhất, tạo cơ hội thăng tiến.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành / thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
1	Unit 1 Let's get started	4	4		
2	Unit 2 Today's topic is...	4	4		
3	Unit 3 My next slide shows...	4	4		
4	Test 1	1			1
5	Unit 4 As you can see from this graph...	4	4		
6	Unit 5 To sum up...	4	4		
7	Test 2	1			1
8	Unit 6 Any questions?	4	4		
9	Review	4	4		
Tổng cộng		30	28	00	2

2. Nội dung chi tiết:

Unit 1 Let's get started

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong Unit 1, học sinh có khả năng:

Lập cấu trúc, mở đầu, lập ý tưởng cho một bài thuyết trình

Sử dụng kỹ năng thu hút sự chú ý của khán giả.

2. Nội dung chương:

2.1. Welcoming your audience

2.2. Introducing yourself and the topic

2.3. Reading *Dealing with nervousness*

Unit 2 Today's topic is...

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong Unit 2, học sinh có khả năng:

Sắp xếp ý tưởng của bài thuyết trình.

Nói về các vấn đề khó khăn, thuận lợi.

Đồng tình với các ý kiến cùng quan điểm và phản biện ý kiến trái quan điểm.

2. Nội dung chương:

2.1. Body language

2.2. Tips on presenting to an English-speaking audience

2.3. Reading *Aled's Presentation Tips*

Unit 3 My next slide shows...

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong Unit 3, học sinh có khả năng:

Giới thiệu các hình ảnh minh họa, công cụ trực quan.

Nói lưu loát các số liệu.

Sử dụng "*the rule of six*" trong thuyết trình.

Nhấn mạnh trọng tâm, ý chính, trình bày các điểm đối nghịch và nêu kết quả để nhấn mạnh hiệu quả thuyết trình.

2. Nội dung chương:

2.1. Presentation tools

2.2. Using approximate numbers

2.3. Creating effective visuals

2.4. Presenting visuals effectively

Test 1

Thời gian: 1 giờ

Unit 4 As you can see from this graph...

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong Unit 4, học sinh có khả năng:

Nói kết hợp với sử dụng hình ảnh minh họa.

Thuyết trình về các xuynh hướng trong tương lai.

2. Nội dung chương:

2.1. Types of visuals

2.2. Describing graphs and charts

2.3. Interpreting visuals

2.4. Tips for describing trends

Unit 5 To sum up...

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong Unit 5, học sinh có khả năng:

Tóm tắt các ý chính, đưa ra lời đề nghị, lời giới thiệu

Kết luận vấn đề hiệu quả.

Sử dụng âm lượng và thủ thuật nói phù hợp.

2. Nội dung chương:

2.1. Concluding a presentation

2.2. Strategies for a good conclusion

Test 2

Thời gian: 1 giờ

Unit 6 Any questions?

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong Unit 6, học sinh có khả năng:

Xử lý các câu hỏi hiệu quả

Hỏi và dự đoán câu hỏi, ứng xử với các vấn đề phản biện trong bài thuyết trình.

2. Nội dung chương:

2.1. Handling the question and answer session

2.2. Asking polite questions

2.3. Anticipating questions

2.4. Dealing with interruptions

2.5. Reforming questions

Review

Thời gian: 4 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học có hệ thống loa, âm thanh, sức chứa phù hợp với lượng học sinh.

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu hoặc TV, bảng, phấn, loa, tai nghe, micro.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Marion Grussendorf (2014). *English for Presentations*. Oxford: Oxford University Press.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Kiến thức cơ bản để có một nội dung thuyết trình có sức cuốn hút và thuyết phục.

- Kỹ năng:

Soạn thảo và trình bày được các bài thuyết trình về công việc hoặc theo các chủ đề riêng biệt; Nói có tính thuyết phục người nghe, trả lời chất vấn;

Sử dụng tốt các phương tiện hỗ trợ trong bài thuyết trình;

Xử lý được các tình huống khi thuyết trình.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Phát triển các kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, tinh thần tự học, tự nghiên cứu để phục vụ tốt các công việc trong tương lai.

2. Phương pháp:

Kiểm tra thường xuyên và cuối kì theo hình thức vấn đáp.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học Tiếng Anh Thuyết trình nằm trong phần học tự chọn cho học sinh có đủ kỹ năng phục vụ công việc tương lai.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Dạy theo phương pháp giao tiếp, lấy người học làm trọng tâm.

- Đối với người học:

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Quy định đào tạo Trung cấp hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM, chấp hành quy chế hiện hành của nhà trường, trung thực trong kiểm tra.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Biết tóm tắt các vấn đề cần thuyết trình, sử dụng tốt các phương tiện hỗ trợ trong bài thuyết trình;

4. Tài liệu tham khảo:

Jeremy Comfort (2007). *Effective Presentation*. Oxford: Oxford University Press.

Norman Coe (2006). *Basic Oxford Practice Grammar*. Oxford University Press.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Anh Nhà hàng

Mã môn học: KHCB454

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 00 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Tiếng Anh Nhà hàng là môn học tự chọn thuộc nhóm Môn học chuyên môn ngành trong chương trình giáo dục ngành Tiếng Anh bậc đào tạo Trung cấp.

– Tính chất:

Môn học Tiếng Anh Nhà hàng là môn học thuộc khoa học xã hội, mang tính thực hành gắn liền với việc huấn luyện kỹ năng sử dụng trong nhà hàng.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi học xong Môn học Tiếng Anh Nhà hàng học sinh có khả năng:

Trình bày và phát triển vốn từ vựng, cấu trúc ngữ pháp về nhà hàng, các vật dụng, các thông tin.

Vận dụng lý thuyết về cách ứng xử trong công việc một cách chuyên nghiệp.

Nắm được kiến thức quan trọng và quy tắc ứng xử giao tiếp trong hoạt động thuộc lĩnh vực nhà hàng.

– Kỹ năng:

Sau khi hoàn tất môn học này, học sinh có khả năng:

Nói các câu đơn giản giao tiếp trong đời sống và trong công việc đặc biệt là công việc có liên quan đến nhà hàng và phục vụ trong nhà hàng;

Nghe được các câu và đoạn hội thoại có liên quan đến đời sống, kinh doanh, nghe và trả lời điện thoại về các công việc có liên quan đến nhà hàng và phục vụ trong nhà hàng;

Đọc hiểu các văn bản có liên quan đến đời sống và công việc có liên quan đến nhà hàng và phục vụ trong nhà hàng; Lập được kế hoạch trong công việc;

Xử lý được các tình huống giao tiếp trong nghề nghiệp công việc có liên quan đến nhà hàng và phục vụ trong nhà hàng.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học sinh có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động học tập có ý thức tự học, tự nghiên cứu, thực hiện thành công các công việc có liên quan đến vấn đề nhà hàng và phục vụ trong nhà hàng.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành / thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
1	Unit 1 Looking around a Restaurant	2	2		
2	Unit 2 Restaurant Staff	3	3		
3	Unit 3 Calling a Restaurant	2	2		
4	Unit 4 Welcoming and Seating Guest	3	3		
5	Test 1	1			1
6	Unit 5 Small talk	2	2		
7	Unit 6 Taking Beverage Orders	3	3		
8	Unit 7 Taking Food Orders	2	2		
9	Unit 8 During the Meal	3	3		
10	Test 2	1			1
11	Unit 9 Difficult situations	2	2		
12	Unit 10 Presenting the Bill	3	3		
13	Review	3	3		
Tổng cộng		30	28	00	02

2. Nội dung chi tiết:

Unit 1 Looking around a Restaurant

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong Unit 1, học sinh có khả năng:

Sử dụng các từ vựng có liên quan đến dụng cụ, các khu vực phục vụ trong nhà hàng.

Biết cách sắp xếp bàn ăn đúng chuẩn.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Warm-Up Activities *Where would you like to eat?*
How to set the table?

2.2. Scene I *Learning the Ropes*

2.3. Scene II *Setting the table*

2.4. Language Checklist

2.5. Review Exercise

Unit 2 Restaurant Staff

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong Unit 2, học sinh có khả năng:

Tự giới thiệu bản thân.

Nói về các loại công việc, các chức danh và trách nhiệm trong nhà hàng.

2. Nội dung chương:

2.1. Warm-Up Activities *What Do these People Do?*

2.2. Scene I *Welcome on Board*

2.3. Scene II *Let Me Introduce Myself*

2.4. Scene III *Teamwork Is Everything Here*

2.5. Scene IV *What Are the Hours?*

2.6. Language Checklist

2.7. Review Exercise

Unit 3 Calling a Restaurant

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong Unit 3, học sinh có khả năng:

Nhận tiệc đặt trước qua điện thoại.

Đề nghị món ăn hoặc giới thiệu món ăn.

2. Nội dung chương:

2.1. Warm-Up Activities *What Would You Say if...?*

2.2. Scene I *A Table for Four, Please*

2.3. Scene II *I've Made a Reservation for Tomorrow*

2.4. Scene III *Sorry, All the Tables Are Reserved*

2.5. Language Checklist

2.6. Review Exercise

Unit 4 Welcoming and Seating Guest

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong Unit 4, học sinh có khả năng:

Xử lý tình huống khi nhận khách có đặt chỗ trước và khách chưa đặt chỗ.

Đón chào khách hàng quen biết.

Tiếp nhận thông tin đặt bàn cho các tiệc lớn, hội nghị.

2. Nội dung chương:

2.1. Warm-Up Activities *What Would You Say if...?*

2.2. Scene I *You're a Bit Early*

2.3. Scene II *The Walk-In Guest*

2.4. Scene III *We'd Like to Eat First*

2.5. Language Checklist

2.6. Review Exercise

Test 1

Thời gian : 1 giờ

Unit 5 Small talk

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong Unit 5, học sinh có khả năng:

Bày tỏ sự quan tâm với khách hàng.

Giao tiếp với đồng nghiệp.

2. Nội dung chương:

2.1. Warm-Up Activities *What's OK, and What Isn't?*

Let's Make Small Talk

2.2. Scene I *We Spoke Latvian at Home*

2.3. Scene II *Where's Your Mommy?*

2.4. Scene III *Have You Visited the Park?*

2.5. Language Checklist

2.6. Review Exercise

Unit 6 Taking Beverage Orders

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong Unit 6, học sinh có khả năng:

Nhận yêu cầu về thức uống.

Giới thiệu món uống.

2. Nội dung chương:

2.1. Warm-Up Activities *What Would You Say if...?*

Which Drink Has Alcohol?

2.2. Scene I *You'll Like Our Martinis*

2.3. Scene II *I'd Like to Order a Beer*

2.4. Scene III *While You Wait*

2.5. Language Checklist

2.6. Review Exercise

Unit 7 Taking Food Orders

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong Unit 7, học sinh có khả năng:

Giới thiệu món ăn.

Nhận yêu cầu gọi món của khách hàng.

2. Nội dung chương:

2.1. Warm-Up Activities *What Would You Say if...?*

What Would You Like for Breakfast?

2.2. Scene I *Our Breakfast Menu*

2.3. Scene II *Buddha Jumps over the Wall*

2.4. Scene III *I'd Like the Rib Eye*

2.5. Language Checklist

2.6. Review Exercise

Unit 8 During the Meal

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong Unit 8, học sinh có khả năng:

Phục vụ thức ăn, đáp ứng yêu cầu của khách hàng về ăn uống.

Xử lý tình huống xảy ra khi khách hàng dùng bữa.

2. Nội dung chương:

2.1. Warm-Up Activities *What Would You Say if...?*

What Seems to Be the Problem?

2.2. Scene I *How Is Everything*

2.3. Scene II *The Eyes Are Bigger Than the Stomach*

2.4. Scene III *Excuse Me, Miss*

2.5. Language Checklist

2.6. Review Exercise

Test 2

Thời gian : 1 giờ

Unit 9 Difficult situations

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong Unit 9, học sinh có khả năng:

Xử lý các tình huống khách hàng phàn nàn.

Giải quyết hoặc chuyển cho cấp có thẩm quyền giải quyết tình huống khách hàng phê bình về thức ăn, cung cách phục vụ.

2. Nội dung chương:

2.1. Warm-Up Activities

Murphy's Law – If Anything Can Go Wrong, It Will...

What Seems to Be the Problem?

2.2. Scene I *Dissatisfied Customers*

2.3. Scene II *Sorry about the Delay*

2.4. Scene III *We Have an Announcement to Make*

2.5. Language Checklist

2.6. Review Exercise

Unit 10 Presenting the Bill

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong Unit 10, học sinh có khả năng:

Xử lý các thông tin có liên quan đến hình thức trả tiền của khách hàng

Nói về thuế và các khoản phụ thu có liên quan đến nhà hàng.

2. Nội dung chương:

2.1. Warm-Up Activities *What Would You Like to Pay?*

2.2. Scene I *Could I Sign It to My Room?*

2.3. Scene II *Do you Need Separate Checks?*

2.4. Scene III *Thank You for Dining with Us*

2.5. Language Checklist

2.6. Review Exercise

Review

Thời gian: 3 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học có hệ thống loa, âm thanh, sức chứa phù hợp với lượng học sinh.

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu hoặc TV, bảng, phấn, loa, tai nghe, micro.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

LiveABC's (2010). *Restaurant English*, TP. HCM: NXB TP. HCM.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Các mẫu câu, cấu trúc ngữ pháp và từ vựng thông dụng sử dụng trong lĩnh vực nhà hàng.

- Kỹ năng:

Giao tiếp ứng xử chuyên biệt trong lĩnh vực nhà hàng và có liên quan đến ẩm thực.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Phát triển các kỹ năng làm việc nhóm, tinh thần tự học, tự nghiên cứu để phục vụ tốt các công việc trong tương lai.

2. Phương pháp:

Kiểm tra thường xuyên và cuối kì theo hình thức trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học Tiếng Anh Nhà hàng nằm trong phần học tự chọn cho học sinh có đủ kỹ năng phục vụ trong nhà hàng đáp ứng cho công việc tương lai.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Dạy theo phương pháp giao tiếp, lấy người học làm trọng tâm.

- Đối với người học:

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Quy định đào tạo Trung cấp hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM, chấp hành quy chế hiện hành của nhà trường, trung thực trong kiểm tra.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Kỹ năng xử lý thông tin với khách hàng và với đồng sự trong lĩnh vực nhà hàng.

4. Tài liệu tham khảo:

Robin Walker, &Keith Harding (2010). *Tourism*. Oxford: Oxford University Press.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Anh Nhân sự

Mã môn học: KHCB455

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 00 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Tiếng Anh Nhân sự là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo Bậc Trung cấp ngành Tiếng Anh.

– Tính chất:

Môn học Tiếng Anh Nhân sự là môn học thuộc khoa học xã hội mang tính chất lý thuyết cung cấp kiến thức cơ bản và vốn từ vựng trong lĩnh vực Quản lý nhân sự, rèn luyện cho học sinh kỹ năng đàm phán nhiều vấn đề của công việc về nhân sự. Đồng thời, cung cấp kỹ năng phân tích và thực hành các tình huống xử lý trong quá trình thực hiện công việc như một nhân viên văn phòng Nhân sự của các công ty và trường học.

II. Mục tiêu học phân:

– Kiến thức:

Sau khi hoàn tất môn học, học sinh có khả năng:

Trình bày các thuật ngữ ngành, các văn bản thường sử dụng trong công việc quản lý nhân sự.

Vận dụng được mẫu câu giao tiếp trong đời sống và trong công việc đặc biệt là nhân sự, điều hành nhân sự, tuyển dụng;

– Kỹ năng:

Nói các câu giao tiếp trong đời sống và trong quản lý điều phối nhân sự.

Nghe được các câu nói, các đoạn hội thoại có liên quan đến đời sống, kinh doanh, thương mại; nghe và trả lời điện thoại về các công việc có liên quan đến tuyển dụng, quản lý, điều hành nhân sự;

Đọc hiểu và lập được các văn bản có liên quan đến nhân sự và quản lý nhân sự, lập kế hoạch nhân sự.

Xử lý được các tình huống giao tiếp trong nghề nghiệp có liên quan đến vấn đề quản lý nhân sự.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học sinh tự giác và chủ động tự học tập và làm bài tập ở nhà, dự lớp, thảo luận, làm việc nhóm làm kiểm tra đầy đủ theo quy định.

III. Nội dung học phần:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong học phần	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành / thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
1	Unit 1 Recruitment	4	4		
2	Unit 2 Selection	4	4		
3	Test 1	1			1
4	Unit 3 Employee relations	4	4		
5	Unit 4 HR development	4	4		
6	Unit 5 Reward and remuneration	4	4		
7	Test 2	1			1
8	Unit 6 Industrial relations	4	4		
9	Review	4	4		
Tổng cộng		30	28	00	02

2. Nội dung chi tiết:

Unit 1 Recruitment

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài 1, học sinh có khả năng:

Giới thiệu ngành nghề.

Đưa ra đề nghị, tranh luận về vấn đề nghề nghiệp.

2. Nội dung chương:

2.1. Job descriptions

2.2. Person specifications

2.3. Listening

2.4. Recruitment sources and advertising

2.5. Reading *The benefits of using recruitment advertising agencies*

Unit 2 Selection

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài 2, học sinh có khả năng:

Sắp xếp lịch hẹn, tiến hành một buổi phỏng vấn

Giao tiếp với người phỏng vấn hoặc người được phỏng vấn.

2. Nội dung chương:

2.1. Job advertisements *Travel Adviser – The Office, Crawley*

2.2. A curriculum vitae

2.3. The job interview *Interview notes*

2.4. Ageism

Test 1

Thời gian: 1 giờ

Unit 3 Employee relations

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài 3, học sinh có khả năng:

Viết thư từ chối hoặc đồng ý liên hệ công tác

Đưa ra các thông tin yêu cầu cho đối tác.

2. Nội dung chương:

2.1. Employment contracts

2.2. Disciplinary and grievance procedures *Dealing with grievances*

2.3. Health and safety at work – stress and workplace injuries

2.4. Reading *Workplace injuries*

Unit 4 HR development

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài 4, học sinh có khả năng:

Giới thiệu, viết thư tiến cử.

Viết thư đánh giá hoặc xác định phẩm chất ứng viên.

2. Nội dung chương:

2.1. HR development practices

2.2. Dealing with staff problems

2.3. Appraisal interviews and reports

2.4. Training courses

2.5. Equal opportunities and diversity

2.6. Reading *Equal opportunities versus diversity...*

Unit 5 Reward and remuneration

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài 5, học sinh có khả năng:

Yêu cầu phản hồi thông tin.

Nói lưu loát vấn đề tiền lương, tiền thưởng và các vấn đề có liên quan đến con số và số liệu.

2. Nội dung bài:

2.1. Salaries and fringe benefits *Benefits & rewards*

2.2. Salary reviews

2.3. Reading *Dissatisfaction over benefits packages*

Test 2

Thời gian: 1 giờ

Unit 6 Industrial relations

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài 6, học sinh có khả năng đàm phán, thuyết phục hiệu quả.

2. Nội dung bài:

2.1. The role of trade unions

2.2. Labour relations

2.3. A wage negotiation

Review

Thời gian: 4 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học lí thuyết

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu, bảng, phấn, loa, micro.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Pat Pledger (2008). *English for Resources*. Oxford: Oxford University Press.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Từ vựng và thuật ngữ ngành trong quản lí, quản lí và điều hành nhân sự.

- Kỹ năng:

Lập kế hoạch nhân sự, phỏng vấn tuyển dụng, đánh giá sau phỏng vấn, viết thư mời tuyển dụng hoặc từ chối tuyển dụng; phản hồi thông tin.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học sinh tự giác và chủ động tự học tập và làm bài tập ở nhà, kiểm tra trung thực.

2. Phương pháp:

Kiểm tra theo hình thức tự luận.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học Tiếng Anh Nhân sự được áp dụng cho học sinh bậc đào tạo Trung cấp ngành Tiếng Anh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

Giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung chương trình học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp. Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho học sinh trước ít nhất một tuần để học sinh chuẩn bị trước khi lên lớp. Tổ chức cho học sinh các buổi seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp và hướng dẫn học sinh thực hành giảng dạy.

- Đối với người học:

Tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ. Nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng. Đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên. Tự giác trong khâu tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi seminar. Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu. Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Viết báo cáo khảo sát nghiên cứu thị trường và hoạch định nhân sự, biết cách tận dụng nguồn tài liệu mở từ Internet.

4. Tài liệu tham khảo:

Jeremy Comfort (2007). *Effective Presentation*. Oxford: Oxford University Press.

Norman Coe (2006). *Basic Oxford Practice Grammar*. Oxford: Oxford University Press.

Sylee Gore (2008). *English for Marketing & Advertising*, Cambridge: Cambridge University Press.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA